

Đào Văn Hội

Truyền Kỳ Đối Chiếu

(Luân lý nhi đồng)

1974

Năm Giáp Dần

**Cháu ngoại Nguyễn Minh Điền
Đánh máy và trình bày
- 2009 -**

*Có trời mà cũng có ta,
Tu là cội phúc, (thù) là dây oan*

Nguyễn Du
(xin đổi một chữ)

*Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*

Ca dao miền nam

Tài liệu tham khảo

Hoàng Trọng Miên	Việt Nam Văn Học Toàn Thư II	Nhà in Nguyễn Đình Vượng – Sài Gòn
Nguyễn Duy	Truyện cổ Việt Nam	Xuất bản Bốn Phương – Sài Gòn
Viết Biểu Thái Văn Kiêm	Đất Việt Trời Nam	Nhà Xuất Bản Nguồn Sống – Sài Gòn
Ch. Perrault	Contes	Librairie Hachette - Paris
A. Aubin, C. Prévost, R. Collin	Contes d’hier et récits d’aujourd’hui	Librairie Hatier – Paris
France, Asie	N° 37 – 38 Printemps 1949	Imp. Française d’Outremer – Saigon
	N° 52 – 73 – 79 – 84 – 91 – 162 – 163	Imp. D’Ex. Orient – Saigon
Phạm Duy Khiêm	Légendes des Terres Sereines	Mercure de France – Paris
Trương Vĩnh Ký	Chuyện đời xưa	Nhà sách Khai Trí – Sài Gòn
Đào Văn Hội	Phi Âu Ký Sự	Nhà in Mạnh Phước – Gò Vấp

Ông Đào Văn Hội, đốc phủ sứ hồi hưu, tuổi đã thất tuần, lúc nào cũng hăng hái lo nghĩ đến vấn đề văn hóa, sự giáo dục thanh thiếu niên.

Trọn đời làm quan, ngoài việc lo tròn nhiệm vụ, ông hằng lưu tâm đến việc học hỏi, thu thập tài liệu về phong tục, tham khảo về lịch sử để biên soạn những quyển *Nam Kỳ Danh Nhân* (1945), sau đổi là *Danh nhân Nước Nhà* (1951), *Ba Nhà chí sĩ họ Phan* (1955), *Phong tục miền Nam qua mấy vần ca dao* (1962) ... Gần đây, nhân dịp đi Phi châu chữa bệnh, ông có viết tập hồi ký *Phi Âu ký sự* (1972), với giọng văn chân thật, ghi lại cảm tưởng của người yêu đời hiếu học.

Sau thảm cảnh chiến tranh tàn khốc, lòng người ly tán, thường quay về với đạo lý, tín ngưỡng. Ở Việt Nam, ngót hai mươi lăm năm cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, những cảnh mưa bom mìn nổ, pháo kích đạn bay, cảnh thịt rơi máu đổ, cửa nát nhà tan, khiến con người quen với sự độc ác dã man, với tánh hư tật xấu, mạnh ai nấy lo thân sống bấp bênh, giá trị tinh thần xuống thấp, luân thường đảo ngược, những thuyết hiện sinh, “hippy” đầu độc tinh thần thanh thiếu niên, trước cảnh thê lương ảm đạm ấy, những vị ưu thời mẫn thế thường lo cho tương lai đen tối của dân tộc, nghĩ đến phương châm văn hồi đạo đức, bắt đầu là giáo dục thiếu niên.

Ông Đào Văn Hội cũng nghĩ đến phương diện ấy, đã sưu tập, biên dịch những chuyện cổ tích, truyền kỳ trên thế giới, góp thành tập sách giải trí *Truyền kỳ đối chiếu* (luân lý nhi đồng).

Với 34 chuyện đủ loại : cổ tích, truyền kỳ, tiểu lâm, giai thoại địa phương và với lối văn dễ hiểu, nhẹ nhàng, mĩa mai châm biếm, đôi khi cũng dí dỏm, ông hy vọng góp một phần nào vào việc giáo dục nhi đồng.

Nói đúng ra, những chuyện cổ tích chẳng phải riêng dành cho trẻ em, mà luôn cho cả người lớn, nên suy gẫm đến những việc thiện ác mà răn mình.

Tôi hân hạnh xin giới thiệu tập chuyện này cùng bạn đọc

Sài Gòn ngày 25 tháng 10, 1974

Lê Ngọc Trụ

Thay lời tựa

*Dinh thiên tang tóc, Trời đau đớn,
Mãn địa tiêu điều, Đất xót xa !*

Trước thảm cảnh chiến tranh, những bậc ưu thế mãi thời sao khỏi thở than, rằng giá trị tinh thần thế kỷ hai mươi không theo kịp đà tiến triển “vượt không gian” của văn minh kỹ thuật !

Sở dĩ kẻ lớn tuổi say sưa giết người là vì, một trong các nguyên nhân tội ác, chính họ bị đầu độc tinh thần từ thuở bé. Ta thấy chẳng, trẻ em mới mười mấy xuân xanh đã dầy đầy nhúng tay vào tội lỗi.

Bởi thế cho nên, những nhà hiền triết, mô phạm, những vị lãnh đạo chánh trị, tinh thần, động lòng trắc ẩn, thực hành phương châm văn hóa đạo đức, bắt đầu là đặc biệt chú trọng đến vấn đề giáo dục nhi đồng, hướng dẫn trẻ em vào đường ngay nẻo thẳng, ngõ hầu, được uốn nắn trong khuôn viên luân lý, suốt đời trẻ em sẽ giữ tánh tốt tâm lành.

Chính với mục đích ấy mà, chẳng nệ tài sơ, chúng tôi sưu tầm, biên dịch, công hiến các em tập sách giải trí này :

*Truyện kỳ đối chiếu
(Luân lý nhi đồng)*

Hy vọng thỏa mãn phần nào trẻ em về hai phương diện :

- trí tưởng tượng các em mà đa số thích những truyện thần tiên ly kỳ;
- tánh cách nghĩa nhân trung hiếu trong câu chuyện;

Bổn tánh thiên nhiên trẻ em thường hoan nghinh những gương tiết nghĩa, Tạo hóa chí công, thưởng lành phạt ác.

Sau cùng, để tăng phần lý thú cho độc giả, chúng tôi cho đối chiếu những truyện kỳ có điểm tương đồng và dị biệt của những quốc gia, hoặc gần nhau, hoặc cách xa nhau trên quả địa cầu.

Hy vọng nhờ sự hài lòng nói trên mà trẻ em sẽ hấp thụ cốt tủy luân lý ẩn tàng trong tập truyện.

Vẫn biết có nhiều loại sách tương tự hay khác biệt đã ra đời nhằm chung một mục đích, tuy nhiên, trong tào nhà văn hóa đạo đức Việt Nam đồ sộ, viên gạch nhỏ bé chúng tôi kính cẩn góp vào, thiết nghĩ chưa phải là thừa thãi.

Ước sau tập truyện khiêm tốn này được may mắn giúp ích ngoài học được, xã hội, trong gia đình, là chúng tôi mãn nguyện.

Sài Gòn, mùa Phật Đản năm Giáp dần

1974

Đ. V. H.

Phần I

Truyền Kỳ Đới Chiếu

A -

- 1) Con Tấm con Cám
- 2) Con cá bống vàng
- 3) Tình mẫu Tử
- 4) Cô bé lọ lem
- 5) Khổ vì sắc đẹp
- 6) Nàng nữ công nhân

Truyền kỳ Việt Nam
Thái Lan
Cao Miên
Pháp
Marôc

B –

- 7/1) Vợ Tiên chồng tục
- 8/2) Chàng ngư phủ với nữ thủy tiên
- 9/3) Mỹ nhân ngư đảo Thạch hoa
- 10/4) Giếng Trọng Thủy, máu Mỵ Châu

Việt Nam
Thụy Điển
Nam Dương
Việt Nam

C –

- 11/1) Con thỏ với con rùa
- 12/2) Thỏ Việt cứu voi
- 13/3) Chú thỏ cứu thợ săn

Triều Tiên
Việt Nam
Phi châu

D –

- 14/1) Từ Thức lên Tiên
- 15/2) Nhất Lang xuống biển

Việt Nam
Nhật

E –

- 16/1) Nhẫn tâm giết chồng
- 17/2) Tình đời bạc bẽo

Ai lao
Ấn độ

F –

- 18/1) Giá hạnh phúc
- 19/2) Nguyệt lão xe duyên

Ấn độ
Trung Hoa

G –

- 20/1) Tích con muỗi
- 21/2) Tích con muỗi
- 22/3) Ông Cống Quỳnh
- 23/4) Hiếu khách

Việt Nam
Cao Miên
Việt Nam
Marôc

Phần II

Cổ Tích

- 24/1) Tàng đá thần
- 25/2) Con Kéc cứu chủ
- 26/3) Đại hùng, đại lực
- 27/4) Con Gấu với cây sung
- 28/5) Anh chần lặc đà với Ông Giáo Sĩ
- 29/6) Truyền Thần Kacken
- 30/7) Cây chết trở hoa

Ai Lao
Ấn Độ
Cao Miên
Truyện Á Rập
Thụy Điển
Nhật

Phần III

Giai thoại địa phương

- 31/1) Phú ông mất vàng
- 32/2) Bà già bị ếm ... giàu
- 33/3) Tướng tâm
- 34/4) Quả báo nhãn tiền

Phần I

Gồm hai mươi ba (23) truyện, phân làm bảy (7) nhóm

A – Nhóm thứ nhất

Sáu truyện

1) Con Tấm con Cám	Truyền kỳ Việt Nam
2) Con cá bống vàng	Thái Lan
3) Tình mẫu Tử	Cao Miên
4) Cô bé lọ lem	Pháp
5) Khô vì sắc đẹp	
6) Nàng nữ công nhân	Marốc

Vai chính trong mấy truyện này đều là những thiếu nữ nghèo nàn nhưng đẹp đẽ, đoan trang, nhờ một bà mẹ Tiên nâng đỡ, từ địa vị một thôn nữ tầm thường đến phẩm bậc cao nhất của một bà Hoàng hậu, hoặc kết duyên cùng Thái tử.

Ngõ hầu tiện việc so sánh sau này, chúng tôi trước xin lược thuật mấy truyện nói trên.

1) Con Tấm, con Cám

Con Cám chính là một nàng Tiên phải đọa, chịu bao nỗi đắng cay, vì bị con Tấm, chị cùng cha khác mẹ, ghét ghen và bà mẹ ghẻ ác độc hành hạ.

Con cá bống mú của Cám nuôi bị Tấm làm thịt, mảnh xương cá chôn dưới đầu giường được Bò Tát cho biến thành một bộ y phục đẹp huy hoàng và sự ngẫu nhiên khiến cho Thái tử lượm được chiếc hài thêu của Cám, kết duyên cùng nàng.

Mẹ con Tấm âm mưu giết nàng, hồn Cám biến ra mọt mả. Mọt mả cũng bị Tấm xào ăn, hồn linh hóa thành trái ớt, ẩn trong khay gạo bà già và sau cùng là tái hợp cùng Thái tử.

Nàng trả thù chị Tấm hơi tàn nhẫn, là gạt chị vào tắm trong chảo nước sôi, rồi lóc thịt chị làm mắm gửi về biếu bà mẹ ghẻ ...

2) Con cá bống vàng

Cha của Huệ giết vợ lớn ngoài sông, hồn bà ấy nhập vào một con cá bống vàng, Huệ đem về nuôi. Song cá bị mẹ con bà mẹ ghẻ sát hại, hồn (cá) biến thành cây cà, sau cùng là hai cây bồ đề lá vàng lá bạc.

Được nhà Vua phong làm Hoàng hậu, Huệ bị mẹ ghẻ và cô chị mưu sát, hồn nàng hóa thành con chim Anh Vũ, nhờ một tu sĩ cảm thương cho hoàn hình là một thiếu phụ yêu kiều, được nhà Vua đến rước. Chị của Huệ bị luật pháp xử tử hình, Vua cho bằm thịt tội nhân, sai người mang về làng đất cha và mẹ ghẻ.

Tu sĩ được Vua rước về đền thuyết pháp và luật quả báo luân hồi.

3) Tình mẫu tử

Truyện này xuất xứ ở nước Cao Miên.

Cũng như truyện trước, anh ngư phủ giết bà vợ lớn ngoài sông, hồn vợ nhập vào một con cá to, đưa con gái tên Thu Cúc đem cá về nuôi, lại bị con em khác mẹ là Xuân Đào giết cá ăn thịt.

Hồn cá biến làm cây cà.

Cà bị nhỏ.

Hồn nhập vào hai cây thần mộc. Nhà Vua phong Thu Cúc làm Hoàng hậu và nhờ nàng cầu nguyện đem cây thần về ngự uyển.

4) Cô bé lọ lem

Truyện do văn hào Pháp Charles Perrault viết.

Cùng cha khác mẹ với hai chị, cô Lọ Lem đảm đương tất cả công việc nặng nhọc trong nhà, trong khi ấy hai chị được nuông chiều đáo dể.

Hai chị được dự dạ hội do Hoàng Tử tổ chức. Tiên nương là mẹ đỡ đầu cho Lọ Lem, giúp cho con một chiếc xe (vốn là một trái bí đao), sáu con tuần mã (sáu con chuột lắt), anh đánh xe là con chuột cống, sáu anh gia nhân (con rắn mối) với điều kiện là phải trở về trước nửa đêm...

Đêm sau, vì Lọ Lem quên lời Tiên dặn, tất cả ngựa xe sang trọng của nàng biến thành ... trái bí đao, chuột và rắn mối !

Nàng chạy đi, sút một chiếc giày, Hoàng Tử lượm được. Nàng mang vừa vặn chiếc giày, được Thái Tử cưới làm vợ.

Không oán thù hai chị, nàng làm trung gian cho hai chị kết hôn cùng hai chàng quý phái.

5) Khổ vì sắc đẹp

Vì tham vọng của người mẹ mà Thanh Liên, một cô thôn nữ càng lớn, càng xinh đẹp thông minh, được nhà vua kén làm vợ cho Thái Tử.

Được phong làm Hoàng hậu, nàng bị Thái hậu âm mưu hãm hại, nhà vua kết án tử hình.

Nàng còn kịp thời giờ hối cải, nhờ Tiên nương biến cho hình dạng xấu xa, đem về đồng nội, sống một cuộc đời hàn vi song an lạc, không luyến tiếc sắc đẹp ngai vàng.

6) Nàng nữ công nhân

Là một cô gái đẹp có đức hạnh, dùng nhan sắc và sự khôn ngoan mình mà làm cho vị quốc vương để ý, kết cuộc là hai người đi đến hôn nhân.

Sau đây chúng tôi xin nêu những điểm tương đồng và dị biệt trong sáu truyện kể trên.

Những điểm tương đồng

a) Cả sáu nàng đều là thiếu nữ đẹp, song :

- Con Cám,
 - Nàng Huệ (trong “Con cá bóng vàng”),
 - Thu Cúc (Tình mẫu tử),
 - Cô bé Lọ Lem,
 - và Nữ công nhân
- đều đầu tắt mặt tối, làm việc không hờ tay.

b) Cả sáu người đều được sánh duyên cùng Thái tử, hoặc được phong ngay làm Hoàng hậu.

- Con Cám nhờ Bồ Tát cứu độ. Nàng Huệ và Thu Cúc nhờ hồn mẹ, cũng là Tiên nương, gia hộ.

Ba truyện này có tính cách huyền bí Tiên Phật như nhau, vì ba xứ Việt Nam, Thái Lan và Cao Miên là lân bang và đều chịu ảnh hưởng Phật Giáo.

- Cô bé Lọ Lem và Thanh Liên (Khổ vì sắc đẹp) đều nhờ một bà Tiên giúp đỡ và cứu độ lúc nguy nan.

Cám và Lọ Lem mang thử chính chiếc giày của mình và được sánh duyên cùng Thái tử.

c) Mẹ con chị Tấm và mẹ con nàng Hương (Con cá bóng vàng) âm mưu giết hại Cám và Huệ để đoạt ngôi cao cả cho Tấm, cho Hương, song linh hồn Cám và Huệ vốn là Tiên, nên kẻ biến làm chim hoành hoạch (Cám), kẻ hóa làm chim Anh Vồ (Huệ) vì duyên nợ cùng Thái Tử, cùng nhà Vua, chưa mất.

- Con Cám báo thù, giết chị Tấm làm mắm tặng bà mẹ ghẻ, còn mặc dầu Huệ tha giết cho Hương, song luật pháp đã kết án tử hình, Hương chết, thịt bị băm và gói về cho song than y thị, thế cũng gọi là một điểm tương đồng.

d) Trong “Con cá bóng vàng” và “Tình mẫu tử”, hai anh ngư phủ đều giết vợ ngoài sông, hồn mẫu thân của Huệ và Thu Cúc biến làm con cá bóng vàng và con cá sông to, sau cùng là hai cây bồ đề lá vàng lá bạc, và hai cây thần mộc, hoa đặc biệt thơm tho, nhà vua muốn bứng về đền nhưng tất cả lực lượng binh sĩ, ngựa voi, đều không lay chuyển nổi, chỉ có lời cầu nguyện và hai bàn tay nhỏ bé của Huệ và Thu Cúc mà làm cho cây Thần dùng hàng không từ giã sơn lâm, vào ngự uyển.

Những điều dị biệt

Nàng Cám (của Việt Nam) và Huệ (của Thái Lan) đều có cốt Tiên nên tiếp nối biến hóa ra nhiều hình thể khác nhau mà thoát nạn.

- Thu Cúc (Tình mẫu tử),
- Cô bé Lọ Lem, Thanh Liên (Khổ vì sắc đẹp) toàn là phàm phu, song nhờ mẹ Tiên giúp đỡ.

Riêng nàng “Nữ công nhân”, nàng chỉ nhờ sắc đẹp và sự thông minh khôn khéo của mình mà thành công thôi.

Sau đây, xin mời độc giả thưởng thức Phần I, nhóm A, tập *Truyện Kỳ Đối Chiều* của chúng tôi.

1) Con Tấm con Cám

Truyện kỳ Việt Nam

Thuở xưa kia, ở nước Việt Nam, dưới triều Nhà Lý, có đôi vợ chồng trưởng giả. Bà vợ chánh mắt sớm, để lại một gái tên là con Cám thùy mị đoan trang, mặt mày xinh đẹp.

Bà kế mẫu cũng có một đứa con riêng, tên là con Tấm. Cả hai đều trạc tuổi nhau.

Bữa nọ, kế mẫu bảo hai nàng rằng :

- Hai đứa bây ra ngoài đồng xúc cá, đứa nào được nhiều cá thì làm chị, đứa nào ít hơn làm em, không được tranh chấp.

Thế là hai nàng xách giỏ ra đồng. Tấm mãi mê chơi bời không bắt được con cá nào hết. Cám siêng năng nên cái giỏ cá gần đầy.

Tấm mới gạt Cám lối hái dùm mình một bông hoa súng. Thừa dịp, Tấm trút hết cá của Cám vào giỏ mình.

Về nhà, dĩ nhiên Tấm được làm chị, Cám phải làm em. Úc lòng, Cám ngồi nức nở khóc. Tiếng khóc than cảm động đến Bò Tát, ngài hiện xuống hỏi sự tình, Cám tức tưởi kể sự việc xảy ra. Bò Tát bảo nàng xem trong giỏ còn con cá nào chẳng, thì ra sót giỏ còn một con cá bóng mú nhỏ.

Bò Tát bảo nàng lấy cơm nuôi cho chóng lớn.

Cám vâng lời, nuôi con bóng mú dưới ao, mỗi ngày đem cơm ra gọi cá lên ăn.

Ngày tháng tợ thoi đưa, con cá bóng mau lớn và rất đẹp, người với cá triu mến nhau.

Cử chỉ của Cám mỗi chiều đều ra ao, làm cho Tấm sanh nghi, rình rập thấy Cám nuôi con cá bóng.

Thừa dịp một buổi Cám đi vắng, Tấm ra bờ ao gọi cá bóng lên rồi bắt làm thịt !

Cám về, kêu con cá bóng, mới hay nó đã biệt dạng. Cám ngồi khóc cá bên bờ ao. Con gà trống vàng đang bươi ăn gần đó, liền đập cánh phạch phạch, cất tiếng gáy lên rằng :

“Ồ ó o, ooo ! Cho ba hột thóc, chỉ xương cho, ồ ó o, o”

Cám mừng rỡ, chạy vào nhà lấy thóc ra cho gà ăn. No bụng, gà đi ngay lại đồng rác bươi tìm được mấy đốt xương cá bóng.

Cám nhặt xương, nhưng chẳng biết làm gì, nhớ đến cá xưa, lại ngồi rung rung nước mắt.

Bò Tát hiện ra, bảo nàng bỏ xương vào một cái hũ chôn dưới chơn giường cho đúng ba tháng mười ngày sẽ đào lên. Quả nhiên, đúng ngày giờ, Cám đào cái hũ lên, thấy trong đấy một bộ y phục rất đẹp với một đôi hài thêu.

Bấy giờ, bà kế mẫu giao cho Cám phận sự hằng ngày đuổi trâu ra đồng cho ăn. Vì sợ chôn lâu ngày đôi hài ẩm ướt, Cám mang giày phơi trên sừng trâu. Sự đâu bắt ngờ, con quạ bay ngang xort lấy một chiếc đem bỏ nơi đền Thái tử.

Thái tử lượm xem chiếc hài nhỏ đẹp, thêu kéo cực kỳ, lấy làm thích ý, tưởng chừng thiếu nữ mang chiếc hài ấy chắc là một tuyệt sắc giai nhân, bèn truyền rao ai có chiếc hài đủ đôi với chiếc hài ấy, sẽ được kết duyên cùng Thái tử.

Nghe lệnh truyền, con Tấm nôn nao, mẹ của Tấm cho nàng đi trước vào đền để xem chiếc hài. Cám cũng xin đi xem thử.

Bà kế mẫu cai nghiệt đưa cho nàng một giạ đậu trắng, đậu đen lộn lạo, bảo phải lựa cho xong làm hai thúng, trắng theo trắng, đen theo đen, rồi mới được đi.

Ngồi trước giạ đậu, Cám khô tâm, biết lựa đến bao giờ cho xong, rầu rĩ khóc.

Bồ Tát cảm thương, sai hai con bồ câu đến, mau lựa một giờ là xong.

Cám mừng rỡ, giã ơn hai con chim thần, gỡ đầu chải tóc, mặc quần áo mới vào, lấy chiếc hài thêu bỏ vào túi, lên đường đi đến kinh đô.

Nàng mang vừa vặn chiếc hài thêu rồi móc túi lấy chiếc kia ra mang vào, đôi hài giống nhau như hệt.

Thái tử vui mừng, cảm sắc đẹp đoan trang của Cám, cưới nàng làm vợ.

Đôi vợ chồng niên thiếu sống chuỗi ngày hạnh phúc.

Nơi thôn ỏ xa xôi, mẹ con Tấm hay tin ghét ganh vô tận, lập tâm kêu Cám về, lấy cớ là cha nàng đau nặng.

Người cha thêm ăn cau đây. Cám trèo lên cây cau bẻ trái, dì ghẻ với Tấm ác tâm vác dao đốn cây cau ngã.

Cám té xuống chết, linh hồn biến thành con chim hoành hoạch. Bà kế mẫu cho Tấm mặc lấy y phục của Cám, vào đền làm vợ Thái tử.

Thái tử biết được tin Cám chết, buồn bã vô cùng.

Một bữa, Tấm giặt áo cho Thái tử, con chim hoành hoạch bay đến hát rằng :

« Hoành hoạch, hoành hoạch, giặt áo chồng tao thì giặt cho sạch, có phơi bằng sào, đừng phơi hàng rào rách áo chồng tao ».

Bất ngờ, Thái tử nghe thấy lấy làm lạ, kêu chim bảo rằng : « Hoành hoạch, hoành hoạch, như phải vợ tao thì lòn tay áo, không phải vợ tao thì tháo trở ra ».

Thái tử dứt lời, quả nhiên con chim chun vào tay áo Thái tử mà nằm.

Thái tử ôm chim bỏ vào lồng, sớm tối tung tiu.

Một hôm, Thái tử có việc đi vắng, Tấm ở nhà bắt chim nhỏ lông làm thịt.

Thái tử về, chẳng thấy chim đâu, hỏi Tấm, Tấm thưa rằng :

- Thiếp có thai nghén nên thèm thịt chim, thiếp lờ ăn thịt nó rồi.

Thái tử buồn bực nói :

- Chuyện dĩ lỡ thì thôi, vậy lông chim nàng bỏ ở đâu ?

Tấm chỉ sau vườn. Thái tử ra, thấy nơi đóng lông chim mọc lên một mụn mảng. Chàng biết đó là hậu thân của Cám, ngày ngày chàng săn sóc vun tưới mụn mảng.

Tầm lên xắn mọt măng xào ăn và bỏ vỏ măng ở ngã ba đường.

Lòng trần còn vương, hồn linh của Cám biến làm trái thị, nhún lên nhún xuống giỡn chơi theo chiều gió.

Một hôm, có bà lão ăn mày đi ngang qua, thấy trái thị tròn tươi, đỏ ửng, bà phát thèm mới ước rằng :
« Trái thị, trái thị, rót bị bà già, giú chín ăn chơi ».

Bà ngứa bị ra húng, tức thì trái thị sa ngay vào bị, bà đem về giú trong khạp gạo. Mỗi bữa, bà lão đi hành khất về, dỡ nắp khạp ra xem, trái thị vẫn chưa chín.

Nhưng lạ làm sao, một bàn tay bí mật nào quét dọn trong nhà thơm tất !

Bà lão nghi ngờ, tự hỏi : « Tiên hay là yêu qui chi đây ? »

Bà để ý rình thì thấy một cô gái đẹp trong khạp gạo chun ra. Cô gái ấy, tức là hồn Cám lai sinh, thuật rõ sự tình và xin bà cho dùm đậu. Trong tâm lẫn lộn thương mừng, bà nhận Cám làm nghĩa nữ.

Ngày giỗ ông chồng bà lão, Cám xin mẹ nuôi vào đền mời Thái tử đến ăn giỗ.

Hắn độc giả hiểu bà lão quê mùa, nghèo khổ, lo sợ đến bức nào, vì đến cửa vua nào phải dễ, nhưng Cám an ủi bà, truyền đức tin vững chắc cho bà, bà mạnh dạn ra đi.

Thái tử bảo :

- Nếu bà có chiếu trái đào, vàng treo ngõ, tôi mới đến dự tiệc giỗ chồng bà.

Bà lão kinh sợ và thất vọng, về thuật lại Cám nghe. Nàng bảo bà đừng lo, nàng xin đảm đương việc đó.

Ngày giỗ đến, Thái tử thấy bà già nghèo khó mà thực hiện được điều kiện của chàng, liền đến dự.

Cơm nước xong, bà lão dâng trà. Thái tử thấy miếng trà tèm khéo quá, lấy làm lạ hỏi :

- Trà bà lão tèm rất khéo, chính bà tèm hay mượn ai tèm hộ ? Sao lại giống miếng trà vợ tôi tèm ngày xưa !

Bà cung kính đáp :

- Chính tay già này tèm. Để già tèm thử ngài xem.

Trong lúc bà tèm trà, Cám hóa làm con ruồi đậu trên lá trà. Ruồi đậu nơi đâu thì bà quệt vôi, hoặc lấy chìa vôi xoi lỗ găm cuống trà nơi đó. Thành thử, miếng trà nào cũng khéo léo không kém miếng nào.

Thái tử tinh ý, thấy con ruồi kỳ lạ bay tới bay lui trên miếng trà, chàng lấy quạt, quạt đuổi nó đi. Thế là bà lão tèm không khéo nữa.

Thái tử gạn hỏi nguyên do.

Bà mới kể rõ việc nuôi Cám làm nghĩa nữ và Cám có tài tèm trà hay như vậy. Thái tử mừng rỡ xin gặp mặt nàng.

Cám trong buồng bước ra, đẹp như tiên nga giáng thế.

Vợ chồng vui vẻ nói sao cho cùng, dắt nhau về đền, hưởng hạnh phúc như xưa...

Tắm thấy em đẹp hơn lúc trước, hỏi rằng :

- Em làm thế nào được đẹp đẽ hơn xưa như vậy ?

Cám trả lời :

- Em nhờ tắm trong chảo nước sôi, nên được trắng da dài tóc.

Lòng tham dấy động, Tắm muốn đẹp như em, mới đun một chảo nước sôi, nhảy vào mà tắm. Đẹp đâu chưa thấy mà Tắm bị phỏng nước sôi, chết như con gà luộc !

Cám bèn chặt thây Tắm làm mắm gửi về biếu bà kế mẫu.

Bà mừng rỡ dỡ ra ăn, khen ngon đáo để.

Lúc bấy giờ, có con quạ bay ngang qua, kêu lên rằng :

- Quạ, quạ, bà già ăn thịt con, nhai xương giòn khừ khừ !

Bà chười con quạ, vác đá liệng nó, chừng ăn đến đầu và tay chon con gái dưới đáy hũ, bà mới biết mình ăn lầm thịt con, con Tắm...

Chắc hẳn bà ghê tởm đến nỗi phát điên lên, đó là quả báo tội ác mẹ con bà !

2) Con Cá Bống Vàng

Truyện kỳ Thái Lan

- Cha ơi, cha, bữa nay cha về trễ vậy ? Còn mẹ con đâu ?
Huệ đón hỏi cha đi chài về.

Không ngó ngang đến con, ngư phủ vào nhà trò chuyện cùng bà vợ hai và, giây phút, Huệ nghe cha cười giòn với hai em, con bà vợ đó.

Bác thợ chài tên Huynh có hai người vợ : Huệ là con nàng Tỷ, chánh thê. Thứ thiếp, tên Muội, có hai con : Hương và Út.

Thời gian sau này, Huynh càng yêu vợ lẽ hơn và thường quát mắng vầy bữa nàng Tỷ.

Bữa kia, hai bà gấu ó với nhau dữ dội, Huynh đánh Tỷ một trận nên thân và, hôm sau, buộc Tỷ theo mình ra chài ngoài biển.

Trông thấy vợ như đinh đóng mắt, Huynh mặt giận dầm dề. Rủi làm sao, hôm ấy bác chỉ chài vón vện có một con cá bống vàng ; bác cau mặt, lẩm bẩm :
- Ổ với con này thật là xui xẻo !

Bác lượm con cá bé kia ném mạnh xuống nước, Tỷ van cầu bác, nếu lại bắt được nó, thôi đừng quăng câu nữa.

Ba phen vãi chài, ba phen con cá bống vàng vô nằm gọn trong đáy, dường như nó thích « làm thân » vợ chồng bác Huynh lắm vậy.

Lần nữa, Tỷ năn nỉ chồng cho nàng con cá để nàng tặng bé Huệ nuôi chơi. Huynh sừng sộ đáp :
- Mặc kệ nó, trời nắng như đốt như thiêu, không hái được mớ cá nào lại bị con cá mắc toì này nó trêu cợt !

Sôi gan tốt độ, bác dơ tay toan giáng cho vợ một đòn, nàng kinh hoảng thôi lui, trượt chơn té nhào xuống nước.
- Khéo làm nư ! Ổ đó mà tắm cho mát mẻ !

Rồi, chẳng thèm cứu vớt người vợ đã cùng nhau chia vui xẻ buồn, bác Huynh vừa mệt vừa tức, quay thuyền trở vào bờ.

Nghe con hỏi mãi : « Mẹ con đâu, sao mẹ chưa về ? » Huynh bực mình nói :

- Mi hãy nghe đây, rồi đừng làm rộn ta nữa :

Mẹ mi viếng Thủy tề,
Ba bữa lại quay về,
Chớ đợi trông vô ích,
Nàng trầm giấc ngủ mê.

Nghe xong, Huệ khóc mướt, em đã hiểu mấy câu bí hiểm kia, vì em nghe rằng, khi người ta chết chìm, tử thi sinh lên và nổi trên mặt nước ba ngày đầu, sau đấy lại vĩnh viễn trầm đáy nước. Em cũng biết rằng người chết đắm, nếu là đàn bà thì ngằm ngửa, còn đàn ông thì nằm úp mặt.

Huệ không gan hỏi nữa, tìm nơi thanh vắng khóc than nhớ mẫu thân. Hằng ngày, em đắng cay chịu cảnh cha đánh đập, di ghê hành hạ. Di còn hăm dọa rằng nếu Huệ mặt nặng mày nhẹ, dĩ sẽ đồn mẹ em, nàng Tỷ, đã cuốn gói theo trai !

Trước mặt cha với dì, Huệ không dám than van ; dầu vậy, Muội vẫn rêu rao lão xược cùng mấy mụ láng giềng. Và mấy mụ tha hồ thù dật trong những buổi ngồi lê đôi mách.

Sau khi dùng tất cả sức yếu đuối làm các công việc nặng nhọc xong, Huệ chạy ra bờ sông nhìn ngọn thủy triều mà tuân dõi dòng lự.

Chiều kia, hoàng hôn vừa xả bức màn, chuông chùa buông mấy tiếng trầm ngâm, Huệ đang vờ vẩn bên sông, tưởng nhớ bóng mẹ hiền, bỗng một con cá bóng vàng từ đâu lội đến. Trong tâm Huệ, một mối vui mừng kỳ lạ phát sanh, Huệ liền nói :

- Hồi con cá nhỏ xin xấn ki ơi, tôi không có gì cho cá ăn, tôi chỉ là một đứa bé mồ côi nghèo khổ.

Hết sức ngạc nhiên, nàng nghe con cá cất đầu khỏi mặt nước nói rằng :

- Huệ, con ôi, ta là mẹ con đây ; mẹ thác oan ngoài biển, Thủy thần thương mẹ con ta nên cho mẹ nói được tiếng người, mẹ về đây chuyện vãn với con.

Dân gian tin rằng trong giờ phút người hấp hối chết mà hết sức tưởng niệm cảnh vật gì thì thác sanh vào cảnh vật ấy. Phút cuối cùng, nàng Tỷ nhớ đến con cá bóng vàng nên khi hồn lìa khỏi xác liền đầu thai làm con cá bóng ấy.

Huệ mừng vô hạn. Nhẹ nhàng, Huệ nâng con cá lên tay, vuốt ve, kể lễ bao nỗi khổ của mình.

Nhưng Huệ phải vào nhà, dì mà thấy Huệ vắng mặt lâu, thì Huệ không tránh khỏi roi mây cán chổi !

Đêm đã khuya, Huệ lén trở dậy, ra sau vườn đào một cái giếng con, thả con cá xuống. Bây giờ, Huệ sung sướng thường đem cơm bánh cho cá ăn và chuyện trò cùng « mẹ ».

Huệ được dì ghẻ sai đi chăn vịt. Không thể đem chơm cho cá nữa, Huệ dành cho cá một chút cám của vịt và, mai chiều hai bận, trước khi đuổi vịt ra đồng và sau khi ở đồng về, Huệ lén đến ngồi bên giếng thì thăm với mẹ.

Rủi thay, ngày kia, Hương rình bắt gặp, rõ hết sự tình, thuật lại mẹ nghe.

Ác phụ sai Huệ đuổi bò vào rừng ăn cỏ, Huệ ngậm sầu không dám cãi lời. Thế là dì Muội với hai em bắt con cá bóng xào chiên ăn một bữa ngon lành.

Để phi tang, mấy mẹ con cho cho mèo ăn xương sóc, kỳ vì ném xuống sông, nhưng may còn một chút xương đuôi bị quét tấp vào vách bếp ; con vịt cắp lấy để dành.

Huệ ở rừng về, cúi mình trên giếng kêu « mẹ ơi, mẹ ơi » hồi lâu mà nào có cá đâu, mớ cám rải trên mặt nước vẫn còn nguyên vẹn.

Kính nghi, nàng hỏi con chó với con mèo, cả hai lắc đầu giả điếc, chỉ có con vịt kêu « cạp cạp » chạy tới biểu Huệ một mẫu xương, thuật cho Huệ tường hành vi độc ác của mẹ con dì Muội.

Huệ cô nén khóc, cất miếng xương, đuổi bò vào rừng. Nàng tìm một nơi sạch sẽ, đốt cỏ làm phân, đào lỗ chôn miếng xương, lấp đất.

Ngày qua, lại ngày qua...

Một buổi mai kia, nơi mầm đất, hai cây cà tím mọc xanh tươi, mang trái sai oằn, Huệ càng mừng rỡ. Nhưng cũng vì thế mà hai em Huệ để ý rình mò, tìm ra nguyên do làm cho Huệ đang âu sầu bỗng đổi ra vui cười hơn hờ.

Hai cây cà lại cùng chung số phận với con cá bạc phước kia ! Mặc dầu hai phen thất vọng, Huệ không hỏi nơi ai và, ngồi dưới gốc cây đại thọ, Huệ ngهن ngào nức nở. Bầy bò ăn cỏ gần đấy dường hiểu nỗi khổ tâm của nàng, song không một con nào lại gần nàng.

Ác lặn về tây, mục nữ đuổi thú về chuồng.

Ăn qua loa vài miếng cơm thừa, Huệ hối hả thau dọn chén đĩa, đem ra bờ sông.

Con vịt núc ních tìm nàng, đặt vài hột cà dưới chơn rồi khàn khàn thuật chuyện đã xảy ra...

Hôm sau, Huệ đi sâu vào rừng, đến một nơi xa vắng, gieo hai hột cà. Từ đây, mảnh đất này quý trọng đối với nàng hơn tất cả trên thế gian và, một ngày quang đặng, nàng kinh dị xiết bao mà thấy, nơi nàng gieo hột cà, mọc lên hai cây bồ đề, một cây lá vàng, một cây lá bạc, rặng ngời dưới ánh thái dương.

Nàng chạy đến, trải chiếc khăn quàng dưới cội cây và kính cẩn lạy mừng.

Lúc bấy giờ, nhà vua cùng quần thần điên điệp, vui chơn đến cụm rừng già ; nhà vua lấy làm lạ sao nơi hoang vắng xuất hiện hai cây bồ đề quý lạ như vậy.

Ngài truyền mở cuộc điều tra.

Thế là nàng Huệ được diện kiến nhà vua, tâu bày gia cảnh. Tấm lòng hiếu thảo, gương mặt phúc hậu đoan trang của Huệ gieo trong tâm khảm quân vương tình thương êm ái đậm đà.

Huệ được chánh thức phong làm Hoàng hậu.

Nhưng, khi nhà vua ra lệnh bứng hai cây bồ đề để trồng trong ngự uyển, bao nhiêu quân sĩ hiệp lực cùng mấy thớt voi không tài nào nhổ lên cho đặng. Nàng Huệ lo âu, song nhứt định không rời bỏ di hài của mẹ.

Nàng quì dưới cội bồ đề, lâm thâm khấn vái rồi đưa tay vịn lấy thân cây.

Lạ thay, trong bàn tay xinh xắn dịu dàng, cây bồ đề to lớn sum sê dường mất cả trọng lượng và nhẹ bổng như cây mía lao ...

Thời kỳ ấy là thời kỳ hạnh phúc nhứt trong đời nàng Huệ đã cơ cực từ bấy lâu nay.

Hưởng hạnh phúc chưa được bao lâu, nàng bị sự ganh ghét của di theo đuổi, di muốn cho con ruột của di cũng được cực phẩm giàu sang.

Di vẫn kể một bà phù thủy và, y lời chỉ dạy của bà, di sai người đến hoàng cung báo tin Huệ hay phụ thân nàng đau nặng.

Không chút nghi ngờ, Huệ vội vã về thăm và theo di vào phòng thân phụ. Lúc ấy, nàng mới hay mình làm mưu ác độc song đã trễ rồi : sàn nhà bằng cây tụt xuống hầm và Huệ rơi vào chảo nước sôi, kêu lên một tiếng hãi hùng, thảm thiết !

Hương mặc lấy y phục của thiếu phụ bạc phước kia vào, lên xe trở về hoàng cung. Nàng vào thâm cung của Huệ, đóng cửa giả nằm trên giường thất bảo.

Nhà vua đến thăm.

Trong cảnh phòng tranh tối tranh sáng, vua đã làm... Và, muốn chắc chắn được việc hơn, khiến nhà vua mê say nàng và không còn nhớ gì nữa hết, Hương thoa trên vành môi một chút thuốc sáp kỳ diệu mà bà phù thủy đã bán cho mẹ nàng với một giá đắt như vàng.

Mặc dầu nhà vua có ý chí mạnh mẽ và không bị mê hoặc hoàn toàn song ngài cũng bị phần nào ảnh hưởng.

Trí não nặng nề, ngài lui về cung, buồn rầu và suy nghĩ.

Sau khi Huệ rời hoàng cung phản hồi gia nội, hai cây bồ đề khô héo lần lần. Linh hồn Huệ hóa sanh làm chim Anh Vũ, đậu trên cành bồ đề hát mãi, thiết tha :

Quân vương nữ để bồ đề,
Cành khô lá rụng, Đức Ngài biết chăng ?
Mảng vui bạn mới gởi chân,
Bồ đề thọ tử, ai mừng, ai thương !

Hai câu hát ấy, ni non đêm ngày thấu đến tai vua. Ngài gọi chim đáp xuống và Huệ thuật ngài nghe thăm họa xảy đến cho nàng.

Nhà vua đau khổ, tạo cho chim một cái lồng vàng và đôi vợ chồng, người với chim, không rời nhau nửa bước.

Cách đó ít lâu, nhà vua nghe đồn một con voi trắng xuất hiện nơi phương bắc nước ngài. Vua liền đem binh mã đi săn vì con bạch tượng là điềm nước nhà thanh trị.

« Bà chánh cung giả hiệu » ghen tức con Anh Vũ sao nó đoạt chồng bà, thừa dịp nhà vua đi vắng, bắt con chim giao cho bà đầu bếp.

Chim khôn ngoan giả chết và khi đầu bếp nhỏ lông xong bỏ chim nằm đó ra vườn kiếm rau, Anh Vũ vùng dậy chạy trốn trong một ngách hang gần đó.

Con chuột, chủ nhân cái hang, thương tình đãi Anh Vũ ăn thóc lúa. Lông vừa mọc lại phủ mình, chim từ già ân nhân, tìm nơi lánh nạn.

Một thân yếu đuối trong rừng, chim bị một con hổ mang đuổi bắt. Thiên bất dung gian, rắn bị con nhím cắn cổ ăn tươi. Hổ hung, chim chấp chững bay đến ngôi chòi lá của một nhà tu sĩ.

Vị đại đức cảm thương, nhập định hiểu biết tiền kiếp của nàng. Ngài nổi một đám lửa hồng, trì chú giây lâu rồi ném con chim vào đồng lửa : chim hườn hình là một thiếu phụ trẻ đẹp, tức là nàng Huệ tái sanh.

Huệ cúi lạy tu sĩ, nguyện phụng sự ngài cho đến khi ngài về Tịnh độ.

Lo lắng cho Huệ sớm tới quạnh hiu, vì chung ngài mãi quán tưởng tham thiền, ngài muốn có một ai làm bạn cùng nàng. Ngài dùng bút son giấy vàng họa một trẻ thơ chừng năm tuổi, truyền sinh lực vào và đặt tên là Thiện.

Đã được hồi sinh, Huệ sống khoảng đời thanh nhàn hạnh phúc, trồng khoai hái trái cùng đường ngài tu sĩ. Nhưng lúc rảnh rang, nàng cùng bé Thiện du ngoạn chốn sơn lâm, nghe gió thổi qua cành lá rậm, trông mây bay trên nền trời xanh, xem bầy thỏ đàn nai chạy giỡn.

Lắm lúc, nàng cũng nhớ tường tình cũ nghĩa xưa và, khi bé Thiện hỏi đến mẹ cha, nàng bảo :

- Ta là mẹ của con đây, ông tu sĩ là ông ngoại con, cha con chính là hoàng đế đang trị vì. Ngài nọ, cha con đi săn lâu quá chưa về, nơi hoàng cung phi tần ghen tương tìm cách hãm hại mẹ, mẹ mới về đây cung phụng ông con, chờ cha con về.

Thời gian tươi sáng trôi qua, cuộc đời bình thản xa hỗn loạn và dục vọng của kinh thành.

Bé Thiện càng lớn càng đĩnh ngộ, thường xin mẹ tả đời sống thị thành và triều nội em nghe. Dĩ nhiên Huệ nói nhiều về đức vua với hai cây bồ đề.

Buổi mai kia, sau một đêm suy nghĩ, bé Thiện xin phép mẫu thân cho em xuống viếng kinh thành.

Huệ hỏi :

- Con còn thơ dại, con có thể tránh cạm bẫy xã hội chăng ?

Thiện thưa rằng :

- Mẹ đã làm nhiều phước thiện, chắc sao cũng được hưởng phước lành và khỏi những tai nạn thống khổ. Vả lại, thưa mẹ, con rất muốn thấy hai cây bồ đề lá vàng lá bạc coi thế nào.

Huệ quàng vào cổ con một tràng hoa, trên đấy nàng có xăm mấy giòng chữ liên quan đến việc nhà vua săn bạch tượng, tội ác của bà Hoàng Hương, chim Anh Vũ trụ lông trốn thoát, nàng Huệ tái sinh nơi chòi tu sĩ và sự cấu tạo huyền bí của đứa trẻ thơ ...

Đến kinh đô, bé Thiện chú ý đến mọi vật, nơi nào em cũng xem và nói chuyện mọi người. Ai thấy đứa bé đẹp đẽ thông minh đều yêu mến và lấy làm lạ.

Vua hay tin, bảo thị thần dắt em bé vào đền.

Và được diện kiến nhà vua, bé Thiện liền kính cẩn xin viếng hai cây bồ đề, làm cho nhà vua kinh ngạc : do hà đứa bé từ rừng xa mới đến kinh thành được biết ngự uyển có hai đại thụ quý báu kia ? Còn cái tràng hoa em mang trên cổ, thật nó đầy ý nghĩa thay !

Ngài hỏi bé Thiện kỹ càng, biết được hiền thê ngài đã hồi sinh và ở tận sơn lâm cùng cốc.

Tức thì ngài lên ngựa, để bé Thiện ngồi sau lưng, không đem theo kẻ tùy tùng, ngày đêm nhà vua dong ruổi, nhờ chú thần phù hộ mà ác thú ma thiêng không làm hại được.

Chồng vợ gặp nhau, xiết bao vui mừng, nhưng Huệ phải thương tiếc ưu phiền vì bé Thiện sắp được tám xuân là tuổi em phải hoàn hình cũ, tức là một hình họa trên giấy vàng !

Kinh đô tung bừng náo nhiệt, cử hành cuộc lễ bảy ngày đêm, đón rước Hoàng hậu đạo đức hồi cung.

Nàng Hương với mặt dầu bếp đồng lửa, cả hai nhận tội, bị luật pháp xử tử hình, uống một chung độc được.

Mấy năm sống trên non, hấp thụ giáo lý Phật đà, do vị đại đức ngày ngày giảng dạy, Huệ thấm nhuần đức cả từ bi, am tường « oan gia nên giải không nên buộc » và không nên lấy oán mà trả oán, chỉ nên thư thứ, đền xong tiền nghiệp mới mong thoát khỏi luân hồi.

Huệ xin ân xá cho Hương, vua chuẩn tấu, song đã muộn rồi. Hương đã đền tội !

Phần Hương đã vậy, cha mẹ nàng còn tàn nhẫn hơn, vì Hương mà sát hại Huệ, vậy ông bà phải ăn thịt Hương.

Vua truyền lệnh chặt khúc tử thi, hàm cho chín rứt, sai kẻ tùy nhân về ban cho ông Huynh bà Muội.

Thọ hưởng hoàng ân, vợ chồng lão vui mừng đáo để, tin rằng Hương, mà ông bà vẫn tưởng còn ở địa vị vợ vua – tỏ lòng hiếu thảo cùng cha mẹ.

Ông bà khoe khoan khắp xóm làng, nhưng khi ăn gặp tay chon mặt mũi con gái mên yêu, ông bà hãi hùng ghê tởm, chạy trốn vào rừng.

Nhà vua với Hoàng hậu xa giá rước Đại đức tu sĩ về đền, cúng đường trọng hậu.

Đại đức tu hành đặc đạo, thông cả việc quá khứ vị lai.

Sau khi ngài giảng cho vùng cùng đình thần nghe thuyết quả báo luân hồi, vua bạch hỏi ngài vì sao Huệ là người đức hạnh vẹn toàn lại bị nhiều tai nạn khổ sở.

Đại đức đáp rằng :

- Trong một kiếp trước, bà Tỷ, mẫu thân của Huệ, phân ly mẹ con con gà. Bà làm thịt gà mẹ cúng thần, còn gà con bà cho con gái bà nuôi chơi. Gà con chít chiu kêu nhớ mẹ, bơ vơ chạy rũi té vào nồi nước sôi. Vì thế mà kiếp này Huệ sớm xa cách mẹ và bị thảm tai chết luộc.

Nhà vua lại hỏi :

- Sao Huệ biến thành chim ? Lại khi bị nhổ lông, sắp thọ cực hình chiên nướng, nàng được trốn thoát ?

Đáp :

- Trong một tiền kiếp, Huệ là con điều hâu, Hương là con gà giò. Điều bắt được gà, toan đem về ổ ăn thịt, song làm sảy gà đi. Cho nên, trong kiếp hiện tại, nhân nào sanh quả nấy, Hương suýt giết được Huệ, trời khiến Huệ may thay thoát chết.

Nhà vua hỏi tiếp :

- Bạch đại đức, vì sao ông Huynh thợ chài lại nhẫn tâm giết vợ ?

- Trong vòng sanh tử luân hồi, có một kiếp anh thợ chài là một con Anh Vồ hay nói, rất được chủ cung yêu. Thuở ấy, tiền thân bà Tỷ là một con mèo ghét ganh con chim Anh Vồ.

Một hôm, thừa dịp chủ vắng nhà, mèo vồ lấy chim cắn chết. Vì thế, kiếp này, anh ngu phủ thấy vợ té xuống làn nước bạc mà đang tâm không cứu.

Đại đức kết luận rằng :

- “Nhân quả báo ứng như ảnh tùy hình”, ta phải gánh chịu cái nghiệp của ta tạo ra, cho đến khi nào ta hoàn toàn giác ngộ không còn chấp trước, không lấy oán mà trả oán, khi ấy ta đương nhiên xuất khỏi vòng sanh tử luân hồi, hưởng phước hoàn toàn thanh tịnh vì đã diệt được đời sống xác thân.

Nhà vua với Huệ xá lỗi ông Huynh bà Muội, đem về triều phụng dưỡng sớm hôm, cảm hóa cả hai dùng chuỗi ngày tàn chăm lo thực hành phước thiện.

3) Tình Mẫu Tử

Truyện kỳ Cao Miên

Thuở xưa, có một nhà phú hộ giàu vô số kể, nhưng hiếm hoi chỉ có một ái nữ đẹp để hiển hòa. Một đêm xuân mát mẻ, một mình một bóng trong trướng gấm màn thêu, nàng suy nghĩ rằng : “Cha tôi giàu lắm và thiên hạ cho tôi đẹp nhưt vùng; song không phải là ai đến cầu hôn là mình liền ưng thuận. Sao con vua lại không tới dạm hỏi mình, mình chỉ bằng lòng kết duyên với Hoàng tử mà thôi”.

Nàng lại nghĩ không dễ gì cho hạng bình dân như nàng – mặc dầu là dồi dào tiền bạc – gặp được ông hoàng ! Thôi thì nếu con ngài Thượng thư, con ông Tỉnh trưởng muốn cưới mình, mình cũng đành chịu vậy !

Trời sắp bình minh, những mơ ước tiêu tan theo đám sương mù, nàng tự bảo mình cũng có thể ưng con trai của một nhà trưởng giả. Rốt lại, sao ta khinh rẻ những thanh niên con nhà dân giả, miễn là họ khỏe mạnh, có nghề nghiệp là xong.

Vả lại, nàng không quên là mình đã được hai mươi cái xuân xanh rồi.

Nàng nhẹ nhẹ mở cửa phòng và bàn chơn nòn nà bước đến gần anh lính đang canh gác bên nhà.

Anh hỏi nàng cần dùng điều chi. Nàng không đáp song anh đã hiểu ý nàng ...

Sau ba tháng ái ân thâm vụng, đôi thanh niên sợ lộ hình dung nên, một đêm thanh vắng, cùng nhau hát bài “tầu mã”, trong chiếc khăn nàng gói theo một mớ bạc vàng.

Khi băng qua rừng, vợ chồng bị lũ thảo khấu bắt giữ. Thiếu phụ cỡi chiếc nhẵn kim cương trao cho tướng cướp, xin tha mạng cho chồng.

Thoát nạn, hai người đi đến một ấp đông đảo bên bờ một cái hồ to. Nhờ vàng bạc thiếu phụ mang theo và may mắn thoát tay cường đạo, vợ chồng tạo một cái nhà sàn, sắm một chiếc thuyền câu, mua một tay lưới và hàng ngày người chồng mà chúng ta tạm gọi là Nam, chèo thuyền đánh cá trên mặt hồ.

Thiếu phụ, ta gọi là Nữ, sống đời kham khổ, nhan sắc kém phai, không còn kiêu hãnh. Nam giảm bớt tình yêu, lấy một nàng vợ bé trẻ đẹp hơn, đem về ở chung một nhà.

Nữ mang thai, bà bé càng được chồng tung tiu mê mết. Nữ bị đối đãi như nàng tôi tớ trong nhà, nàng ốm xanh, buồn bực, chẳng biết cùng ai cựa tỏ nỗi niềm. Nàng âm thầm đau khổ, khó mong trở về với mẹ cha.

Chín tháng trôi qua, nàng hạ sinh một bé gái ngộ nghĩnh. Ông chồng đặt tên là Thu Cúc.

Mối ân tình giữa đôi vợ chồng thiếu niên càng lạnh nhạt, bàn cậ xót thương biểu nàng những là y phục, mừng mền, gạo cơm, củi đuốc; bà vợ lẽ gièm siểm cùng chồng rằng Nữ lang vận trắc nết và những đồ vật cần thiết kia do nhân tình nhân ngã cung cấp cho nàng, thành thử Nam chưởi mắng đánh đập Nữ càng thậm tệ.

Năm sau, bà bé cũng sanh được một gái đặt tên là Xuân Đào. Hai trẻ lớn lên, giống nhau như đúc, song tánh tình Cúc đoan trang hiền hậu bao nhiêu thì Đào chua ngoa, hỗn dữ bấy nhiêu !

Bà bé ganh tị những đức tánh hiền hòa của Cúc, tâu vào tâu ra với đức ông chồng rằng Nữ xúi biểu Thu Cúc hiếp đáp em Đào.

Thế là Nữ bị đánh chưởi một trận rất oan.

Tình cảnh gia đình này càng ngày càng khốn nạn. Nam có ý định tàn ác thanh toán nàng vợ chánh !

Ấy vậy, một buổi trưa kia, anh bảo Nữ chèo thuyền đi đánh cá với mình. Chèo được một đôi, anh kiểm chuyện gậy gỗ cùng nàng, rằng chèo không ngay thẳng, duyên do là tại nàng lòng dạ không ngay.

Bồn tánh hiền lành, Nữ hay nhẫn nhịn, song lần này nghe những lời mắng oan, nàng tức giận nói lớn :

- Tôi với anh ăn ở đã mười năm rồi, anh làm tình làm tội tôi đủ thứ. Vì tôi yêu anh nên tôi không từ nhục nhã trốn cha bỏ mẹ theo anh.

Tôi khổ cực vì anh chẳng chút thanh phần; anh quên rằng tôi đã cứu anh khỏi tay bọn cướp, anh quên rằng bao nhiêu tiền bạc tôi anh đã tiêu phí hết với con đàn bà đồng đánh, anh sa mê nó đến đổi mất trí khôn, anh phụ rẫy tôi, chẳng kể chi tình nghĩa vợ chồng.

Lửa giận bùng bùng, anh chồng bội bạc giáng cho vợ một cây dầm, nàng té xuống lòng ghe, mặt đầy những máu. Như khùng như điên, Nam tay thoi chơn đá, tàn nhẫn với một người đàn bà tay yếu chơn mềm.

Chứng nàng lai tỉnh, Nam hỏi nàng khóc than kể lẽ đã no chưa, phải lặn xuống đáy hồ, gỡ miệng chài đang mắc gốc.

Nàng ôm đầu do dự, nhìn mặt nước thản nhiên mà giọt lệ tuôn tràn.

Giây phút đau lòng ấy, Nữ nhớ đến cha mẹ xóm làng mà trong một phút điên cuồng nàng đành ly biệt thắm thoát đã mười thu. Nhưng một cái đá ác nghiệt đẩy nàng té nhào xuống nước và, trước khi hồn lìa khỏi xác, nàng tập trung tư tưởng nhớ thương Thu Cúc, đứa con thơ sẽ sống bơ vợ không mẹ và thân hồn nàng đầu thai làm một con cá sông to.

Mục đích đạt rồi, Nam bơi thuyền nơi khác chài lưới đến hoàng hôn mới trở lại nhà.

Trong lúc ấy, Thu Cúc phập phồng lo sợ vì bức màn đen đã lần lần phủ xuống mà mọi khi thuyền chài có trở vậ đâu ! Em phải đi tìm. Dọc dăng, em gặp cha độc thân mang chài về. Em hỏi cha chài được nhiều cá không và mẹ em đâu không thấy.

- Không có bao nhiêu, Nam đáp. Ai nói với con rằng mẹ con đi với cha ? Cha đi có một mình mà !

Thu Cúc kêu lên, hốt hoảng :

- Sự thật là mẹ đi với cha ; hồi trưa, chính con trông thấy rõ ràng mẹ vác chài theo cha. Sao mẹ con không về, thúng cá nặng lắm chẳng mà mẹ bung không nổi, chẳng bước kịp theo cha ? Con phải đi tiếp mẹ, cha vẫn biết mẹ con sợ cộp và beo lắm.

Nam châu mày, nói mấy câu cộc lốc, song Thu Cúc van nài xin cha trở lại tìm mẹ, kéo nguy hiểm lúc tối tăm, làm cho người đàn ông nhẫn tâm với vợ cũng động lòng vì con.

- Thu Cúc con, thôi đừng kêu gọi mẹ con nữa; chẳng may nó đã té xuống hồ, cha không làm sao cứu kịp và giờ này mẹ con đang ở dưới Long cung.

Để mặc con khóc than thảm thiết, Nam về nhà thuật cho vợ bé nghe việc đã xảy ra, cả hai không lộ vẻ gì cảm động, dọn cơm chiều ăn uống với nhau.

Hay tin thân mẫu mến yêu đã bị chết chìm, Thu Cúc không còn ngờ tư cách cha đối xử với mẹ !

Em vào phòng mẹ, đốt một cây đèn chai, nhìn áo quần của mẹ mà khóc lên rằng :

- Ôi, mẹ ôi, mẹ yêu quý của con ơi, mẹ con ta sống trong cảnh bần hàn và mẹ không có y phục đẹp đẽ như kẻ khác. Đi làm công chuyện, mẹ thay áo quần này đã cũ mà mặc những đồ rách rưới hơn. Giờ đây, sao mẹ không về mà đổi thay y phục ướn át của mẹ như thường khi ?

Đứng trước một sự hiển nhiên như vậy, trong thâm tâm Cúc vẫn hy vọng mẹ về, và em đi quanh quần bên hồ tìm mẹ, kêu tên mẹ thật to. Than ôi, tiếng kêu của em không có tiếng dội ! Nhìn lên trời, em thấy vàng trắng bạc từ từ cao, em khẩn vái chị Hằng giúp em tìm được mẹ :

- Hỡi Bà Trăng, mới hôm qua đây, mẹ con chúng em còn ngồi dưới ánh sáng mát dịu của Bà, mẹ dặn em phải cung kính Bà và cầu nguyện Bà gia hộ mẹ con em sống được yên vui.

Hôm qua, khi mẹ con em nguyện vái cùng Bà, Bà vẫn ở trước mặt chúng em như đêm nay Bà đang đứng trước mặt em đây vậy.

Hỡi Bà Trăng kính mến, xin Bà cứu độ em, giúp em lại tìm được mẹ !

Song trăng vẫn điềm nhiên, chẳng tỏ tuông quan tâm đến lời khẩn cầu thông thiết của em !

Thu Cúc vào nhà, mọi sự mọi vật đều nhắc nhở cho em sự hiện diện của người mẹ hiền đã nuôi nấng em, dạy em từ lời ăn tiếng nói; mỗi khi em đau là tận tâm săn sóc, thức suốt đêm xoa dầu, hoãi bão em, và không bao giờ đánh mắng.

Ôi, người từ mẫu ấy nay còn đâu ! Từ đây, trên đường đời, còn ai khuyên lơn, dạy dỗ, dìu dắt em, có cha cũng như không, cha còn phụ họa với dì ghẻ hành hạ em thì có !

Thu Cúc khẩn vái chư Thánh chư Thần; mệt mỏi quá, em vào mừng ngủ; chime bao, em thấy một vị Thần cao lớn mặc áo vàng, mách em rằng hiện thời xác mẹ em nằm dưới đáy hồ, trong lùm cỏ rậm. Lúc thở hơi cuối cùng, mẹ em hết sức nhớ tưởng đến em và bà đã sống lại với hình thể một con cá sông to. Mẹ em đang chờ em cạnh chiếc thuyền câu của cha em ở mé hồ.

Thần bảo Cúc mau ra gặp mẹ.

Cúc tỉnh giấc khi gà rộ gáy bình minh. Em vội vã quàng khăn ra bờ hồ và kêu tên mẹ. Lạ thay, một con cá to nổi lên quẫy đuôi và chiếc đầu chui rúc dưới chơn em.

Mừng rỡ, Cúc ôm chặt cá vào lòng và vuốt ve; cá dường hiểu con đã biết sự xảy ra, vẫy vùng nhẹ nhẹ song không nóiặng tiếng người.

Kể từ ngày ấy, Cúc giả vờ đi xách nước, đem theo vài nắm cơm mà nuôi mẹ hàng ngày.

Nhưng một ngày kia, con bé Xuân Đào để ý Thu Cúc giấu cơm trong vò trước khi đi xách nước. Nó lén theo rình và, ẩn sau bụi cây, nó thấy Cúc ôm con cá to âu yếm, kể lể như là nói chuyện với một người, rồi nhẹ nhàng thả cá xuống nước lấy cơm cho ăn...

Trên đường về, Cúc bỗng gặp Đào, trong lòng sanh nghi cô em quý quái đã tường tri bí mật của mình. Cúc liền đem vật thực cho hai con thú bạn ăn, là con mèo với con vịt, dặn bảo khi nào em Đào ôm một con cá lớn ở hồ về thì cho Cúc hay. Trong trường hợp đó thì, thôi rồi, con cá sẽ lâm vào tay ác độc !

Cúc bảo :

- Nay hai em, nếu gặp cảnh không may như thế thì hai em hãy giúp ta, lấy dùm ta một chút xương con cá hay vài cái vảy cũng nên.

Nghe con kể lại sự tình của Cúc ở mé hồ, bà mẹ ghẻ hiểu rằng cá đó là hậu thân của Nữ. Bà sai con hành động giống như nàng Cúc, kêu cá lên cho ăn, cá sẽ lâm vì Cúc với Đào giống nhau như hệt. Bắt đặng cá rồi, Đào cứ việc đập chết, đem về nấu canh, kho nướng mẹ con cùng ăn. Và lại phải đốt xương vảy không chừa một vật gì.

Mọi sự xảy ra đúng như bà mẹ ghẻ sắp đặt và bà mừng rỡ làm cá sau vườn chuối, ngõ hầu Cúc không thấy đặng, nhưng con vịt tơ rút rĩa trong cái mương gần đó, nhớ lời Cúc dặn, thừa lúc ác phụ vào nhà, nhẹ chạp chạp chạy tới cắn đặng hai cái vảy.

Khi cá đã làm xong, chặt khúc bỏ vào nồi, Xuân Đào tuân lời mẹ đốt tắt cả vi kỳ vảy cá.

Sau một ngày làm việc không hở tay, vào lúc chạng vạng, Cúc chạy đến mé hồ, kêu mẹ như thường lệ. Em kêu mãi mà chẳng thấy cá nổi lên, em hiểu rằng tai họa mà em hằng lo sợ đã do những bàn tay ác độc giáng xuống cho mẹ em rồi !

Em thơ thân vô vườn chuối mà khóc thương thân mẫu, buồn tủi phận mình. Con vịt đang rĩa lông gần đó trên bờ ao, nghe tiếng khóc than của thiếu nữ liền núc ních đi lại, lấy mỏ quẹt vào chơn nàng và nhả ra hai cái vảy.

Cúc mừng, lau nước mắt, tìm nơi sách sẽ chon hai vảy cá rồi thì thầm khấn vái một hồi ...

Ngày hôm sau, em ra vườn xem thì một sự lạ lùng đã chờ em nơi đó : hai cây cà tán xanh tươi mọc lên, mang những trái sai oằn.

Vong linh mẹ nàng đã đầu thai làm hai cây cà đó.

Từ đây, công việc sung sướng hàng ngày của em là vun phân tưới nước hai cây. Và lần nữa, em gởi gắm chúng cho hai con thú bạn, vịt và mèo.

Định mạng chưa để cho nàng yên ổn : mẹ con bà dì ghẻ rình rập nàng luôn, biết đặng bí mật của nàng. Thừa lúc nàng làm công chuyện xa nhà, họ liền hái cà, nhổ cây, chặt đốt cho tận tuyệt.

Song chú mèo cũng tinh khôn, len lén cắn đặng hai cái rễ cà. Chiều về, Cúc lại phen nữa nhận thấy lòng người sâu độc; nàng tìm nơi vắng vẻ đứng khóc mầu tử thì con mèo chạy theo kêu ngoeo ngoeo, nàng dừng chơn ngó lại, mèo liền ngược mặt nhìn nàng, mỏ ngậm hai cái rễ con.

Sau khi giã on chú mèo, Cúc chạy đi trồng cái rễ nhỏ trên một đồi cao và, cách một đêm, sáng hôm sau, nơi ấy mọc lên hai cây sum sê cành lá, mau lớn lạ thường. Trong chớp mắt, hoa trở đầy cành, mùi hương ngào ngạt.

Nàng quá đổi mừng, quên hết khổ cực, Thu Cúc tin rằng hồn thiêng của mẹ đã nhập vào hai cây huyền bí này đây, nàng quì dưới cội cây khấn vái chư vị Thần linh và hương hồn của mẹ gia hộ cho không ai có thể nhổ chặt được cây, đầu là cắt một cành.

Hương hoa bao bọc lấy nàng, chẳng khác tình yêu thương khi xưa của bà từ mẫu và tiếng lá reo dưới ngọn lương phong đưa hồn nàng vào cõi mộng.

Không, Thu Cúc có chiêm bao đâu, nàng thấy mẹ rõ ràng, ăn mặc đẹp đẽ, vuốt ve nói với nàng :

- Con ôi, mẹ đây, mẹ đã về với con, từ đây mẹ con ta không bao giờ xa nhau nữa, mẹ sẽ phò hộ con và kẻ ác tâm thế nào cũng không làm sao hại mẹ con ta được.

Nàng con đang dan díu với mẹ thì bóng mẹ đã mờ, nàng tỉnh giấc, hai tay nàng còn ôm lấy thân cây ...

Mặc dầu ăn mặc vải thô, Thu Cúc rất đẹp; với mười sáu cái xuân xanh, nàng đẹp nhưt vùng.

Một thần, thể theo lời cầu xin của Nữ, mẹ nàng, khiến cho vị quốc vương trẻ tuổi ngày kia phút động lòng du ngoạn; cùng quần thần, ngài cỡi ngựa dạo chơi trong cụm rừng thiêng.

Đi qua dưới cội cây thần, vua dừng cương ngựa ngắm xem, càng xem càng thích : cây xinh đẹp làm sao, mùi hoa êm dịu thế nào ! Đường như có một thần lực giữ ngài, ngài chưa vội hồi loan.

Ngài truyền lệnh hạ trại dưới cội cây nghỉ ngơi giải trí; ban ngài thì lực sĩ thi đua võ nghệ, cỡi ngựa, bắn cung, ban đêm, dưới ánh trăng huyền ảo, bọn vũ nữ múa nhảy nhịp nhàng với giọng đàn tiếng hát.

Nhà vua niên thiếu nhứt định bứng hai cây lạ đem về trồng trong ngự uyển để đêm ngày thưởng thức sắc đẹp mùi hương.

Cũng đêm ấy, cô gái mồ côi thấy mẹ ửng mòng bảo rằng nhà vua muốn đem hai cây thần mộc về đền song bà nhứt định cản ngăn, chỉ khi nào vua phong Thu Cúc tước vị Chánh cung bà mới thuận cho đem cây về. Trong trường hợp đó, Thu Cúc thiết lễ cúng vái mẹ xong thì hồn mẹ sẽ đem hai cây phi đảng trên không đến nơi nhà vua chỉ định.

Giã từ con, hồn mẹ căn dặn con không nên thố lộ cùng ai những điều mẹ nói.

Sực tỉnh giấc hòe, Thu Cúc tâm trí nhẹ nhàng thanh thoi, mừng thầm vì mẹ chăm lo hạnh phúc cho mình và báo tin hạnh phúc ấy sắp đến với mình.

Trong lúc ấy, nhà vua nằng lòng và buồn bực vì binh sĩ, voi ngựa của ngài không thể nào bứng hai cây lên nổi, mặc dầu ngài đã thiết lễ cúng vái Thần Núi Thần Cây.

Ngài dò hỏi dân sự trong vùng thì được biết, mỗi trưa, có một thiếu nữ đến săn sóc hai cây và nằm nghỉ dưới cành lá rườm rà. Mấy hôm nay, vì nhà vua du ngoạn nơi đây nên nàng không đến.

Ngài cho đòi Thu Cúc đến, vừa trông thấy nàng ngài lấy làm lạ một cô thôn nữ ăn mặc lam lũ mà mặt mày sáng trưng đẹp dường ấy thì khi thay đổi y phục lựa là ắt nàng sẽ bội phần xinh đẹp.

Vua liền dạy nữ tỳ nấu nước thơm cho nàng tắm gội, gội mặt phấn hồng, cài trên mái tóc đen huyền của nàng chiếc lược chói lòa ngọc kim cương, và choàng lên mình nàng chiếc áo gấm thêu chỉ hoàng kim.

Tiên nữ giáng trần cũng đẹp đến thế là cùng.

Nhà vua sững sốt, nhìn nàng trân trời giây lâu, làm nàng lộ vẻ thẹn thuồng, ngài cỡi chiếc nhẵn kim cương mình mà đeo vào ngón tay nàng.

Đoạn vua hỏi lai lịch hai cội cây thần và khiêm nhượng xin với nàng cho ngài đem hai cây ấy về đền. Nàng từ tốn đáp : “Thưa ngài, tiên nữ kính dâng hai cây cho ngài”.

Vị vua trẻ tuổi vui mừng, cầm lấy tay nàng, xin nàng nhận ngôi Hoàng hậu nếu binh sĩ bứng được hai cây.

Thu Cúc liền xin năm cây đèn sáp, năm cây hương thơm, năm chén muối gạo và một giàn nhạc bát âm để cúng chư Thần. Đồng thời, nàng xin vua cấp tốc phái người phi ngựa về ngự uyển đào hai cái hố sâu ngõ hầu hai cây hạ xuống, và cũng thu dinh trại, sửa soạn voi ngựa phản hồi.

Xong, nàng đốt hương đèn, nhạc trỗi lên những bài cầu nguyện. Nàng lễ ba lạy trước cây, vái rằng :
- Mẹ ôi, nhà vua đã ưng thuận điều mẹ muốn cho con. Vậy con xin mẹ cho hai cây về đền và hương linh mẹ đến hôm sớm cùng con.

Huyền diệu thay, nàng vừa khấn vái xong là hai cây thần từ từ nhóm gốc, rồi cất mình lên không như hai chiếc điều, bay về hướng hoàng cung, đứng lơ lửng trên không chờ đợi.

Vua cùng Thu Cúc cỡi voi về trước, nàng tắt tả vào vườn, thấy hai cái hố chưa đủ sâu, nàng nhờ quân sĩ đào thêm. Nàng trải vào mỗi cái hố một bức lụa trắng tinh rồi quì lạy vái van vong hồn từ mẫu, hai lây liền hạ xuống.

Nàng truyền lệnh lấp đất đàng hoàng, hai cây vẫn xanh tươi và hương hoa tỏa khắp đền.

Đình thần cử hành hôn lễ cực kỳ long trọng, vua tấn phong Thu Cúc ngôi vị Chánh cung. Vua và Hoàng hậu mở kho chẩn tế những kẻ bần hàn. Trong cung nữ, ngoài thần dân vui mừng được một bà Chánh cung hoàn toàn đức hạnh.

Còn vợ chồng ông Nam cùng cô em Xuân Đào cay nghiệt, nơm nớp lo sợ Thu Cúc báo thù, nhưng người Phật tử đạo đức nào có cố chấp chuyện xưa, để tấm lòng kẻ dữ bị lương tâm quở phạt ...

4) Cô Bé Lọ Lem

Truyện kỳ Nước Pháp

Thuở xưa kia, có một nhà quý phái góa vợ, tục huyền cùng một thiếu phụ đẹp đẽ nhưng kiêu hãnh nhưt đời; bà có ai ầu nữ con riêng, tánh tình giống bà như hệt.

Và phần ông chồng, ông cũng có một đứa con gái với bà vợ trước, thù mị đoan trang như mẹ nàng khi xưa chẳng khác, bà là một hiền phụ ai cũng kính thương.

Hôn lễ vừa hoàn tất là bà phu nhân đã tỏ thái độ cay nghiệt bà ra; thấy đứa con chồng vượt hẳn hai cô gái bà đủ mọi phương diện tài đức công dung, bà ghét cay ghét đắng.

Bà sai cô bé làm tất cả công việc nhà thường dành cho con ăn đũa ở : giặt áo quần, rửa chén bát, nấu ăn, lau nhà, dọn dẹp phòng bà và hai cô tiểu thư.

Nàng ngủ tận gác cao, sát mái nhà, nằm trên tấm nệm rom thô, trong lúc chi em cô kia nằm phòng sang trọng, nệm ấm chăn êm, soi mình trong chiếc gương to.

Cô bé nhẫn nhục chịu mọi điều cực khổ chẳng dám than vãn cùng cha, cha có thể quả mắng nàng thêm, vì ông bị bà vợ hoàn toàn chi phối.

Sau khi đảm đương công việc bếp núc xong, cô thường ngồi bên lò sưởi, nơi chất đống củi than, cho nên áo dính đầy những lọ. Vì thế mà láng giềng đặt cho cô cái tên riêng là “Cô bé lọ lem”.

Mặc dầu với y phục lam lũ, cô bé lọ lem mặt mày kiều diễm, đẹp hơn hai chị cả trăm lần với những trang sức sang trọng hằng ngày của họ.

Bỗng một hôm, Hoàng tử con vua mở dạ hội khiêu vũ, mời tất cả các nhà quý phái nam nữ trong vùng.

Vì cũng thuộc dòng vọng tộc danh gia, hai cô gái nhà ta nhận được thiệp mời, hai cô cực kỳ sung sướng, cả ngày chỉ lo trang điểm, lựa chọn chiếc áo nào cho đẹp, sửa sang mái tóc cho hay.

Lại một dịp cực khổ cho cô lọ lem, ủi áo hơi áo cho nhị vị tiểu thư hai chị. Bấy giờ, trong tòa nhà lộng lẫy của vị quý phái, chỉ có bàn tán về vấn đề ăn mặc và dạ hội mà thôi.

Cô chị cả nói :

- Chị sẽ mặc chiếc áo nhung đỏ với những phụ sức thêu Anh quốc đẹp lạ lùng.

Cô em nói :

- Em thì chỉ có cái áo lụa thường, song em sẽ mặc áo choàng thêu bông vàng và tóc em sẽ cài chiếc lược nhận kim cương.

Hai cô hỏi ý kiến Lọ lem vì chừng như cô bé thạo việc điểm trang. Lọ lem sẵn sàng giúp hai chị lựa chọn y phục nào hợp với làn da, thân mình, và cô chải tóc làm đầu cho hai chị.

Hai cô hỏi em rằng :

- Em lọ lem, em có thích đi dạ hội không ?

Cô bé mỉm cười buồn bực :

- Em ầy à, hai chị cợt em. Em có quyền gì đến đó !

- Phải đa, em nói có lý, quý khách họ sẽ cười vỡ bụng cho, nếu họ thấy cô lọ lem mang mặt trời với quần áo như thế này.

Lọ lem không vì bị chạm lòng tự ái mà làm tóc cho hai chị qua loa, trái lại bàn tay khéo léo của cô búi tóc hai nàng đẹp quá, ai cũng thích nhìn.

Hai chị mừng vui rạo rực, bỏ ngủ quên ăn. Người ta cột thắt eo lưng hai nàng cho nhỏ đẹp, đứt hết cả một lỗ dây, và hai nàng tự ngắm nghía hàng giờ trước chiếc gương to.

Sau cùng, cái ngày long trọng không chờ cũng đến. Hai tiểu thư lên chiếc xe song mã mà đi, và cô bé lọ lem nhìn theo cho đến khi xe mất dạng. Lúc ấy cô mới ôm mặt khóc òa.

Bà mẹ đỡ đầu của nàng bỗng đến, thấy nàng khóc như mưa, âu yếm hỏi nguyên do.

- Con muốn quá ... con muốn quá ...

Nàng tức tưởi nói không nên lời.

Bà mẹ đỡ đầu – chính là một bà Tiên – hỏi :

- Chắc con muốn dự dạ hội chứ gì ?

- Thưa mẹ phải, cô lọ lem đáp mà lau nước mắt.

- Ấy vậy, nếu con hứa với mẹ con sẽ ngoan thì mẹ có cách giúp con toại nguyện.

Cô lọ lem xin hứa, tức thì bà Tiên bảo :

- Con ra vườn hái cho mẹ một trái bí đao.

Lọ lem vâng lời, hái một trái đẹp và lớn nhứt đẹp vào nhà, chưa hiểu trái bí đao này làm thế nào giúp nàng đi dạ hội.

Bà Tiên mở trái bí ra bỏ ruột, chỉ còn lớp thịt ngoài, bà cầm đũa phép gõ trên mình nó một cái, trái bí liền biến thành một chiếc xe vàng rất đẹp.

Đoạn bà đi xem lồng chuột, thấy có sáu con chuột lắt chạy tung tăng. Bà bảo lọ lem đỡ hơi cái nắp và, mỗi con chuột chun ra, bà gõ nhẹ trên mình nó, con chuột liền biến thành một con ngựa lớn mập mập : thế là bà đã có một đoàn ngựa sáu con lông sắc xám tro như màu da chuột.

Bà do dự, chưa biết lấy gì làm anh xà ích. Lọ lem thưa :

- Thưa mẹ, để con xem trong bầy chuột cống có con nào xứng đáng làm anh đánh xe không.

- Phải đa, con hãy đi coi, bà Tiên bảo.

Lọ lem xách trình cho bà cái bầy chuột, trong đây có ba con chuột cống to. Bà Tiên để ý đến một chú trên mỏ có bộ râu dài đẹp, bà liền hóa phép biến nó thành một anh xà ích có bộ râu ngạnh tre oai hùng chưa ai từng thấy.

Kế đó bà bảo Lọ lem ra vườn bắt sáu con rắn mỗi năm sau bình tưới, đem vô cho bà. Bà cho chúng nó hóa thành sáu anh gia nhân mặc áo chạy chỉ vàng, nhảy lên tọa sau xe, ngay lưng đằng hoàng, dường các cậu chuyên làm nghề này từ lâu rồi vậy.

Bà mỉm cười :

- À, mẹ quên nữa !

Bà dùng gậy phép biến bộ áo quần thô vải của Lọ lem thành bộ áo gấm thêu vàng, trần gian hiếm có, đầy mình lông lánh những hạt kim cương.

Bà lại tặng nàng một đôi hài da lông trắng.

Trang sức lộng lẫy như thế ấy rồi, nàng bước lên xe, nhưng trước khi nàng khởi hành, bà mẹ Tiên còn căn dặn phải về trước nửa đêm, chẳng vậy, nếu nàng còn nán lại khoảnh khắc nữa thì chiếc xe đẹp của nàng sẽ trở thành trái bí đao, sáu con tuần mã là sáu con chuột lắt, gia nhân là rắn mối còn y phục nạm kim cương của nàng sẽ là bộ vải như xưa.

Nàng hứa với mẹ đỡ đầu rằng sẽ rời khỏi dạ hội trước nửa đêm rồi cho anh xà ích ra roi, lòng nàng tràn ngập vui mừng.

Chiếc xe Lọ lem vừa đến sân đền là ban tiếp tân báo cho Thái tử hay có một bà hoàng đến dự, không biết bà là ai.

Thái tử vội vã tiếp đón, đưa tay đỡ nàng xuống xe và hướng dẫn nàng vào phòng dạ hội. Gian phòng rộng lớn sáng choang, du dương tiếng đàn, bỗng im phăng phắt ; khách ngừng khiêu vũ, nhạc công ngưng đàn, mỗi người chăm chú nhìn sắc đẹp của nàng lạ mặt. Khắp nơi là những tiếng trầm trồ nhỏ : « Ô, thật là tuyệt sắc ! »

Chính nhà vua cũng không ngóht nhìn nàng và thì thầm bảo Hoàng hậu rằng ngài chưa từng thấy một nhan sắc hoàn toàn như thế.

Các bà phu nhâ, mấy vị tiểu thư chú ý đến đầu tóc và bộ y phục của nàng, thầm tính nội ngày mai sẽ phải sắm một bộ lễ phục tương tự như nàng, song họ lo âu chẳng biết kinh thành có lụa là đẹp thế ấy và thợ may có khả năng may khéo như vậy không.

Thái tử đặt nàng ngồi nơi ghế danh dự rồi mời nàng khiêu vũ ; nàng nhảy uyển chuyển như tiên nga, làm cho ai nấy đều mê mẩn.

Kế đó, nữ tỳ dâng những thức ăn và giải khát, song Thái tử không hề đá động vì chàng mãi mê ngắm nhìn nàng.

Nàng đến ngồi kê hai chị, thân mật nói chuyện cùng nhau, tặng họ những trái cam ngon ngọt mà Thái tử biếu nàng, làm cho hai cô lạ lòng và sung sướng.

Trong lúc nàng đang vui câu chuyện, Lọ lem vùng nghe đồng hồ điểm mười một giờ ba khắc, nàng đứng dậy cúi chào Thái tử và mau chơn bước ra xe.

Về đến nhà, nàng chạy đi trình cùng bà mẹ Tiên, cảm ơn bà và thuật bà nghe những gì xảy ra nơi dạ hội ; sau cùng, nàng xin mẹ rộng lòng cho phép nàng đi dự dạ hội đêm mai vì Thái tử khân khoản mời nàng.

Hai chị về gõ cửa, Lọ lem chạy ra mở hai cô vào. Nàng giụi mắt, vươn vai, dường như ngủ mới thức dậy, nói rằng :

- Hai chị về trễ thế !

Sự thật là từ khi bước chơn vào nhà, nàng không buồn ngủ chút nào hết. Một chị nói rằng :

- Ôi, em ơi, phải chỉ hôm nay, em được may mắn dự dạ hội thì em thích thú dường nào ! Em sẽ thấy một nàng công chúa đẹp tuyệt trần, chưa ai thấy một người đẹp hơn nữa. Nàng ấy chuyện vãn cùng hai chị rất lâu, một cách duyên dáng và có tặng hai chị mấy trái cam ngon.

Lọ lem cười thầm, hỏi tên nàng công chúa kia, hai chị đáp không ai biết được nàng, rằng Thái tử quan tâm đến nàng đặc biệt, nếu có người cho ngài biết nàng là ai ắt được trọng thưởng.

Lọ lem mỉm cười nói :

- Nàng ấy đẹp lắm sao ? Trời ơi, hai chị hữu phước quá chừng ! Nếu em được chiêm ngưỡng dung nhan nàng thì sướng biết bao ! À này, hay là chị Dao Tiên, chị cho em mượn cái áo vàng của chị mặc thường ngày, em đi dạ hội với hai chị !

Hai chị phá lên cười, Dao Tiên bấu môi :

- Tôi ma cho cô mượn cái áo lụa màu vàng của tôi à ! Chắc cô tưởng tôi ngốc lắm. Rồi cái áo của tôi nó cũng lọ lem như cô thì sao ?

Lọ lem vẫn biết trước cô chị không cho mượn áo, nếu cô nọ thuận cho ắt là nàng bối rối.

Chiều hôm sau, hai cô chị đi dự dạ hội với sự hiện diện của nàng Lọ lem ta, điểm trang sang trọng hơn đêm trước bội phần.

Thái tử quần quít bên cạnh nàng luôn, tìm những lời hay lẽ đẹp nói cho vui dạ nàng và không ngớt ngắm nhìn nàng.

Cô nàng thỏa thích quá và quên lửng lời mẹ đỡ đầu dặn bảo, thành thử khi nàng nghe điểm tiếng đầu mười hai giờ khuya, là lúc nàng đình ninh chưa tới mười một giờ.

Nàng vội vã đứng dậy và dong chạy nhẹ nhàng như một con nai tơ. Thái tử dõng gót đi theo, song theo không kịp, nàng chạy mau đến đổi sút rớt một chiếc hài da lông trắng.

Thái tử trông thấy, lượm đăng chiếc dải, trở vô đền vừa buồn bực vừa ngạc nhiên vì sự thoát chạy ly kỳ của bà hoàng lý tưởng.

Chàng hỏi quân canh cửa có thấy một bà hoàng mới ra cửa đây chẳng. Họ thưa rằng chẳng có bà hoàng nào cả, chỉ có một thiếu nữ ăn mặc vải thô và có vẻ một thôn nữ hơn là một nàng đài các.

Trong lúc ấy, Lọ lem về đến nhà, mặt thờ không ra hơi, không gia nhân, không xe ngựa. Tất cả sự sang trọng của nàng chỉ tồn tại có một chiếc hài !

Hai chị về, Lọ lem hỏi hai chị vui không và người đẹp hôm nay có đến dự nữa không.

Hai cô đáp có và vào đúng nửa đêm, khi đồng hồ mới điểm tiếng đầu, nàng vụt chạy ra về, hấp tấp đến đổi đánh rơi một chiếc hài bằng da lông trắng đẹp nhưt đời, rằng Thái tử đã lượm được và sắm soi mãi từ phút ấy cho đến giờ tan dạ hội, chắc hẳn chàng đã si tình nàng thiếu nữ đẹp, chủ chiếc hài xinh xắn kia.

Hai cô đoán không sai ; vài ngày sau, nhà vua sai quân sĩ vác loa đi khắp xóm làng truyền rao tin Thái tử sẽ kết hôn cùng thiếu nữ nào mang vừa vặn chiếc giày chàng lượm được.

Một nhà quý phái lãnh trách nhiệm trình các cô mang thử chiếc hài, khởi đầu là các bà hoàng, bà chúa, thứ đến con quan.

Bàn chơn các bà các cô cũng xinh đẹp, nhưng không làm sao lọt vào chiếc hài tiên, quá nhỏ, quá mịn màng.

Chiếc hài được đem ra thành phố, và hai cô chị của Lọ lem cũng nôn nao được làm « bà Thái tử », cố gắng xỏ chơn vô hài song hai cô phải khóc hận vì không thể nào mang được.

Lọ lem để mặc hai chị đi thử, nhìn biết chiếc hài của mình, liền bảo :

- Em cũng muốn mang thử, xem có đăng cùng chẳng.

Hai chị cười vang và chế giễu nàng, nhưng vị quan đặc trách việc thử giày chăm chú nhìn nàng, nhận thấy nàng đẹp lắm, nói rằng ông có trách nhiệm trình để các cô thiếu nữ, bất luận sang hèn đều có thể mang thử chiếc hài.

Ông mời lọ lem ngồi lên ghế, ông quì xuống tra chiếc hài vào chơn nàng. Lạ thay, chiếc hài ôm lấy chơn nàng khít khao, không rộng không chật chút nào, như là bàn chơn bằng sáp.

Hai chị ngạc nhiên và càng ngạc nhiên hơn nữa khi nàng rút trong túi ra một chiếc nữa rồi mang vào chơn cho đủ bộ.

Lúc bấy giờ, bà mẹ Tiên hiện đến, gõ nhẹ trên mình Lọ lem tức thì y phục nàng còn xinh đẹp gấp mấy kỳ trước nữa.

Hai chị liền nhìn biết nàng tức là « Bà hoàng » đẹp gặp trong hai đêm dạ hội vừa qua.

Hai cô sup quì dưới chơn nàng và chân thành xin nàng tha thứ vì đã bấy lâu đối xử rất tệ với nàng. Lọ lem đỡ hai chị dậy, hôn chị và nói rằng nàng đã miễn chấp hai chị rồi, xin hai chị thương nàng luôn.

Nàng được rước về triều, Thái tử vui mừng vô hạn.

Vài hôm sau, hôn lễ cử hành long trọng. Từ thành nội đến ngoài dân gian, mọi người ăn uống vui chơi thỏa thích.

Tấm lòng nàng Lọ lem nhân hậu cũng như gương mặt nàng xinh tươi, nàng đem hai chị về triều ở chung và cùng ngày ấy hai vị quan tuổi trẻ nhưng phẩm cao cưới hai nàng làm vợ.

Từ ấy, hai chị thay đổi tánh tình, hào ái khiêm cung, sống hạnh phúc cùng cha mẹ bên cạnh bà hoàng mà bây giờ không còn ai gọi là cô bé Lọ lem nữa.

5) Khổ Vì Sắc Đẹp

Thuở xưa kia, một thiếu phụ nông thôn quen biết một tiên nương.

Nàng thỉnh cầu bà đến ban phúc lành cho bé gái nàng mới hạ sanh, đặt tên là Thanh Liên.

Tiên nương bồng lấy đứa bé, bảo rằng :

“Nàng hãy chọn một trong hai điều :

- hoặc là cháu sẽ đẹp tuyệt trần, thông minh xuất chúng và sẽ là Hoàng hậu một nước hùng cường, song rồi nó sẽ vô cùng đau khổ !

- hoặc là nó sẽ xấu xa như nàng đây vậy, trái lại nó sẽ sung sướng, an phận thủ thường.

Đẹp đẽ, thông minh, sang giàu, oai thế, người trần gian ai lại chẳng ham ! Thế nên, thiếu phụ không ngần ngại mà chọn điều thứ nhứt cho con nàng xuất sắc và sẽ có một ngai vàng.

Thanh Liên càng lớn càng xinh đẹp, nhan sắc trội hơn tất cả bạn gái trong làng. Tâm tánh nàng cũng hiền hòa, thương người mền vật, nàng ham học hỏi những gì ai muốn dạy nàng và chẳng bao lâu, học thức của nàng hơn cả những ai truyền dạy cho nàng.

Những ngày thôn dã, nàng vũ trên thảm cỏ xanh uyển chuyển hơn các bạn và giọng hát ca của nàng trong trẻo, truyền cảm, không nhạc khí nào bằng và chính nàng sáng tác những bài nàng hát lên, tiếng chim họa mi cũng không đẹp bằng.

Ban sơ, nàng không biết rằng nàng kiêu diễm, nhưng khi nô đùa cùng chúng bạn bên bờ suối trong veo, nàng soi mình xuống nước, nàng thấy gương mặt nàng khác xa mấy cô thôn nữ và thích thú với nhan sắc của mình.

Khách gần xa tập nập đến chiêm bái dung nhan nàng, không tiếc lời khen tặng.

Mẹ nàng tin lời tiên tri của Tiên nương sẽ thực hiện, xem nàng như một bà hoàng, tung tiu rất mực. Và thiếu nữ không còn muốn quay tơ, chần trừu, trái lại, nàng chỉ lo hái hoa kết làm tràng, trang hoàng mái tóc đen huyền càng tăng vẻ đẹp, hát và vũ dưới bóng cây râm mát...

Nhà vua xứ ấy cai trị một nước rất là cường thịnh, ngài chỉ có một chàng con trai trên là Anh Dũng, văn võ toàn tài.

Vua muốn kén vợ cho con song không cầu hôn nơi mấy nàng công chúa lân bang vì một bà Tiên bảo rằng hôn thê của Thái tử sẽ là một thôn nữ đẹp tuyệt trần, đẹp hơn tất cả các nàng công chúa trên thế gian.

Ngài truyền lệnh mời các thôn nữ dưới mười tám cái xuân xanh tựu đến đền rồng, đặng ngài kén chọn hôn thê cho Thái tử.

Vòng đầu, đình thần loại ra một số thiếu nữ nhan sắc tầm thường, và giữ lại ba mươi nàng đẹp đẽ. Dĩ nhiên là Thanh Liên ở trong số này.

Và khi nhà Vua và Thái tử ngắm nhìn tất cả trong một gian phòng rộng, lộng lẫy trang hoàng, Thanh Liên hiển hiện sánh với các thiếu nữ kia như là một hoa hồng tuyệt đẹp cận loài cỏ dại, như chim phụng giữa đàn gà.

Nhà vua rất hài lòng, tuyên bố rằng Thanh Liên xứng đáng là Hoàng hậu tương lai, Thái tử lấy làm sung sướng.

Tức thì cung phi thay xiêm áo cho nàng, mặc vào thân mình cân đối của nàng những chiếc áo thêu vàng, kết đầy những ngọc.

Cả trăm thị nữ phụng sự nàng, nàng được ở trong một tòa lâu đài đáng gọi là “nhà vàng”. Thái tử Anh Dũng không còn sẵn bấn vui chơi cùng bằng hữu, mà chỉ quanh quẩn bên nàng, không rời một phút.

Hôn lễ cử hành không bao lâu thì nhà vua thăng hà. Thái tử lên kế vị, Thanh Liên được tấn phong làm Hoàng hậu, dự việc triều chính.

Thái hậu ghen tức, xem Thanh Liên như là một cái gai trong mắt mình. Tâm bà chứa đầy những mưu mô hiểm độc. Tuổi già càng làm cho bà xấu xa, trông bà chẳng khác một mục chồn.

Nhan sắc Thanh Liên cận bên bà, càng tăng vẻ đẹp thì nét xấu xí của bà càng tăng vẻ xấu xa.

Bà thường trách nhà vua trẻ tuổi :

“Mẹ chẳng hiểu sao con say mê con bé nhà quê này quá độ, chắc nó có bùa mê thuốc lú chi đây ! Bao nhiêu công chúa giàu có, trẻ đẹp, sẵn lòng kết duyên cùng con, sao con không nghĩ tới ? Tại Sao ?

Khi cựu hoàng thân phụ con muốn lập gia đình, người chọn mẹ hơn các công chúa khác, vì mẹ là con một vị quốc vương, chủ tể một nước cường thịnh, tương đương với nước của người.

“Tại sao con không làm như cha con vậy ? Con nên cho con bé nhà quê ấy về với đàn chihén nó rồi kết hôn cùng một công chúa môn đăng hộ đối với nhà ta”.

Nhà vua Anh Dũng không đồng ý kiến với mẹ, song bà Thái hậu quái ác trình cho nhà vua xem một bức thơ tình của Hoàng hậu “mật gởi” cho một thanh niên tuần tú, tâm phúc của bà.

Anh Dũng nổi ghen và, trước những lời xúc xiểm của mẹ, ngài hạ lệnh giam nàng suốt đời trong một cái tháp cao cất trên một hòn non gie ra ngoài biển.

Nàng than khóc đêm ngày, không hiểu vì lẽ chi nhà vua lúc trước cùng nàng đậm đà tình ái, bỗng nhiên đối đãi quá ư tệ bạc !

Thái hậu giao nàng cho một mục già canh giữ, mục này cũng hung hăng, độc ác không kém gì Thái hậu, chửi mắng nàng luôn.

Lúc bấy giờ, Thanh Liên tưởng nhớ đến làng mạc xa xôi, đồng ruộng lúa xanh, gian nhà lá và những thú vui dân dã.

Rồi một ngày kia, trong khi nàng đau đớn thầm trách sự mù quáng của mẹ nàng, tham vọng cho nàng đẹp, thông minh, làm một bà Hoàng bạc phước, thay vì là một thiếu nữ chân chân, xấu xa song an phận, mục già canh gác đến bảo rằng nhà vua sai một tả đao đến xử trảm nàng và nàng chỉ còn có dọn mình thọ tử.

Thanh Liên lau nước mắt, rằng mình sống khổ tã chết còn mát dạ hơn.

Và khi tên tả đao oai vệ xuất hiện trong khung cửa thì một mạng phụ hiền hậu cũng vào, mang lệnh đặc biệt của Thái hậu, để nói vài lời cùng Hoàng hậu sắp từ trần.

Mục già để cho cả hai tự do chuyện vãn một giây.

Mạng phụ ấy, chính là Tiên nương đã tiên đoán tương lai của Thanh Liên vậy.

Bà nói với nàng :

“Nàng muốn từ bỏ cái sắc đẹp tai hại đó không ? Nàng có muốn từ bỏ địa vị một bà hoàng sắp chế thâm thương, để mang y phục cũ mà trở về làng không ?

Thanh Liên mừng rỡ chịu liền. Tiên nương xoa mặt nàng, tức thì vẻ đẹp biến đi, còn lại gương mặt ô dề, xấu xí. Y phục nàng trước là gấm nhiễu sô sa, bây giờ toàn là bô vải.

Với mặt mày ấy, với y phục đó, nàng không khó khăn gì mà len lỏi qua đám khán giả tò mò đến chứng kiến cảnh tả đao trăm thủ nàng vô tội.

Nàng theo Tiên nương về làng ...

Mất nàng, người ta tìm khắp tháp, không thấy nàng đâu. Họ báo tin cho Thái hậu và nhà vua Anh Dững. Lệnh ban ra, truyền tìm nàng khắp nước, nhưng chỉ vô ích mà thôi.

Tiên nương trả Thanh Liên cho mẹ nàng. Nếu bà không được báo trước, chắc hẳn là bà không thể nhận ra cô con lúc trước rất yêu kiều, mà hôm nay hình dung đã hoàn toàn đổi khác.

Từ đây, Thanh Liên rất sung sướng sống trong cảnh hàn vi, trong làng quê gió sớm mây chiều, chăn chiên, câu cá...

Hằng ngày, nàng nghe thôn dân thuật chuyện “của nàng Thanh Liên” lên tột đỉnh giàu sang, kẻ bị giam và lên án tử hình oan ức.

Họ sáng tác những bài ca trữ tình, hát lên làm cho mọi người rơi lệ. Nàng cũng hòa ca mấy bài ấy với các bạn mình, và họ khóc, nàng cũng khóc theo, nhưng nàng cảm thấy mình hạnh phúc với cảnh đồng lúa bao la, bầy chiên ngoan ngoãn và không bao giờ tiết lộ mình là ai.

6) Nàng Nữ Công Nhân

Truyện cô nữ công nhân của dân quê Maroc không giống truyện cô Lọ lem của văn hào Pháp Charles Perrault và Con Cám trong truyền kỳ Việt Nam, song cả ba đều có một đặc điểm chung là thui thủi trong bếp núc và làm việc cực nhọc suốt ngày.

“Cô Lọ lem Maroc” chẳng có ưu điểm gì hơn là nhan sắc mặn mà, đức hạnh đoan trang và tánh tình vui vẻ.

Cô nữ công nhân này chẳng là gì hết còn vị quốc vương là tất cả. Trước mặt ngài, nàng có dám thốt lời gì đâu song trong lúc đêm vắng canh khuya, một bóng một mình, không ai cấm cản nàng thổ lộ tâm tư, rằng chỉ có nhà vua mới xứng đáng sánh duyên cùng nàng, miễn là ngài hạ mình nấu nước cho nàng tắm, trao mảnh khăn cho nàng và thốt một lời âu yếm : “Ước sao nhà tắm sẽ làm cho nàng thoải mái, nàng yêu quý của ta !”

Có ai khiến cho vị vương không buồn chán trong cung vàng điện ngọc ! Thế nên một đêm, ngài xuất cung, đi vợ vẫn không biết làm gì trong mấy con đường nhỏ hẹp ngoại ô.

Tắm vách mỏng manh gian nhà nghèo khó không ngăn được mấy lời mơ ước của thiếu nữ lọt vào tai vương giả. Nghe thế, ngài hết buồn.

Ngài truyền lệnh rằng, từ đây, mỗi tuần một lần, thiếu nữ sẽ đến đền ngài, lập lại ngài nghe ước mơ táo bạo của nàng.

Mặc dầu nhà vua muốn thế nào, nàng Lọ lem vẫn bình tĩnh “giữ vững lập trường” và nhà vua phải tuân theo ý muốn nàng.

Mỗi tuần, trong thời gian trước phút hội kiến mà nhà vua dành cho nàng, với sự a tòng của anh phu làm vườn, nàng xuất hiện thành linh cho ngài trông thấy.

Giờ ấy là giờ, sau khi cầu nguyện, ngài vào ngự uyển nghỉ ngơi giây lát.

Nàng lộ dạng sau một khúc quanh, như là một Nữ thần trăm hoa, đẹp đẽ phi thường trong bộ y phục hóa trang.

Không rõ nàng là ai, ngài tự hỏi có phải đó là Hoa Thần không, và, sau khi xuất hiện, nàng làm cho ngài mê mẩn tâm thần với giọng hát thanh tao, với sắc đẹp mê hồn, rồi nàng “biến mất”.

Lần thứ ba, nhà vua nhứt định không để cho nàng “tàng hình” được nữa. Thiếu nữ biết thế, nàng ăn vận trắng tinh, ngồi xếp bằng tròn trên một chiếc chiếu rải đầu hoa thơm lạ.

Ngài không thể cầm lòng ...

Nàng đưa tay ngăn, nói :

- Thưa ngài, ngài là vương giả, miêu duệ Đức Giáo Tổ và là người cầm quyền cai trị tín đồ. Chúng ta không làm gì được nếu chưa thi hành những điều luật buộc.

Mà luật dạy rằng, những cặp vợ chồng tương lai phải dọn mình tinh khiết, phải tắm một lần.

Nhà vua, vì sợ nàng tiên biến mất, vội vàng cầm lấy tay nàng dắt vào một tiểu đình giữa vườn hoa. Thiếu nữ bình dân mừng thầm song không biểu lộ.

Vị vương trao chiếc khăn cho nàng, bảo :

“Ước dao nhà tắm làm cho nàng thoải mái, nàng yêu quý của ta !”

Bấy giờ, đến phiên ngài.

Khi ngài một mình vào trong tiểu đình, nàng ôm y phục ngài rồi đi lần chót.

Giây phút sau, đến giờ nhà vua tiếp nàng, thiếu nữ mặc lấy y phục nhà vua, xuất hiện trong khung cửa hoàng cung lộng lẫy.

Và chiều hôm ấy, quốc vương chánh thức thành hôn cùng nàng thiếu nữ bình dân : ngài hoàn toàn sung sướng, thể xác lẫn tinh thần.

B – Nhóm Thứ II

Bốn truyện

- 1) Vợ Tiên chồng tục
- 2) Chàng ngư phủ với nữ thủy tiên
- 3) Mỹ nhân ngư đảo Thạch hoa
- 4) Giếng Trọng Thủy, máu My Châu

Việt Nam
Thủy Điền
Nam Dương
Việt Nam

Nhân vật trong truyện này, ngoại trừ Trọng Thủy, My Châu, gồm có một tiên nữ, một nữ thủy thần và một mỹ nhân ngư sánh duyên cùng người phàm tục.

- Tiên nữ bị anh tiều phu cắp mất cặp cánh, buộc lòng phải kết nghĩa vợ chồng cùng anh, song khi tìm lại được cặp cánh mà anh đã giấu thì nàng đã có con, không nỡ bỏ con bơ vơ mà tháo cánh về thượng giới, đành ở lại chốn trần gian, vui với gia đình trần tục.

- Tình duyên của chàng ngư phủ với nữ thủy thần không mỹ mãn, vì xảy ra một hoàn cảnh ly kỳ. Giọt máu đào của thủy thần hòa lẫn với làn sóng bạc, làm cho phong cảnh đẹp lạ lùng và ban cảm tình đặc biệt cho ai đến viếng.

- Nàng mỹ nhân ngư cũng đặc biệt yêu chàng ngư phủ song Tạo hóa trở trêu chia rẽ thiếp chàng nên sau một thời gian cách biệt, nàng lại đến thăm thì chàng đã ra người thiên cổ.

- Trọng Thủy vô tình phản bội vợ hiền, nhảy xuống giếng tự tử; My Châu vì quá tin chồng mà phản bội cha, chịu thác oan dưới lưỡi kiếm phũ phàng.

Những con trai ăn lấy huyết nàng hóa ra có ngọc trên châu và ngọc ấy rửa trong giếng nơi Trọng Thủy quyên sinh, lại trong sáng và đẹp thêm ra.

7/1) Vợ Tiên, chồng tục

Việt Nam

Thuở xưa kia, xưa, xưa lắm, khi mà chư Tiên nam nữ chốn Thiên đình còn thỉnh thoảng xuống dạo trần gian, có anh chàng tiểu phu ở một mình trong gian chòi lá giữa rừng sâu, sống với chiếc rìu, hàng ngày đốn củi nuôi thân.

Một bữa chiều trời quang đãng, chim kêu, suối chảy, thông reo, anh đi đến một bụi rậm, bỗng nghe tiếng cười trong trẻo.

Anh sẽ lên nhìn thăm thì rõ ràng bảy nàng tuyệt sắc – chính là Tiên – đang tắm lội nô đùa dưới suối trong veo.

Anh chàng muốn lặng lẽ đi êm, song kìa, bảy cặp cánh của ai nằm trong bụi, trong tâm chàng bỗng nảy sinh một dự vọng ly kỳ...

Bảy nàng Tiên tắm thỏa thích xong, lên bờ mặc y phục lại, lấy cánh lấp vào vai, hầu có bay về Thượng giới.

Nhưng lạ thay, đôi cánh nàng Tiên áo xanh đầu mất, nàng ngạc nhiên, bàng hoàng cùng mấy chị em lục lạo kiểm tìm, nhưng nào có thấy đâu.

Bóng hoàng hôn sắp xuống núi đồi, sáu nàng kia cực chẳng đã phải chia tay, nàng Tiên xanh gạt lệ đi bơ vơ, tới đâu hay đó.

Lúc bấy giờ, tiểu phu xuất hiện, thành thật mời nàng đến trú ngụ chòi mình vì đêm đã đến mà rừng núi về đêm là giang sơn của ác thú, ma thiêng.

Bất đắc dĩ, nàng phải theo chàng ... và kể từ ngày ấy, đôi thanh niên nam nữ, kẻ tục người tiên, ăn ở với nhau như Giáng Hương và Từ Thức, như Giáng Kiều với Trần Tú Uyên.

Ngày tháng trôi qua trong hạnh phúc gia đình, thiếu phụ người Tiên sanh được một đứa con trai bụ bẫm.

Việc đến tắt phải đến.

Một hôm, nàng leo lên bờ, xúc lúa xuống xay ăn, bỗng nhiên bắt gặp...

Vì hai năm nay, vợ chồng đốt rừng làm rẫy, trồng lúa, bắp, khoai, dư ăn dư để.

Nàng Tiên thấy gì ? Cặp cánh của nàng giấu trong bờ lúa !

Một thoáng, thất tình nổi dậy trong lòng người Tiên : mừng, thương, giận, ghét ...

Trách chàng sao nỡ nhẫn tâm giấu cặp cánh của nàng, khiến cho hai năm nay nàng như người trần tục, chịu đường khai sản trước ô, song nghĩ lại, khi chàng tình cờ thấy đoàn tiên nữ mà động lòng tiếc ngọc thương hương, chàng giấu “một cặp cánh” ngõ hầu được kết duyên cùng “một nàng Tiên”, chàng đâu có rõ cánh này của ai, chỉ ngẫu nhiên mà chọn nhầm mình đó thôi !

Âu cũng là duyên nợ, âu cũng là kiếp số !

Song cõi trần đầy đủ phiền não, mà luyến làm chi cảnh gió bụi ê chề !

Nàng thắp cánh vào vai, bay lên vài trượng, còn rảo mắt nhìn lại ngôi nhà sạch sẽ, khang trang mà mình dày công gây dựng.

Ôi kìa, bé thơ máu thịt của nàng dơ hai cánh tay no tròn lên đòi nàng ẵm, miệng em như hoa, kêu dỏ dẻ dễ thương lạ : “Má, má, ăn má, bé ăn !”

Tấm lòng nàng Tiên chưa đắc đạo bỗng dung mềm nhũn trước cảnh đứa con âu yếm đòi mẹ... trước ý nghĩ đến cảnh chồng mất vợ xiết bao âu sầu, nào có khác Tú Uyên tìm kiếm Giáng Tiên, nàng vợ Tiên từ từ hạ xuống, cất cặp cánh vào bờ lúa như xưa, thôi đành an phận, sống với chồng, với con cho hết kiếp dương trần !

8/2) Chàng Ngư Phủ với Nữ Thủy Thần

Thụy Điển

Trong quyển “Merveilleux Voyage de Nils Holgersson” (Cuộc hành trình kỳ lạ của N. H.), tác giả là nữ văn hào Selma Lagerlof, thuật rằng :

“... Trong một hòn tiểu đảo nằm nơi biên giới hồ Malar và biển Baltique, xứ Thụy Điển (Bắc Âu), một chàng ngư phủ trộm được tấm da hải cẩu mà một nữ thủy thần cùng các bạn nàng mang vô để vượt trùng dương du ngoạn, vào bờ ra khơi.

Không thể theo bạn về biển cả, tội nghiệp nữ thần đành gặt lệ ở cùng ngư phủ và kết duyên cùng chàng.

Hợp thức hóa cuộc tình duyên tiên tục này, cả hai đồng ý nhờ Cha sở cho chánh thức kết hôn.

Và buổi sáng ngày cử hành hôn lễ, trong khi tân nhân và tân lang cùng nhau đi đến Thánh đường, bỗng nhiên trong đầu óc hôn phu nảy sinh một ý nghĩ lạ kỳ - và tai hại – là dắt dẫn nữ thần đến tiểu đảo kia, cho nàng xem tấm da hải cẩu của nàng.

Tức thì nữ thần vô lấy, nhanh như chớp, tròng vào mình rồi lặn xuống biển.

Điên tiết, ngư phủ phóngn theo một ngọn lao trúng nhằm nàng.

Giây phút, nước biển sôi động lên và thay đổi màu sắc : mặt nước óng ánh nhuộm màu hồng và bạch chẳng khác màu sắc bên trong vỏ sò, vỏ hến.

Vì chung máu huyết một nữ thủy thần tuyệt thế giai nhân hòa lẫn cùng làn sóng biếc nên khi thủy triều đến vỗ bờ, phong cảnh bờ biển trong thật là tuyệt đẹp.

Từ đó về sau, bờ biển ấy có phép nhiệm mầu là ban tình ái đậm đà cho những cặp nam nữ thanh niên đến nơi đây hưởng tuần trăng mật, thậm chí những ai đến du ngoạn một lần, phải tưởng nhớ phong cảnh ấy luôn mà nhiều phen trở lại.

9/3) Mỹ Nhân Ngư Đảo Thạch Hoa

Truyện kỳ Nam Dương

Trong gian chòi xanh gần bãi cát vàng, sống cô độc một chàng ngư phủ.

Bản hàn đảo đề, chàng chỉ có một chiếc thuyền câu với một con chó cò làm bạn.

Chiều hôm ấy, như thường ngày, chàng bơi thuyền ra khơi. Bãi biển vắng không, mặt biển lặn tăn dợn sóng, chiếc thuyền con nhẹ nhẹ chòng chành, cảnh hiu quạnh càng thêm quạnh quẽ, chàng cảm thấy nhỏ nhoi trên biển cả bao la.

Nhưng thiếu niên có đem theo một chiếc trống con, chàng hát lên những khúc du dương và bàn tay dịu dàng gõ nhịp trên chiếc trống.

Trăng thượng huyền khi ẩn lúc hiện sau chòm mây bạc, mây nổi tiếp nhau bay về phương trời xa xăm. Ngọn lương phong với thủy triều đưa đẩy chiếc thuyền, chàng không cần ra sức.

Khi chàng đã tới đúng chỗ chài mọi bữa, chàng nhịp trống hát lên một bài cầu nguyện Thủy thần rồi vãi chài xuống nước.

Bỗng chàng cảm nghe trong lưới vật gì quẫy mạnh, chàng lật đật kéo lên, đầu tiên chàng trông thấy một cái đuôi lớn, tưởng là lưới đang con cá biển to, nhưng khi chàng nghe tiếng người, kể thấy hai cánh tay nõn nà, tròn trịa, vẫy vùng trong lưới, chàng ngạc nhiên tột độ.

Tiếng người ấy kêu vang, cầu khẩn :

- Ngư phủ, ngư phủ ơi, xin thả tôi ra. Đừng bắt tôi tội nghiệp !

Chàng tưởng mình lầm, song sự thật là đây : chàng đã chài được một mỹ nhân ngư. Tuy nhiên, chàng biết rằng loại cá này có một thân mình đàn bà và đuôi cá. Chàng cũng tưởng rằng, như các thiếu nữ mà chàng được quen, cô “cá người” có mái tóc đen và màu da hơi sạm.

Song mỹ nhân ngư đang vùng vẫy trong lưới của chàng đây lại có màu da trắng như sữa và mái tóc vàng hoe, gần như bạc.

Một điều làm cho chàng lạ lùng hơn là đôi mắt nàng trong xanh, xanh hơn nước đại dương, xanh hơn cả da trời.

Chàng nhìn say mê đôi mắt đẹp lạ kỳ ấy mà quên hết mọi sự, chàng nghe giọng êm như ru của cô gái cá gọi lần nữa, chàng mới giật mình.

Bằng những cử động chậm rãi, dịu dàng, chàng gỡ lưới cho mỹ nhân ngư lợi thoát ra ngoài.

Mà ngư phủ nhà ta là một thiếu niên khôi ngô mạnh mẽ, khiến nên nàng cá phút chút động tình yêu đương.

Rồi nàng lặn xuống biển sâu còn chàng quay thuyền về chòi lá, mang theo trong quả tim một mối tình chớm nở, mãnh liệt, ly kỳ.

Từ buổi chiều ấy, sau khi các thơ chài đã thả thuyền ra khơi, thiếu niên xuống biển vừa hát vừa nhịp trên chiếc trống con những bài mà chàng đã hát buổi chiều xảy ra cuộc kỳ ngộ hôm nào.

Giọng chàng trong trẻo, bỗng trầm vừa cất lên là nàng dưới nước trỗi lên trườn nằm trên bãi...

Rồi một đêm, dưới trăng thanh gió mát, trời xanh, đôi thanh niên nam nữ trao đổi ái ân.

Nàng sanh cho chàng liên tiếp hai cậu con trai kháu khỉnh, có chơn có cẳng đàng hoàng như cha, nhưng giống mẹ với mái tóc vàng và đôi mắt xanh.

... Hai trẻ lớn lên cưới vợ khác làng và tha phương lập nghiệp ...

Một đêm bão tố, sóng đập âm âm xô đẩy mỹ nhân ngư sang hòn đảo khác rất xa.

Luôn mấy chiều hôm, chàng ra bãi biển hát đến khuya, cho đến khi sương mù nghi ngút ngàn khơi chàng mới về chòi.

Không còn thấy nàng xuất hiện, chàng buồn rầu đau ốm, chẳng bao lâu hồn xuống huỳnh tuyền.

Thôn dân an táng chàng gần bên chòi lá.

Mãi lâu sau, nàng cá trở về; đây bãi biển, đây chiếc chòi, song tình lang đã vắng bóng.

Từ đây, đâu còn nghe giọng hát thanh tao, âm áp của chàng, với nhịp nhàng tiếng trống. Chàng đã chết, xác chàng đã vùi chôn dưới ba thước đất mà nàng không bao giờ vào đặt.

Và kể từ hôm ấy, mỗi đêm, mỹ nhân ngư trở về khóc chàng ngư phủ mên mê, khóc mối tình vô chung hữu thủy !

10/4) Giếng Trọng Thủy, Máu Mỹ Châu

Việt Nam

Việt sử chép rằng : trước làn sóng ồ ạt xâm lăng của Triệu Đà, viên quan úy quận Nam Hải, vua An Dương Vương nước Âu Lạc, tức địa phận Bắc phần hiện nay, chống lại bằng chiếc nỏ thần.

Lấy nỏ làm bằng móng chơn Thần Kim qui : nhà vua bắn ra một phát giết được muôn người.

Thất bại về quân sự, Triệu Đà xoay qua chiến tranh chính trị, cầu hòa cùng An Dương Vương và cho con trai là Trọng Thủy, một thanh niên tuấn tú, văn võ toàn tài, đến triều Âu Lạc, ở làm con tin.

Vì quá tin tưởng nơi lòng thanh thật của người, nhà vua tin dùng Trọng Thủy và sau cùng gả con gái là Mỹ Châu cho chàng.

Với một giai nhân yêu kiều đức hạnh, Trọng Thủy hết dạ yêu đương, song không xao lãng trọng trách của cha giao phó cho mình.

Chàng võ về công chúa cho chàng xem cái nỏ thần và, vì quá tin yêu, nàng trao chiếc nỏ chàng xem.

Trọng Thủy lén lấy cái móng Kim Qui, làm cái lẫy giả thay vào.

Sau đó, chàng xin phép nhà vua cho chàng hồi hương vấn an cha già một thời gian.

Đôi vợ chồng thiếu niên chia tay xiết bao thở than và giọt lệ. Và trước khi lên ngựa ra roi, Trọng Thủy hỏi vợ rằng :

- Tôi về thăm cha, rồi tôi trở lại, cùng nàng ca khúc bạch đầu, song việc đời có may có rủi, đầy những ngẫu nhiên. Lỡ giữa hai nước lại giao tranh tái phát thì tôi biết đâu mà tìm nàng, trong chốn loạn quân ?

Mỹ Châu đáp :

- Thiếp có cái áo lông ngỗng, hễ khi thiếp có chạy về đâu, thiếp sẽ lấy lông ấy mà rắc dọc đường, cứ theo đó mà tìm, tất lại gặp nhau.

Trọng Thủy về, Triệu Đà cất binh sang đánh Âu Lạc.

Vua An Dương Vương ý mình có cái nỏ thần, không phòng bị gì cả. Đến khi giặc tới bên thành, ngài đem nỏ ra bắn thì không còn hiệu nghiệm.

Vua mới đem Mỹ Châu lên ngựa, chạy về phía nam.

Đến núi Mộ Dạ, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An, gần bờ biển, vua thấy giặc đuổi gấp quá, mới khẩn thần Kim Qui lên cầu cứu.

Kim Qui xuất hiện nói rằng :

- Làm thế nào mà tránh được giặc vì chính giặc ngồi sau lưng Bệ hạ kia mà !

Mỹ Châu chỉ có ngựa mặt lên trời rung đôi hàng lệ.

An Dương Vương tức giận rút gươm chém Mỹ Châu rồi nhảy xuống bể mà tự tận. Có nơi chép rằng Thần rẽ nước cho vua xuống biển.

Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng của vợ rắc, đuổi đến núi Mộ Dạ, thấy xác vợ nằm đó, thương cảm vô cùng, đem về cất táng xong rồi nhảy xuống cái giếng ở trong Loa Thành mà tự tử.

Tục truyền rằng My Châu bị giết rồi, vì nổi tình thực mà thác oan, không dè Trọng Thủy phản trắc cho nên máu nàng chảy xuống bể, những con trai ăn lấy hóa ra có ngọc trên châu.

Hễ ai lấy được ngọc ấy đem về rửa vào nước cái giếng ở trong Loa Thành, là chỗ Trọng Thủy đã tự trầm thì ngọc trai ấy trong sáng và đẹp thêm ra !

C – Nhóm Thứ III

Ba truyện

- 11/1) Con thỏ với con rùa
- 12/2) Thỏ Việt cứu voi
- 13/3) Chú thỏ cứu thợ săn

Triều Tiên
Việt Nam
Phi châu

Đến đây, chúng ta đi vào lãnh vực chú thỏ, tuy nhỏ thó song nhờ trí khôn ngoan mà làm được những chuyện hay, tự cứu mình và cứu người ...

1) Chú thỏ Triều Tiên bị chị rùa quạ gạt đem xuống Thủy tinh cung, để mổ lấy gan trị bệnh cho công chúa Thủy Tề.

Hay được cái tin làm cho thỏ lập được kỳ công sẽ đứng đầu trăm quan dưới Thủy phủ, thỏ bảo rằng vì không được báo trước nên thỏ mình cắt lá gan trên núi và xin chị rùa đưa mình về trên lấy.

Rùa nghe lời.
Thế là ... xí hụt !

2) Voi bị cọp đòi ăn thịt, thỏ “vật” con voi xuống mà ăn, lại chê thịt voi không ngon, thịt cọp ngon hơn, đòi ăn thịt cọp, làm cho chú cọp hoảng hồn, chạy trốn chết !

3) Đây, chú thỏ, thay vì bị thợ săn bắt, nấu “xi vê”, lại trở tài đóng vai Thảm phán, cứu anh thợ săn thoát nạn, mới buồn cười cho !

Cha con chú sáu lạc đường, nhờ anh thợ săn đem về mé rạch. Anh cột cha con nhà nó lại một chùm, gánh về dòng nước. Đói quá, chúng đòi xoi anh.

Thỏ đến, bảo hai đảng thuật tự sự mình nghe, yêu cầu thợ săn diễn lại tấn tuồng từ trước...

Thế là tình trạng đảo ngược và thợ săn với dân làng được chén một bữa thịt sáu no nê !

11/1) Con Thỏ Với Con Rùa

Truyền kỳ Triều Tiên

Một buổi mai kia, Thủy tề Nữ chúa động lòng du ngoạn, đội lột cá lội bơi, xem giang san mình thỏa thích.

Trên đường về, bà thấy hai con trùn đất đang nhảy múa trước đèn vàng.

Bắt tánh háu ăn, Lệnh bà tát cả hai con trùn một lượt; món ngon chưa vô đến dạ dày mà cái mũi của bà lại bị móc vào lưới câu ác nghiệt ! Đau quá, bà kêu vang.

Bình tôm, tướng cá, soái cua, đua nhau lội đến dùng cang, dùng răng cắn đứt sợi nhợ câu, nhưng không làm sao gỡ lưỡi câu ra được.

Nữ chúa đau thập tử nhưt sanh.

Đình thần, ngự y được triệu tập khoáng đại hội nghị.

Trong phòng đại hội đồng, bà Cá Voi oai vệ, chú Cá mập oai hùng, lão cá Đao bén nhọn, anh Sam ốm lom khom, chị Cua biển rắn chắc, bàn cãi ba ngày bốn đêm, sồn nôi ầm ầm, tôn trầu Sài Gòn, thuốc Gò Vấp, xi gà, sâm banh, nước cam, la ve, củ kiệu.

Hội nghị cân nhắc từ danh từ thấp cao, nặng nhẹ, mà không sao tìm được phương pháp trị bệnh đau mũi cho lệnh Bà.

Sau cùng, cô Rùa Quạ khệ nệ bò đến, kính cẩn chấp hai chơn trước ngực, cúi đầu chào : “Kô ni chi hoa” (Tiếng chào của người Nhật), rồi thưa rằng, cách đây năm trăm năm, ông cố nội của bà cố ngoại của bà thím cô cũng đau một chứng bệnh như lệnh Bà Nữ chúa ngày nay vậy. Và bà già vợ của ông cố nội ... ấy trị bệnh ngứa té bằng cách đắp lên mũi chàng ta một lá gan đập dập của chú thỏ rừng.

Hội đồng chú ý nghe rồi lại đặt vấn đề lên bàn mổ xẻ : khả dĩ, bất khả, chấp thuận, đề nghị bác, sau cùng chấp thuận với 51 lá thăm thuận, 50 thăm chống, 19 phiếu trắng, 48 không hợp lệ.

Nhưng làm sao, làm sao bây giờ ! Khấp trùng dương bao la man mác này, làm gì tìm được một lá gan thỏ!

Lần nữa, rùa Quạ ta lại lên tiếng thưa cùng Đại Hội Nghị Đáng Tôn Đáng Kính :

- Kẻ hèn này có quen với một anh thỏ và có thể mời anh xuống Thủy tinh cung, nếu quý vị Ngự y trừ danh lãnh phần mổ bụng lấy gan anh, chứ như kẻ hèn này thấy máu ắt là bị máu xăm mà chết mất !

Hội đồng lại chấp thuận và Rùa lãnh sứ mạng tối cao, bơi lên lục địa “cầu hiền”.

Hôm ấy, trời nóng bức và chị Rùa lấy làm cực nhọc vì phải lội cộp lạch cạc trèo lên một cái đồi cao. Và chẳng bao lâu, Rùa thấy Thỏ vui vẻ chạy đến chào :

- Ô kìa, Hắc qui tiểu thơ, chị bị ngọn thủy triều nào đưa tận nơi đây !

Rùa quạ vừa đáp vừa lấy khăn tay chạm mồ hôi trên trán :

- Tôi lên đây đứng đứng trên núi cao của anh mà ngắm nhìn phong cảnh... Người ta đồn xem như thế mới rõ núi rừng là đẹp cho. Nhưng tôi thất vọng, thật là mất công tôi. Có gì đâu mà gọi là xinh là đẹp !

Thỏ vấy tai, hình mũi cười :

- Thế thì chị làm rồi, chị lên không được bao cao, chị hãy theo tôi lên tới đỉnh, chị sẽ trông thấy cảnh ngoạn mục thế nào.

- Thôi cảm ơn anh, Rùa đáp. Tôi thấy đồi núi đã nhiều rồi, tôi nói thiệt đa nghe, có Sơn thần anh với Thủy tinh tôi làm chứng, đồi núi anh không mấy may bằng biển cả chúng tôi đâu !

“Này nhé, có ai tưởng tượng cảnh biển lạ lùng, đẹp để làm sao, một khi mình đã xuống mấy tầng biển xanh : nào là rừng san hô, những cây tầm bông, những hoa thơm nồng nàn, đồi núi toàn thạch bích, thung lũng, những hang sâu, có bầy cá ngũ sắc nhảy múa nhịp nhàng, ca hát du dương. Trên lục địa các anh, làm gì có cảnh ấy mà thưởng thức bao giờ !

Nói xong, rùa làm bộ quay đầu trở xuống. Thỏ buồn rầu chậm chậm theo sau, nghĩ ngợi :

- Xuống nước rồi, ta có dễ chịu hay không, thỏ hỏi. Rồi nước có vô lỗ tai, lỗ mũi, miệng mắt ta không ?

- Không đâu, anh thỏ à. Nước, tức là khí trời của biển, anh sẽ quen đi mau chóng, rùa giải thích mà nổi mừng lộ trong giọng nói run run.

Thỏ nói :

- Tôi cũng muốn viếng xứ chị một phen cho biết, song tội sợ e không thở được như bà con tôm cá dưới nước kia !

- Sao lại không, rùa càng quả quyết; tôi bảo rằng được là được, anh sẽ thở tự nhiên như thường; nếu anh thật lòng muốn viếng cảnh lạ xứ tôi, anh chỉ ngồi trên lưng tôi, tôi hân hạnh đưa anh đến đó.

Thỏ tin bằng lời, vả lại anh nghe rùa tả cảnh dưới đáy biển mà say mê ...

Cả hai về đến, mấy nàng mỹ nhân ngư yêu kiều đưa thỏ vào cung Nữ chúa, nơi đây một đoàn ngự y đang nóng nảy mong chờ. Nhưng, trong lúc thỏ ngồi nghỉ mệt, nhấm nháp nước chanh trong chiếc ghế bành to lót rong biển êm như nhung, anh thoáng nghe họ bàn tán về cách mổ bụng lấy gan anh.

Hải hùng, anh hỏi một chị mỹ nhân ngư, chị thật thà tỏ cho anh rõ tất cả mưu mô miu mẹo để lấy gan thỏ cho bằng được.

Anh thỏ đáng thương gãi đầu gãi tai, tự hỏi mình có thể còn sống mà ra khỏi lâu đài tráng lệ này về với má bầu trẻ không. Bỗng anh phì cười, tự nhủ : “Chỉ có suy nghĩ một chút là được rồi ! Trời giúp những ai tự giúp”.

Tức thì anh tỏ bày cùng đoàn ngự y đại tài rằng lá gan là một cơ quan có thể gỡ ra gắn lại tùy ý, y như một cặp mắt kiếng vậy. Vả lại, trong mọi cái chợ trên mặt đất, người ta bán lá gan thiếu gì, lên đó tha hồ mà lựa ! Riêng phần thỏ, vì ngại xuống nước ướt lá gan, nên anh đã rút nó ra và cất kỹ trong một hộp đá nơi nhà anh.

- Nhưng mà, thỏ tiếp, tôi sẵn sàng cống hiến lá gan tôi cho lệnh Bà, nếu nó có thể giúp an long thể.

Ngự y đoàn hoan nghinh sự hảo tâm của thỏ, truyền lệnh rùa chở thỏ về rừng. Song le, tàu vừa cập bến, thỏ nhảy thót lên bờ, giữ bộ lông cho sạch nước, ba chon bốn cẳng chạy bay về đồi và gọi rùa mà bảo :

- Chị rùa đen đầu xấu xa hôi hám kia ơi, chị rán chạy lên đây bắt được tôi thì cứ mổ lấy lá gan đem về làm thuốc.

Thỏ vỗ bụng :

- Gan đây này, ta chỉ có một lá thôi, ta không ung tặng cho ai cả, dẫu là một bà hoàng !

Nói xong, thỏ biến mất sau đỉnh đồi và, từ đó, thỏ cẩn thận không chạm mặt rùa quạ nữa.

12/2) Thỏ Việt Cứu Voi

... Con thỏ đi chơi, gặp con voi đang râu rĩ bản xứ, mới lại hỏi vì làm sao mà bộ buồn bức làm vậy ? Thì con voi nói : “Bữa hôm con cạp gặp biểu tôi thì ngày kia tháng nọ tới chỗ nọ nộp mình cho nó ăn thịt, mà nay đã gần tới kỳ, không biết liệu làm sao !

Thỏ thấy tội nghiệp thì nói : “Thôi để tôi tính giùm mà cứu cho, cho khỏi nó ăn thịt, hễ tới ngày thì lại rước tôi, tôi đi với, tôi làm phước cứu cho”.

Đến ngày đi nộp mình, voi tới rước thỏ, cỡi trên lưng mà đem tới chỗ hẹn. Thỏ dặn voi : “Cứ nằm đó đứng nói gì hết, để mặc tôi”.

Dặn dò xong rồi, cạp đầu vừa tới. Thỏ ngó thấy cạp đến thì nhảy ra trước đầu tấp một miếng, và tấp và nói : “Không có con chi vừa”. Nhảy đằng sau, nhảy bên này bên kia cũng nói làm vậy. Rồi ngó quanh ngó quất thấy cạp lại.

“Ừ, ừ, có cạp đây, thịt cạp ngon hơn thịt voi”.

Cạp nghe nói thất kinh, không hiểu đang con gì nhỏ nhỏ mà dữ làm vậy, vật voi xuống mà ăn, lại đòi ăn tới thịt cạp nữa, nên nhảy trái ra chạy miết dài một thể.

Bầy khi thấy cạp chạy thì kêu hỏi : “Việc gì mà chạy hung làm vậy ?”

Thì cạp nói :

- Ủy đừng hỏi ! Cái con chi nhỏ thó, mà nó vật voi nó ăn; nó thấy tôi, nó nói : “Ừ, thịt cạp ngon hơn thịt voi” tôi sợ tôi chạy.
- Anh dắt mấy tôi tới coi cho biết với.

Cạp nói :

- Tao mạnh lại lẹ chơn, có sao tao chạy được mà bầy đến chừng làm vậy, mà chạy sao khỏi ?

Khi nói :

- Không hề gì, để mấy tôi bứt dây cột xâu lại với nhau rồi cột vào mình anh, rồi có làm sao, anh chạy anh kéo đùa với tôi theo, có hề gì.

Cạp chịu, mới để cột giòng theo sau một bầy khi, dắt nhau tới. Tới mới ngó vào thấy con thỏ còn đang tấp làm ào ào trên mình voi, cạp lại sợ quày chạy đi, kéo hết bầy khi, va đầu trong gai gốc, chết hẳn răng hết cả bầy. Tới chỗ khi, cạp mới đứng lại, thả khi ra. Ngó ngoái lại thấy bầy khi nhẵn răng nằm thài lai; thì cạp la mắng nó : “Tao chạy mệt đã hết hơi, mà bầy còn vui sướng nổi gì mà cười ?”

13/3) Chú Thỏ Cứu Thợ Săn

Câu chuyện xảy ra ở Phi Châu, nơi xứ người da đen tóc quăn giữa chú thỏ Lanh, chú sấu Giáo quyết và anh thợ săn Thật thà.

Mặt trời vừa mọc, làn sương tà tà bay sát đất, trên dòng sông, trên mặt ao hồ.

Giáo quyết trôi trên sông, bất động như một thân cây, da nó xám xanh và gồ ghề; nó hả rộng cái mồm to rồi quặp lại một tiếng khô khan, găm gù : “Ta đói !”

Bầy con nó nằm ngủ gần bãi sậy, thức giấc, lội ngay đến nó và lặp lại như một tiếng vang :
“Chúng con đói !”

Lúc bấy giờ, cha con chúng nó từ trong rạch lội ra đi tìm thức ăn. Chúng bò sát giữa đám cỏ cao, ve vẩy cái đuôi đầy những gai, lục lạo trong bụi rậm. Nhưng chúng không tìm được món ăn gì !

Chẳng bao lâu, chúng đã cách xa dòng nước và, khi muốn trở về con sông quen thuộc, chúng đã lạc lối đi rồi !

Anh thợ săn Thật thà đi ngang qua, thấy vậy hỏi :

- Giáo quyết, sao chú lại ở giữa cánh đồng như thế, thường thì chú ở nơi mé nước kia mà !

Sấu ta trả lời

- Phải, tôi với mấy con tôi dạo mát một vòng, không dè lạc lối. Pập, tôi đói !

Và mấy chú sấu con hả mồm, quặp xuống ăn nhip : « Pập, dập, chúng con đói ! »

Thật thà để cung tên xuống nói :

- Chú Giáo quyết này, nếu chú không là một kẻ bội bạc, tôi có thể đem chú và các đứa bé trả về con sông.

- Phải đa, Giáo quyết năn nỉ, anh làm đoan làm phước đem cha con tôi về rạch, tôi cảm ơn anh vô cùng.

- Chú hãy nghe đây, tôi sẵn lòng giúp chú với mấy cậu bé này với một điều kiện : là kể từ nay không bao giờ chú và bà con lớn nhỏ giòng họ chú làm hại bà con lớn bé giòng họ và súc vật nhà tôi.

- Được, được, anh yên tâm, tôi xin thề rằng, từ đây bà con anh em và súc vật của anh không còn sợ sệt gì giống cá sấu chúng tôi nữa !

Anh thợ săn liền cột sấu Giáo quyết và mấy con chú, vác lên vai và đem về dòng rạch. Đến nơi, mở dây thả chúng ra. Nhưng lúc ấy, mấy con sấu ác nghiệt vây quanh anh Thật thà vào giữa, ngỗ hầu xơi tái xơi lụi anh cho sướng mồm.

Thợ săn cố gắng tự vệ...

Chính lúc ấy, chú thỏ Lanh cà xom nhảy đến, hỏi rằng :

- Chuyện chi đó ? Chuyện chi đó ? Tai nạn gì đã xảy ra ? Các người hãy bình tĩnh một chút tỏ bày cho ta rõ.

Thật thà thuật chuyện, song anh ta nhút nhát, sợ sệt, nói không rõ ràng còn sấu Giáo quyết lại bịa đặt những điều láo xược.

Thỏ Lanh bảo :

- Cái chuyện của các người coi sao nó rắc rối quá !

Chú xụ một lỗ tai xuống, ra chịu suy nghĩ rồi nói :

- Chú Giáo quyết, chú hãy nói cho ta biết một người vọc vạc như anh thợ săn làm sao có thể đem chú với mấy con chú từ rừng về đến sông này ?

- Anh ấy đã dùng dây buộc chơn cẳng chúng tôi và vác trên vai, băng đồng lội ruộng đem về đến rạch.

- Vậy thì, muốn cho ta tin, các người hãy diễn cái trò ấy lại cho ta xem.

Con sáu đáp :

- Chuyện dễ dàng, anh thợ săn cứ diễn cái cảnh ấy anh thử xem thì rõ.

Khi Giáo quyết và mấy con bị cột chặt vào một chùm, thỏ Lanh nói với thợ săn Thật thà :

- Bây giờ, phiền anh đem chúng sáu này đến cái chỗ mà anh đã gặp họ lần đầu.

Anh Thật thà thực hành lời yêu cầu của thỏ Lanh và ném đoàn ác thú xuống cái nơi mà anh đã gặp chúng van xin kêu cứu. Thỏ Lanh liền bảo anh thợ săn :

- Anh Thật thà ơi, anh có thích gân thịt bọn này không ?

Thật thà đáp :

- Tôi thỉnh thoảng cũng có ăn chút đỉnh.

- Vậy thì anh có muốn dùng thì tự tiện vì chính họ đã toan làm thịt anh kia mà !

Anh Thật thà liền vác đoàn sáu lên vai đem về làng và đãi bà con, anh em lớn bé, một bữa tiệc thịt sáu linh đình.

D – Phần Thứ IV

Hai truyện

14/1) Từ Thức lên Tiên

15/2) Nhất Lang xuống biển

Việt Nam

Nhật

Hai truyện này giống nhau và khác nhau về một điểm quan trọng :

- là Từ Thức lên cảnh Tiên, kết duyên cùng Giáng Hương tiên nữ, ở với nàng được *một năm*, khi về trần thế thì thời gian xa vắng đã là *bốn mươi năm* rồi !

- anh ngư phủ Ưu Đàm Nhất Lang được Rùa Vàng mới xuống Thủy tinh cung dạo chơi. Anh ở đây chỉ có một thời gian tương đương với *năm ngày* mà trên trần thế *năm trăm năm* đã trải qua !

Như thế, lời hai nàng Giáng Hương và Giáng Kiều, vợ chàng Tú Uyên nói rất phù hợp với nhau : « cõi trần quá nhỏ hẹp, ánh sáng mặt trời quá vắng vỏi ! »

- điểm tương đồng thứ hai là, mặc dầu sống trong cảnh Tiên gia và nơi Thủy phủ, Từ Thức với Nhất Lang hưởng mọi sự sung sướng mà khách trần chưa hưởng được, song cả hai đều nhớ làng xã mẹ cha thân tộc, muốn về thăm năm ba hôm, rồi trở lại ... Nhưng cảnh Tiên dễ đến lắm hay sao mà muốn đến lúc nào cũng được !

14/1) Truyện Từ Thức Lên Tiên

Truyện kỳ Việt Nam

Bộ « Đại Nam Nhất Thống Chí », quyển Thanh Hóa có ghi rằng :

Ở xã Trị Nội, huyện Nga Sơn, phía hữu núi Thần phủ, có Bích đào động cũng gọi là Từ Thức động, trông trải rộng rãi mà lại thanh hự, cây cối xanh tốt, trong động có bàn đá, những viên đá nhỏ la liệt hình như con cò, có thạch nhũ rủ xuống hình như trống chuông, kẻ đánh có tiếng kêu, lại có thú như bầu ve, như màn trướng, như lọng dù, như hoàn thuốc trông thật kỳ xảo, cảnh trí rất đẹp.

Muốn vào trong hang động, phải nổi đuốc mà đi, nhưng cũng chưa ai đi cùng đến đáy.

Tương truyền ngày xưa, vào đời vua Trần Thuận Tông, niên hiệu Quang Thái thứ 9 (1388 – 1395), có chàng thư sinh ở đất Hóa Châu, tên Từ Thức, nhân có chân âm sinh nên được giữ chức Tri Huyện Tiên du, thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

Bên cạnh huyện đường, có một ngôi chùa danh tiếng, trước sân chùa có trồng một gốc mầu đơn quý lạ lùng. Hằng năm, đến kỳ hoa nở, người ta mở hội tung bồng, thanh niên nam nữ các nơi, kẻ xe người ngựa, người bộ hành, tập nập kéo nhau đến dự « Hội thưởng hoa ».

Năm Bính Tý, tháng hai (1396), chính giữa hôm Hội, người ta thấy một cô gái nhan sắc tuyệt trần, trạc lồi 15, 16 xuân xanh đến Hội xem Hoa. Để ngắm hoa được gần hơn, nàng vịn một cành Hoa xuống, không ngờ mầu đơn giòn gãy dưới tay, người giữ Hoa trông thấy liền bắt nàng giữ lại bắt đền.

Trời đã về chiều cũng không thấy ai đến chuộc cứu nàng.

Từ Thức nhân đi qua nghe câu chuyện, cảm động lòng thương, bèn cởi chiếc áo gấm đang mặc trao cho nhà chùa để bồi thường cành hoa gãy.

Thiếu nữ được thả ra ngập ngừng cảm ơn Từ Thức rồi đi về một phía mất dạng.

Từ đó, Từ Thức càng được dân tình mến trọng là một vị quan hiền đức, song chàng vốn tánh tình phóng đãng, thích bầu rượu túi thơ, cây đàn hơn là chồng công văn ở huyện đường, mãi mê theo cảnh đẹp trời mây mà bỏ bê cả việc quan.

Thượng cấp gọi tờ khiển trách, bảo rằng cụ thân sinh chàng trước kia là một vị quan đại thần, lý nào chàng không nổi nghiệp mà giữ nổi một chức Tri Huyện hay sao ?

Từ Thức than rằng :

- Lẽ nào chỉ vì vài đấu gạo mà ta đành chìm thân ta trong chốn lợi danh ! Sao bằng với một thuyền con, đôi cây chèo quế, ta thoát ra cương tỏa ngoài vòng, nước biếc non xanh sẽ không bao giờ phụ ta.

Rồi chàng từ quan trả ấn, lui về miền sơn lâm ở huyện Tống Sơn. Mang theo bầu rượu cây đàn, chàng du ngoạn khắp mọi chốn danh lam thắng cảnh. Gặp nơi đẹp đẽ, chàng dừng chân uống rượu làm thi. Vết chân, câu thi của chàng ghi dấu ở nhiều nơi : núi Chích Trạ, động Lục Vân, nguồn sông Lễ (Lải), bờ kênh Nga (Cửa Nga).

Một hôm, chàng dậy sớm, trông ra cửa Thần phù, phía xa xa ngoài chực dặm, thấy có đám mây ngũ sắc kết thành đóa hoa sen. Chàng ngồi thuyền đến nơi, thấy có một trái núi rất đẹp.

Từ Thức bảo người chèo thuyền :

- Ta đã đi khắp miền Đông Nam, biết rõ cả vùng này, nhưng chưa bao giờ nghe nói đến những núi non kỳ tú kia. Có lẽ đây là non Tiên đưa đến, hay núi Thần dời lại, không thì làm sao ta chẳng hề thấy bao giờ ?

Rồi sai buộc thuyền, lên bờ, đi được vài bước thấy sừng sững trước mặt sườn đá cao ngàn trượng.

Từ thờ ra :

- Không có cánh ta làm sao mà vượt qua vách núi này cho được !

Bèn lấy bút đề lên thành đá một bài thơ :

*Thiên chương Bích thụ quả triều đồn,
Hoa thảo nghinh nhân nhập động môn
Bạc giản dĩ vô tăng thái được,
Lâm lưu thặng hữu khách tâm nguyên.
Lữ du tư vị cảm tam lộng,
Điểu đỉnh sinh nhai nhất tửu tôn.
Nghĩ hướng Vũ Lăng ngư phủ vấn,
Tiền lai viễn cận thực đào thôn.*

Bản dịch Thái Văn Kiểm :

*Bóng triều dương gác ngàn bích thụ,
Trước động môn hoa cỏ rước người.
Vắng tăng hái thuốc bên khơi,
Giữa dòng có khách tìm nơi nguyên đầu.
Chiếc thuyền câu một bầu rượu lục,
Thú lữ du mấy khúc cầm ca.
Vũ Lăng ngư phủ kia à,
Đào thôn đi đến gần xa thế nào ?*

Bản dịch trong Nam Hải Dị Nhân của Phan Kế Bính :

*Đầu cảnh thấp thoáng bóng kim ô,
Hòa động vui mừng đón khách vô.
Cạnh suối nào là người hái thuốc ?
Quanh nguồn chỉ có gã đưa đồ.
Xênh xang ghé mát cầm ba khúc,
Đứng đỉnh thuyền câu rượu một vò.
Uớm hỏi Vũ Lăng chàng đánh cá,
Làng đào đâu có cách chùng mô ?*

Đang lúc mãi mê ngắm cảnh, chàng bỗng thấy sườn đá mở ra một cửa hang rộng chừng một trượng. Chàng lấy làm lạ, vén áo lần vào. Vừa đi được mấy bước thì cửa hang tự khép lại, chàng chìm trong bóng tối, không còn biết lối ra, đành đánh liều, quờ quạng theo lớp rêu trên đá mà đi, theo lối quanh co được một quãng thì đường lần lần mở rộng.

Ra khỏi bóng tối, mắt chàng như quáng vì ánh sáng mặt trời rực rỡ, sừng sốt vì mây muôn màu sắc bao phủ các đền đài dát bằng châu ngọc giữa cảnh vườn đầy hoa quý lạ, hương thơm ngát thường.

Từ Thức đang còn ngây ngất, tưởng mình chiêm bao thì bỗng vắng có tiếng cười trong trẻo ở sau lưng, chàng ngoảnh lại thấy hai cô gái thanh y bảo nhau : « Chú rể mới nhà ta đã đến kia kìa ! »

Nói thế đoạn trở vào trong nhà báo tin, rồi lại ra bảo với Từ Thức rằng :

- Phu nhân chúng tôi cho mời người vào.

Từ Thức theo hai đồng nữ đi vào, qua một dãy tường gấm, đến một lớp cửa sơn son, thấy đôi bên cung cấm, vàng bạc sáng người, trên lầu cao treo hai bức hoành phi chữ vàng :

« Quyền hư chi biện » và « Giao quang chi các »

Khi trèo lên gác thì thấy một bà Tiên mặc áo lụa trắng, ngồi trên giường thất bảo, cạnh giường có đôi kỷ gỗ đàn hương. Bà Tiên mời Từ Thức ngồi lên ghế bên cạnh rồi bảo rằng :

- Người vốn hay chơi cảnh lạ, bấy lâu đã thỏa chí bình sinh ngao du đây đó, có biết đây là chốn nào không ?

Từ Thức thưa :

- Tôi là một thư sinh sống ẩn dật ở huyện Tống sơn, ngao du với một chiếc thuyền con với trời biển bao la man mát. Tôi không được biết là chốn này có lầu hồng điện biếc. Tôi chống gậy trúc đi dèp cỏ mà tình cờ tưởng chừng như có cánh đến đây được.

Lòng tôi còn nhiễm mùi trần tục, không hiểu biết được đây là chốn nào, xin phu nhân vui lòng dạy bảo cho kẻ thư sinh được rõ.

Bà Tiên nói :

- Phải, người làm sao mà biết được chốn này. Đây là động thứ sáu trong ba mươi sáu động núi Phù Lai. Nơi đây, biển bao bọc chung quanh, lư lũng không chạm đất, cũng như núi La Phù theo chiều gió mưa mà tan hợp, như núi Bồng Lai co duỗi theo làn sóng dợn.

Ta đây là Ngự phu nhân, tiên chủ núi Nam Nhạc. Vì thấy người có đạo đức, nên mới cho mời đến đây.

Nói rồi bà Tiên đưa mắt ra lệnh cho các tiên nữ đứng hầu.

Một nàng thanh y đưa từ trong ra một Tiên nữ trẻ tuổi. Từ Thức liền nhìn thì nhận ra nàng là người đã làm gãy cành mẫu đơn trong Hội Thường Hoa.

Bà Tiên chỉ thiếu nữ mà nói với Từ Thức rằng :

- Em nó là con gái ta, tên gọi Giáng Hương. Ngày trước có gặp nạn trong Hội Thường Hoa, được người cứu thoát. Lòng em nó vẫn không quên. Ta muốn cho nó kết duyên với người để đền ơn đó.

Từ Thức vâng chịu.

Ngay đêm hôm ấy, Ngự phu nhân ra lệnh cử hành hôn lễ. Dưới ánh đèn mỡ phụng, trên chiếu thêu rồng, Từ Thức cùng Giáng Hương cùng nhau giao bái.

Hôm sau, chư Tiên ở khắp nơi đến mừng đôi tân nhân ; kẻ mặc lụa từ phương bắc cỡi rồng xanh đến, kẻ mặc tơ từ phương nam cỡi ly vàng (tựa rồng mà không sừng) đến, người cỡi câu đỏ (loài rồng) đến hội, có vị ngồi xe ngọc, vị khác đáp xe mây ...

Phu nhân mở tiệc trên gác giao quang, nào là rèm ngọc trướng điều, nào là đệm hoa ghế bạc.

Các tiên ngồi bên tả, riêng mẹ hữu thì Từ Thức ngồi.

Khi Kim Tiên đến, tất cả chư tiên đều xuống điện rước lên an tọa ở trên ngai pha lê bày chính giữa. Chư Tiên vừa ngồi xuống, tiếng nhạc trời văng vẳng trỗi lên, thanh y tiên nữ dâng các thứ rượu quý đượm hương ngào ngạt.

Tiên nương mặc áo lụa nói :

- Chúng ta dạo chơi trong vùng này đã gần tám mươi ngàn năm, biển Nam Hải đã ba lần thay đổi. Giờ đây, tân lang không sợ đổi thay đời sống, từ xa đến đây để kết hôn. Tôi nghĩ rằng chàng sẽ không hối tiếc đời cũ và sẽ không còn nói là trên đời không có Tiên !

Ngụy Phu nhân chủ động đứng ra mời tiệc, Giáng Hương rót rượu đưa đến tay chư tiên.

Trong khi ăn yến, đủ các thứ sơn hào hải vị, chả phụng nem công, thơm tho ngào ngạt, toàn những vị dưới trần chưa có bao giờ. Đàn bát âm nổi lên vui vẻ, kim đồng ngọc nữ sắp thành nhiều hàng bắt đầu múa hát.

Nàng tiên trẻ tuổi mặc tơ cười nói :

- Cô dâu chúng ta hôm nay thịt da như mỡ động, không còn gầy như trước nữa. Người thường nói là con gái thượng giới không có chồng, tôi không còn có thể tin như vậy nữa !

Ngụy Phu nhân nói :

- Tôi nghe nói người ta có thể gặp Tiên, song khó mà tìm đến. Những cuộc gặp gỡ hiếm có, nhiệm mầu, thời nào cũng thấy : tỷ như vết tích đền Bạc hậu, núi Cao đường, dấu chơn ở Lạc phố đồi ngọc Giang phi, nàng Lộng Ngọc lấy Tiêu Sứ, Văn Tiểu gặp Thái Loan, Lan Hương và Trương Thạc. Nếu ta chế giễu cuộc hôn nhân này, thì những việc trước kia cũng hóa đáng cười lắm ru !

Chư tiên đều cười, trừ ra nàng tiên áo lụa, nói bằng một giọng kém vui :

- Cô dâu trẻ của chúng ta đã thành thân tốt đẹp rồi, nhưng khi tin kẻ tiên kết duyên với người tục xuống đến trần, trên Thiên đình sẽ không khỏi có kẻ mỉa mai chúng ta, Chư Tiên thượng giới phải gánh chịu lấy thành quả này. Tôi e rằng chúng ta không tránh khỏi tiếng tăm đó !

Kim Tiên liền nói :

- Tôi ở trên Thiên Đình, chưa bao giờ đặt chơn xuống trần thế, thế mà có kẻ đặt điều rằng thiên tiên dâng rượu cho vua Chu (Châu), chim xanh đem tin cho vua Hán. Chính chúng tôi còn phải chịu lấy những lời phạm thượng của người đời, thế làm sao chư tiên tránh khỏi được lời vu khống kia ? Tân lang đang ở đây, chúng ta không nên tranh luận với nhau điều ấy để làm buồn lòng chàng làm gì.

Chư tiên lại cười lên vui vẻ.

Đến khi ác lặn về tây, các tiên mới từ giả ra về.

Còn lại một mình, Từ Thức cười bảo Giáng Hương :

- Ở Thượng giới, ái tình cũng đưa đến việc lú đờ. Cho nên Chúc nữ mới kết duyên với Ngưu lang, Phụng Nguyên theo Phong Trác ở dưới trần, Tăng Nhu viết ra thiên Chu Tàn, Quân Ngọc làm bài thơ Hoàng Lăng. Hoàn cảnh tuy mỗi nơi có khác, song tình yêu ở đâu cũng giống nhau. Từ ngàn xưa đến nay, bao giờ cũng thế.

Bây giờ tất cả các tiên đều đi rồi, sao không khí chung quanh đôi ta lại lạnh lẽo buồn bã thế này ? Có phải vì tình yêu không phát sinh ở lòng em, hay là em cố cầm giữ lại ?

Giáng Hương buồn rầu đáp :

- Các chị đều đã đắc đạo, có tên ở Hoàng Điện, thường lui tới Hồng Môn, sống ở chốn thanh khiết, vui chơi nơi cực tịnh, lòng không vương vấn dục tình. Còn em đây chưa sạch khỏi thất tình, dấu vết còn ở nơi Thúi Điện, vẫn vương duyên nợ trần ai. Thân em tuy ở điện ngọc nhưng lòng em còn dính bụi trần, đừng đem em so sánh với các vị tiên khác !

Từ Thức nói :

- Như thế thì em cũng không xa cách anh cho lắm !

Cả hai đồng cười.

Ngày tháng kế tiếp nhau trong cảnh khoái lạc thần tiên.

Một sáng, Từ Thức nhận thấy hoa sen đua nở, hồ ngọc đã thay đổi màu xanh, thấm thoát mà đã qua một năm rồi.

Những đêm gió thổi lạnh lùng, những sáng sương sa nặng hạt, những tối trăng dọi qua song, sáng tóe đầu giường, có khi Từ Thức không làm sao nhắm mắt được.

Một nỗi buồn tràn ngập tâm hồn, thức tỉnh chàng nhớ đến quê hương. Một hôm, trông ra xa, thấy một con thuyền, chàng chỉ tay bảo Giáng Hương :

- Anh từ miền xa xôi kia tới đây, chân trời mờ mịt, sóng biển muôn trùng, không biết rõ nhà anh ở nơi nào !

Chấp lâu, chàng lại nói :

- Khi đi, anh còn có mẹ, bạn bè ở dưới kia. Lòng trần cửa rũ sạch, anh muốn nhìn thấy lại quê hương. Em hãy hiểu cho lòng anh, để anh trở về thăm nhà ít lâu, không biết em nghĩ sao ?

Giáng Hương buồn bã không thốt nên lời !

Từ Thức nói tiếp :

- Để cho anh đi năm mười hôm, một tháng là cùng, gặp lại các bạn cũ, xếp đặt công việc nhà, rồi anh sẽ trở lại sống bên em mãi mãi cho đến già ở chốn Bạch vân.

Giáng Hương khóc nói :

- Em không muốn lấy tình vợ chồng ra để ngăn anh đừng trở lại quê nhà. Em chỉ sợ rằng *cõi trần quá nhỏ hẹp, ánh sáng mặt trời quá vắng vơi*, anh sẽ không còn tìm thấy sân vườn xưa trong cảnh cũ nữa đâu !

Nàng báo tin cho mẹ hay, Ngụy phu nhân thở dài bảo :”Ta không ngờ con người ấy còn vẫn vương trong đám bụi hồng. Làm chi mà phải ngậm ngùi đến thế !” Rồi cho sắm sửa một chiếc xe cầm vân để đưa Từ Thức đi. Giáng Hương trao cho chàng một phong thơ viết trên lụa, dặn dò : “Sau này khi xem đến bức thơ, anh hãy nhớ đến em”. Hai người gạt nước mắt chia tay. Trong nháy mắt, Từ Thức đã đặt chơn xuống mặt đất. Chàng tới nhà, thấy tất cả đều hoàn toàn đổi thay, nhà cửa, người làng không còn là những người quen cũ nữa, chỉ có các ... tảng đá bên bờ vẫn phủ rêu xanh như xưa.

Hỏi đến những người già cả trong làng xem có ai biết người tên Từ Thức không, có một người đáp rằng :

- Hồi chúng tôi còn bé, có nghe nói ông cố ba đời chúng tôi mang tên họ đó, ông ấy đi lạc vào núi đã tám chục năm nay, lúc bấy giờ là niên hiệu Quang Thái nhà Trần, mà nay là năm thứ năm, niên hiệu Diên Ninh là đời vua thứ ba Triều Lê rồi.

Từ Thức cảm thấy lòng buồn thối thía, muốn trở lại cảnh tiên song chiếc xe mây đã hóa thành chim loan bay mất về trời.

Chàng mở phong thơ của nàng Giáng Hương ra đọc thì thấy có câu :

Kết loan lữ ư vấn trung, tiên duyên dĩ đoạn;

Phổng tiến sơn ư hải thượng, hậu hội vô nhân.

Kết bạn loan ở trong mây, duyên xưa đã đứt;

Tìm núi tiên ở trên biển, hội sau khôn cầu.

Ý nói duyên trước kết đôi loan phụng cùng nhau, nay đã đoạn tuyệt rồi; ngày sau muốn tìm lại núi tiên cũng không được.

Mới hay là Giáng Hương đã gởi cho chàng những lời vĩnh biệt ! Sau đó, Từ Thức mặc áo khinh cừ (áo lông), đội nón lá vào núi Hoàng sơn, ở huyện Nông công (Thanh hóa), không biết lên tiên hay là đi đâu mất...

Lê Quí Đôn có làm bài thi :

*Hải thượng quân tiên sự điều mang,
Bích đào động khẩu thái hoang lương;
Kiền khôn nhứt cắt cung Từ Thức,
Vân thủy song nga lão Giáng Hương.
Thạch cổ hữu thanh xao hiếu nhựt,
Sa điểm vô vị, niết thu sương*

15/2) Nhất Lang Xuống Biển

Truyện kỳ Nhật Bản

Thuở xưa, ở tỉnh Tân gô, có chàng ngư phủ thiếu niên tên là Ưu Đàm Nhất Lang.

Chiều kia, chàng đi chài về, thấy nơi bãi biển một đám trẻ con đang đánh đá, dõn lên quăng xuống một con rùa vàng. Động lòng trắc ẩn, chàng kêu lên :

- Hỡi các em, đừng sát hại loài thú vật mà mang tội với Trời, hãy trao con rùa ấy cho anh.

Trẻ nhỏ reo cười :

- Cho anh con rùa hả ? Chúng tôi cực khổ lắm mới bắt được nó thì chúng tôi chơi, chơi chán thì ăn thịt. Anh có thích thịt rùa không ?

Nhất Lang đáp :

- Anh không bảo mấy em tặng nó cho anh, đây này anh cho các em mấy đồng viên mua bánh trái ăn chơi có hơn không ? Anh cũng không ăn thịt nó, anh mua nó chính để phóng sanh kia mà.

Mấy trẻ nhận tiền, trao con rùa cho ngư phủ, rồi đi mất hút trong bóng hoàng hôn. Nhất Lang không còn nghe tiếng cười trong trẻo của mấy em, chỉ còn tiếng sóng than dài trên bãi cát.

Nhất Lang vuốt ve con rùa, dịu dàng nói :

- Tội nghiệp kim qui, ta lấy làm sung sướng mà cứu ngươi thoát nạn, hãy về với nước biển trùng dương và rán giữ mình kéo lại sa vào tay mấy trẻ con ấy nữa.

Nói rồi, chàng liền thả con rùa vàng bơi về biển cả.

Hôm sau, như thường lệ, chàng chèo thuyền ra khơi; vừa toan vãi chài, bỗng nghe từ nơi đáy nước, tiếng ai vắng vắng gọi tên mình. Chàng nhìn tứ phía, không thấy bóng ai, liền cất tiếng hỏi thình không rằng :

- Ai gọi tôi đó ?

Kim qui trời lên ló đầu khỏi làn sóng bạc lặn tẩn, nhìn chàng ngư phủ, đáp :

- Chính tôi đây, tôi là rùa vàng được anh cứu mạng hôm qua. Tôi đến cảm ơn tấm lòng nhân hậu của anh.

Chàng Ưu Đàm cười lớn :

- Có chi đáng đâu mà ân với nghĩa !

Kim qui liền hỏi :

- Anh có bao giờ viếng Thủy tinh cung chưa ?

- Chưa, ngư phủ trả lời, ta chỉ biết có mặt biển xanh lơ mà chiếc tiểu thuyền ta hàng ngày qua lại. Nhưng ta có nghe thiên hạ đồn lâu đài kỳ diệu ấy ở một nơi xa xăm, chơn trời góc biển nào đó.

Kim qui nói :

- Anh muốn viếng xem thì tôi sẵn lòng đưa anh đến đó, lâu đài ấy thật xa, nhưng chúng ta đến mau lẹ dễ dàng.

- Nếu ngươi đưa ta đến được, ta rất là mãn nguyện, song ta có thần lực nào mà lội qua biển được.

Kim qui quả quyết :

- Anh chớ lo chi, anh chỉ ngồi trên lưng tôi, tôi lội một giây là tới.

Ưu Đàm e ngại :

- Lung người thì nhỏ, chờ ta kham chẳng ?
- Anh đừng nghi ngờ, anh cứ bước xuống, tự nhiên cái mai tôi nó sẽ nói rộng ra...

Mặt biển bằng phẳng như tấm gương soi, rùa vàng bơi mau như tên bắn trên làn nước trong reo, yên tĩnh. Vài chiếc trôi qua, một tòa hoàng cung huy hoàng lộng lẫy đã lồ lộ trước mắt Nhất Lang.

Chàng hỏi :

- Chúng ta tới rồi sao ? Lệ nhi ! Thật là cuộc hành trình trong chớp mắt.

Nhưng kim qui đã yêu cầu quan cá giữ cửa vào báo cùng công chúa Thủy Tề rằng kim qui đã rước chàng Ưu Đàm Nhất Lang về đến và cả hai xin vào yết kiến.

Công chúa chấp thuận ngay, sai nhiều ngư quan cao cấp ra rước trọng thể. Công chúa nói :

- Ta rất cảm ơn quý khách đã có từ tâm cứu mạng kim qui, một văn quan của triều ta. Ta xin mời quý khách dự một bữa tiệc thường để tỏ lòng tri ân của bốn triều.

Ưu Đàm cúi mình thưa :

- Thật là vạn hạnh cho kẻ quê mùa này. Đền đài của công nương thật là đẹp đẽ vô song, trần gian không bao giờ sánh được.

Ngày này qua ngày kia, những là yến tiệc linh đình.

Ưu Đàm sung sướng lắm, nhứt là từ thuở ấu thơ, anh chài lưới cực khổ, ăn con cá bé còn cá to để bán nuôi dưỡng song thân.

Sau bữa ăn là các quan viên văn võ mời chàng dạo chơi, từ ngọc uyển đến thắng cảnh danh lam. Nơi nơi, toàn là hoa thơm cỏ lạ, hồ phách san hồ, trăn châu dăng bửu. Sống trong cảnh đế vương, thủy tộc mọi loài đều kính trọng, Ưu Đàm Nhất Lang quên lửng đàng về.

Năm ngày, hay ít ra cũng một thời gian mừng tượng như vậy, thắm thoát trôi qua. Sau cùng, con người, nhân vật lục địa nhớ đến mẹ cha, suy nghĩ :

- Mặc dầu ta ở đây sung sướng nhứt trần gian, nhưng cha mẹ ta kia, ở tấm lều tranh, đói no chẳng biết rách lành không hay ! Ta phải về lo tròn hiếu đạo.

Thế là Nhất Lang xin phép Công chúa cho chàng hồi gia, vì thương cha nhớ mẹ tấm lòng không nguôi.

Biết cảm chẳng đành, Công chúa bảo rằng :

- Vì quý khách nóng về, ta không lẽ cản, vậy ta xin tặng quý khách vật này...

Công chúa trao cho Ưu Đàm một cái hộp nhỏ rất xinh, nói : « Hộp này tên là Bửu Hạp vì nó chứa đựng một vật quý báu vô cùng. Quý khách hãy hứa cùng ta dẫu thế nào đi nữa cũng đừng mở hộp ra, nếu cãi lời ta thì ăn năn không kịp ».

Ưu Đàm thọ lãnh báu vật, lên lưng kim qui như cũ, giây phút đã về tới làng mình.

Chàng lên bờ trông thấy hòn núi xanh, con sông uốn khúc, chính là sông núi xứ mình, song kỳ dư phong cảnh lại thay đổi khác xưa.

Ngoài đường, chàng không gặp một người quen nào cả, nhà cửa xóm làng đều đổi mới. Còn đang ngạc nhiên, chàng đã đến nhà, chạy vào kêu vang lên :

- Cha ơi, má ơi !

Không một tiếng trả lời. Chàng vào trong, toàn những người lạ mặt. Chàng chưng hửng, im lặng giây lâu, sau mới nói rằng :

- Tôi là Ưu Đàm Nhất Lang khi trước ở đây, cách có mấy ngày. Lẽ đâu trong lúc tôi đi vắng, gia đình tôi dọn đi nơi khác chẳng ?

Sửng sốt, một người hỏi lại :

- Cậu nói rằng cậu là Ưu Đàm Nhất Lang ?

- Thưa phải, chính tôi là Ưu Đàm Nhất Lang.

- Có lý nào ! Tôi có nghe bà cô tôi thuật, cách đây năm trăm năm, trong làng này có anh ngư phủ tên Ưu Đàm Nhất Lang, một buổi mai kia anh đi chài ngoài biển rồi không trở về. Nếu chuyện này quả đúng thì đã xảy ra cách đây lâu lắm rồi, anh ngư phủ ấy thế nào còn sống tới ngày nay !

Càng lạ lùng, Nhất Lang nói :

- Thật dị kỳ ! Tôi quả thật là con trưởng của ông Vu Đàm, tôi mới đi vắng có năm hôm, làm sao mà nói là năm trăm năm cho được. Xin ông nói rõ sự thật cho tôi tường. Chuyện gì đã xảy ra ?

Người kia lại quả quyết Ưu Đàm Nhất Lang đã mất tích lâu lắm rồi.

Buồn bực, Nhất Lang nhìn xung quanh lần nữa, công nhận cảnh vật đã thay đổi quá nhiều, chàng bắt đầu tin rằng những điều người kia thuật lại có lẽ là đúng sự thật. Hình như chàng đang vùng vẫy trong một cơn mộng mị lạ lùng, chàng lần bước ra bờ biển.

Trong lúc bàng hoàng, chàng nhớ đến cái hộp của Công chúa tặng cho, chàng bảo thầm :

- Tôi không hiểu sao Công chúa căn dặn đừng mở hộp ra. Dầu sao cũng chẳng can gì, ta hãy mở xem có vật chi hữu ích cho ta chăng ?

Chàng liền dỡ nắp hộp ra.

Vài ba làn khói trắng nhẹ nhàng bay lên và chạm phốt mặt chàng ...

Tức thì Nhất Lang, lúc trước là một thanh niên trẻ đẹp, cường tráng, bồng đầu tóc bạc phơ, da dẻ má cốp, thân thể gầy còm, tay chơn run rẩy, không chịu nổi với sức nặng của năm tháng chồng chất trên đầu, người chàng như cây cỏ yếu bị cơn gió lốc thổi qua, nằm chết trên bãi cát.

B – Nhóm Thứ V

Hai truyện

16/1) Nhẫn tâm giết chồng

Ai lao

17/2) Tình đời bạc bẽo

Ăn độ

Mặc dầu đức lang quân đối xử với vợ hết mực mến yêu tử tế, trong hai truyện trên đây, nàng vợ tư thông cùng một người trai trẻ chính nhờ chồng nàng cứu mạng cho và chỉ dạy luân thường đạo lý, lại nhẫn tâm âm mưu với nhân tình để giết hại chồng bằng cách xô chồng xuống hồ.

Nhưng cả hai người đạo đức được Sơn thần cứu cho khỏi nạn và sau thống trị muôn dân.

Và chính người thiếu phụ lang tâm lại mặt dày mày dầy đến xin chồng xưa chân cấp...

16/1) Nhẫn Tâm Giết Chồng

Truyền kỳ Ai Lao

Thuở xa xôi kia, nơi Lào thượng, có hai ông bà đạo đức sống hạnh phúc an nhàn giữa sáu người con trai cường tráng với sáu nàng dâu đẹp tựa tiên nga.

Bỗng một năm, trời gieo tai họa khủng khiếp : nắng như thiêu như đốt, cháy rụi những lúa thóc bắp rau. Lá cây trên rừng vàng khô, rụng sạch, thậm chí vỏ cây cũng khô rạn, giòn rụm. Khoai củ dưới đất không mọc lên được nữa vì trời không rưới cho một giọt mưa. Nhân dân chết đói từng đản, người này đến người kia.

Sức yếu tuổi già, hai ông bà nối tiếp nhau qua bên kia thế giới.

Sau khi an táng song thân, sáu người con đồng ý rời bỏ cái xứ khốn khổ này, đi tìm một nơi sanh sống dễ dàng hơn.

Băng rừng cùng bụi, ăn những củ cỏ mọc măng mà lừa trời tạm dung tha, mỗi ngày sự cực nhọc và thất vọng của gia đình trẻ tuổi gia tăng.

Suối không chảy nữa, mạch nước cạn khô, dưới đáy khe chỉ còn những sạn sỏi bụi cát bám đầy. Nắng nôi, đói khát thật là những cực hình thảm khốc.

Cảm thấy mình không còn sức chịu đựng và đi xa được nữa, sáu người đàn ông bàn tính cùng nhau : « Không uống không ăn, làm thế nào mà sống được ! Nếu không có gì vào bụng thì nhứt quyết không ra khỏi bãi sa mạc này ! Chúng ta chẳng có cách nào khác hơn là ăn thịt uống huyết mấy nàng vợ chúng ta. Ta sẽ bắt đầu làm thịt vợ người anh trưởng vì nàng già hơn hết và không con cũng như mấy nàng kia ! »

Hội nghị diễn ra trong khung cảnh khốc lóc, thở than, do dự, sau cùng mấy anh em cũng đều đồng ý.

Vợ người trưởng nam bị hi sinh trước nhứt.

Huyết nhục của nàng nuôi mười một người kia được ba hôm. Kế đó, vợ người thứ hai cũng bị cắt cổ, và, như thế, năm người đàn bà nối gót nhau xuống huỳnh tuyền và bây giờ chỉ còn có Ban Xuân, vợ của Phan Thiệt, người em út mà thôi.

Có những triệu chứng tỏ rằng, sớm muộn đây, họ sẽ đến một nơi phì nhiêu hơn để bề sanh sống.

Năm thanh niên, từ anh cả đến người thứ năm, đều ngủ say, mệt nhọc nhưng no lòng với gân thịt của nạn nhân thứ năm, chỉ có vợ chồng người em út, Phan Thiệt với nàng Ban Xuân, lẫn lộn không sao ngủ được.

Mặt đất đã phủ bức màn đen, ngọn gió mơn man đôi gò má sâu, hốc hác của nàng Ban Xuân. Nàng than khóc :

- Hỡi ôi, ngày mai đây là số phận tôi phải xuống Diêm đài. Tôi chẳng tiếc chi mạng sống hèn này cũng như mấy chị tôi, nếu tôi chắc rằng mai hay một đây chồng tôi và mấy anh sẽ được cứu thoát.

Mấy lời than vãn làm cho Phan Thiệt đau lòng, chàng nói :

- Nghe em than thở, anh rất đau xót thương. Anh không nỡ nào uống ăn huyết nhục của em; mấy anh đang ngủ ngon lành, đêm tối đâm, đôi ta hãy trốn đi, đâu ta có chết cũng chết với nhau cho có bạn.

Thôi ta đi, hãy bước nhẹ chơn và cẩn thận.

Nhu hai con mèo, cặp vợ chồng niên thiếu cố đi rất sẹ, không một tiếng động, không đạp vỡ một cành cây, một lá khô, đi sâu vào rừng rậm.

Hai người đi đến rặng đông, mệt mỏi vô cùng, nghỉ ngơi giây lát rồi lại tiếp tục đi. Nhưng đến khi vầng thái dương lên cao, nắng gắt, nàng Ban Xuân không còn sức bước đi một bước nữa. Nàng ngã gục xuống đất, mồn hơi như người sắp lìa trần.

Gom hết tàn lực, chàng Phan xốc nàng lên vai, băng qua những bụi cây gai góc, chàng hy vọng tìm được một nơi mát mẻ hơn.

Nàng Ban Xuân rên rỉ :

- Ôi khát nước, ôi khát quá !

Chàng đặt nàng nằm trên cỏ khô rồi đi tìm nước. Dưới đáy hồ, trong lòng khe, không, không nơi nào có một giọt nước !

Tay chơn rã rời, chàng cố lết về gần vợ :

- Trời ôi, sao trời nỡ để cho người vợ yêu quý, đức hạnh của tôi khổ sở như vậy ! Sao chư thần nỡ bỏ chúng tôi ? Chúng tôi không bao giờ làm tội ác, chúng tôi lại trẻ trung. Ôi, bây giờ vái van ai ? Cầu khẩn ai cho tai qua nạn khỏi ?

- Ôi khát quá, chết đi thôi ! Tiếng nàng Ban Xuân không ngớt kêu rên.

Chàng cúi nhìn gương mặt xanh xao của nàng :

- Nàng ôi, hãy hứa cùng tôi, trung thành với tôi vĩnh viễn, yêu tôi trọn đời, hãy hứa là một người vợ hiền thực, trung trinh, tôi sẽ cho nàng uống.

- Vâng, tình thiệp thương chàng bất diệt, vì chàng là người chồng tốt nhất đời, chàng đã cứu sống thiệp một phen.

Nghe lời âu yếm mát mẻ tinh thần, chàng lấy con dao rạch một đường dài trên bắp vế, máu đào tuôn rơi.

- Hãy uống đi, nguyện chư Thần ban phúc cho nàng mạnh khỏe.

Ban Xuân kề môi vào vết thương uống sung sướng, đôi má trở nên hồng hào, tia sống đã nhúm lại trong đôi mắt lơ đãng khi này.

Nàng cảm thấy khỏe khoắn trong thân và ngồi dậy vững vàng. Nhưng chàng Phan lại ngã nằm trên đất, kiệt sức vì mất máu nhiều.

Đến phiên nàng Ban đỡ chàng ngồi lên và kê vai vác chàng. May thay, nàng đi chẳng bao lâu thì, lạ lùng, nàng thấy một dòng nước trong xanh chảy qua trước mặt. Vợ chồng cúi mình uống một hơi, rửa mặt mày, tắm giặt, vui mừng không tả xiết.

Hai người cắt vài mứt măng tươi mềm mại mọc trên bờ suối mà ăn ngon lành. Chàng Phan đặt mấy mứt tro trên mô đất, bẻ cánh hoa rừng mà cúng dường Tam bảo và chư vị Hộ pháp thiện thần. Vợ chồng thoát nạn. Lần đầu tiên, từ mấy năm trời gieo nạn đói tới nay, vợ chồng mới được an nghỉ, vùng lòng tin cậy nơi ngày mai; hai quả tim tràn ngập nỗi mừng và tình thương nhau tha thiết.

Ngày kia, nàng Ban đi tìm vật thực, ngược dòng suối đi xa hơn mọi ngày.

Quả tìm nàng vùng đập mạnh vì thỉnh linh nàng gặp một chiếc bè mắc vào giữa hai cội cây trên mé rạch. Không còn nghi ngờ gì nữa, chắc xóm làng ở gần đầu đây, vợ chồng nàng sẽ được thôn dân cho tạm trú để tìm kế sinh nhai.

Tức thì nàng vừa chạy theo hướng chiếc bè vừa kêu lên, nhưng khi nàng đến gần, quang cảnh làm cho nàng giựt mình kinh hãi : một thanh niên bị cột trói trên chiếc bè, bàn tay, bàn chân đều bị chặt đứt; bên cạnh, một đồng cơm gạo vụn chùn. Người này đã phạm tội gian dân và giết vợ, bị tòa án xử chặt tay chân và thả bè theo dòng nước.

Thương hại người khốn nạn, và bỗng nhiên nảy sinh mối tình yêu, nàng mở dây cởi trói cho người, đoạn cho ăn uống.

Lúc già từ, nàng lấy đem về chồng một mớ cơm với gạo.

Thấy cơm trắng ngon lành, Phan mừng và ngạc nhiên hỏi :

- Do đâu mà có cơm gạo ngon như vậy ? Nơi rừng sâu mà trồng lúa được sao ? Nếu có người cho nàng cơm gạo, sao họ không theo nàng đến đây dựng cứu tôi ?
- Khi em đi tìm măng non với khoai củ, tình cờ em gặp gạo với cơm trong một cái hồ, biết đâu do một gia đình cất giấu, em tưởng khi chừ Thần dẫn bước em đến đó dựng cứu chàng nhanh chóng hơn.
- Chuyện thật ly kỳ ! Vậy sáng mai nàng hãy đưa tôi đến cái hồ ân nghĩa ấy xem sao.
- Thưa vâng, nàng đáp, nơi đó gần đây và đường đi cũng dễ.

Hôm sau, trời vừa rạng sáng, Phan đi chậm rãi, khó khăn chống gậy và vịn vai nàng vì chàng còn yếu lắm. Cả hai đến một cái hồ sâu, do một con rồng đào lấy để làm chỗ ẩn mình.

- Đây rồi, thiếu phụ nói và đưa tay chỉ.

Phan nghiêng mình ngắm xem cho tường tận.

Bất thành linh, độc phụ xô chàng sa ngay xuống hố... Cho là đã rảnh nợ, Ban Xuân chạy đi tìm anh chàng sát nhân kia rồi đôi gian phu dâm phụ sống chung nhau !

Tuy nhiên, Phan không chết như bà vợ độc đã tưởng lầm : thiện thần thương chàng trung thực, cho những dây mọc lưng chừng cái hố hứng giữ chàng.

Sau khi cơn sợ hãi và kinh ngạc đã qua, chàng quan sát ngực thất của chàng, thấy dây mây ló ngọn liên miêng hố. Chàng mừng, gắng hết sức chơn trèo tay vịn, trăm lần thấy bóng tử thần, sau cùng chàng vượt ra khỏi hố.

Chán nản vô cùng, chàng ghé tởm cho lòng dạ phản bội của đàn bà mà chàng không làm sao hiểu nổi.

Chàng đi vợ vẫn rất lâu trong rừng, bụng bảo dạ rằng, nếu gặp lại nàng, ắt chàng không tha thứ được.

Rồi, một ngày kia, chàng đến một cảnh vườn tươi đẹp, giữa vườn có một ngôi nhà sàn rộng lớn. Chàng kêu lên; không một ai trả lời, không một con chó sủa. Dường như nhà này bỏ hoang, mặc dầu hoa cỏ trong vườn được chăm nom tươm tất.

Một mối, chàng nằm dưới mái hiên, ngọn gió hiu hiu đưa hồn chàng lên cõi mộng.

Chàng Phan đã đến một xứ tên là Mùong Sen, chính nhà vua xứ ấy vừa mới thắng hà cách đây mấy hôm. Muôn dân không biết trao quyền trị nước cho ai, vì những hiền nhân quân tử đều không dám nhận lãnh trọng trách, còn những kẻ tham lam giả dối đều bị đình thần đương nhiên loại bỏ.

Sau khi bàn luận kỹ càng, nhân dân đồng lòng tuân theo ý định của trời. Họ tra yên cương sang trọng vào con tuần mã, cột trên lưng nó một gói áo mào triều phục, ấn tín nhà vua và, sau khi bịt mắt con ngựa lại, họ để cho nó đi đâu tùy ý, khẩn rằng :

« Nguyện chư vị Thần linh dắt dẫn ngựa này, nhà nào mà ngựa dừng chơn thì chủ nhân nhà ấy sẽ là Đức Vua của chúng tôi ».

Ngựa hí lên mấy tiếng lạ kỳ rồi, sau khi chọn hướng, ngựa chạy bon bon không va chạm vào đâu cả, dường như có một bàn tay vô hình điều khiển nó vậy.

Phút chốc, ngựa ra khỏi kinh thành và chạy đến dừng chơn trước cái nhà mà chàng Phan đang say ngủ.

Các vị thân hào ngạc nhiên mà gặp thấy một chàng trai tiểu tụy nằm ngủ nơi đây, không phải là người bản xứ. Dân sự rất hoan nghinh, vì ngôi nhà đã bỏ hoang mấy ngày rồi. Họ lay chàng tỉnh dậy :

- Hỡi người lạ kia ơi, dẫu người là ai, thuộc giai cấp nào, sự ấy không quan hệ, người hãy làm vua chúng tôi, vì đó là thiên ý.

- Làm vua các ông ? không thể được, chàng Phan đáp, tôi chỉ là một người bần cùng, mòn hơi vì đói khát, mệt nhọc và buồn rầu. Tôi nghèo xơ xác, không còn ai nghèo hơn nữa, tôi chỉ có lòng dạ thẳng ngay, vì vậy mà, mặc dầu tôi đói lắm, tôi cũng không dám xâm phạm đến trái chín cái vườn quý báu này. Tôi biết làm sao mà cai trị một dân tộc to cho đáng ?

- Người nghèo khổ, có can gì ! Chúng tôi có đòi hỏi người phải giàu sang đâu, người hãy làm vua chúng tôi.

Chàng Phan không thể khước từ nữa được. Các vị thân hào mặc vào chàng một cái áo gấm thêu chỉ vàng và đặt lên đầu chàng một chiếc mào vàng ròng. Dân chúng reo hò mừng rỡ :

- Hoan hô tân vương ! Hoan hô Phan Thiệt !

Vua được mời lên một cỗ xe bằng vàng, bốn con tuần mã trắng tợ tuyết in kéo về triều nội. Vua ngự lên ngai vàng cần ngọc xong, hỏi thần dân :

- Ta phải hành động thế nào đáng làm một vị vua minh chánh ?

Đình thần tâu : “Ngài cứ hành động theo lương tâm ngài, không ai có quyền buộc ngài phải làm thế này hay thế khác”.

Thị thần dùng hai cái bình vàng và bình bạc rưới nước hoa lên mái tóc đen huyền nhà vua.

Trăm ngàn bộ lạc đến làm lễ trung thành, dâng cho vua những báu vật bằng vàng chạm trổ tinh vi, cần ốc xa cừ và ngọc quý. Mười sáu ngàn cung nữ đến quì trước bệ rồng dâng lên nhà vua tâm hồn trong sạch và tấm thân ngọc ngà, nhưng vua bảo : “Ta không muốn dùng ai cả, các nàng đừng buồn, hãy trở về với cha mẹ và kết duyên cùng ai tùy ý”.

Cung nữ xin nội các can thiệp cùng nhà vua đừng sa thải họ. Vua phán rằng :

“Lúc các ông thỉnh cầu tôi làm vua, các ông có bảo rằng tôi hành động thế nào tùy ý, theo lương tâm tôi; ấy vậy, ý muốn tôi là không muốn lấy ai làm vợ cả”.

Nghe lời tuyên bố bất ngờ ấy, đình thần sửng sốt, song phải tuân theo quyết định nhà vua.

Mười ngàn cung nữ trẻ tuổi hơn hết ưng thuận về với gia đình còn sáu ngàn kia xin ở lại hoàng cung, phụng sự nhà vua như những tôi tớ trung thành.

Thuở ấy, trong nước có bảy nhà hào phú, tổng số gia tài của họ lên đến mười tỷ bạc. Các vị họp nhau bàn rằng :

- Vua ta là người đạo đức, lo cho dân được ấm no, chúng ta phải dâng tiền bạc cho ngài làm điều công ích.

Họ đồng ý tải đến nhà vua phân nửa vàng bạc của mình. Vua nói : “Các ông có hảo ý như thế, ta vui lòng chấp nhận”.

Đoạn, vua họp Nội các truyền rằng :

- Kinh đô ta có ba vòng thành, mỗi vòng có tám cửa. Những bần nhân đến xin chẩn cấp, ai vô thành ngoại thì được cấp một đồng bạc, một ô gạo và nhà nước cho luôn cái ô đựng gạo đó. Người nào vô thành trung thì được hai đồng bạc, hai ô gạo với hai cái ô đựng gạo. Còn ai vô thành nội thì lãnh ba đồng bạc, gạo ba ô với ba cái ô đựng gạo.

Chỉ dụ ban ra, những bần dân từ bốn phương đều lũ lượt kéo về thành lãnh chẩn.

Nàng Ban Xuân, vợ cũ chàng Phan sống kham khổ tốt cùng với người chồng mới, mang án tử hình. Hay tin nhà vua bố thí, nàng lật đật đi đến kinh thành.

Một chiếc cầu dài tám sải, rộng bốn sải, bắc ngang qua cái hồ và nối liền ngoại ô với cửa kinh thành. Từ lâu, hồ này dùng làm nơi đổ rác của đế đô.

Để người chồng tàn tật ngồi cách xa chiếc cầu, nàng Ban lần dò vô thành nội là nơi tự tay nhà vua phát chẩn.

Nàng quì dưới chân ngài van xin :

- Kính lạy Đức vua nhân từ, phú hữu, xin ngài bố thí cho một người đàn bà bạc phước nhưt đời. Người chồng yêu quý của em đã qua đời, than ôi, để em ở trong cảnh bần hàn, cô độc. Em tái giá, người chồng sau của em, khổ thay, lại vương lấy bệnh cùi, rụng mất cả hai bàn tay chơn. Thưa ngài, xin ngài thương xót chút phận cô đơn !

- Thật là tội nghiệp, định mạng sao quá khắt khe đối với một thiếu phụ gương mặt hiền lành ! Nàng hãy tỏ cho ta biết chồng trước của nàng chết về bệnh chi ?

- Thưa ngài, chính trong lúc nạn đói hoành hành, một hôm, anh ấy vào rừng tìm măng tre và khoai củ để nuôi nhau, song ngày tháng trôi qua mà anh không về nữa, chắc anh đã làm mồi cho thú dữ rồi.

Nàng thuật chuyện bi thảm ấy mà giọt lụy nhỏ sa.

- Nàng Ban Xuân khôn nạn, bao giờ ta quên được nét mặt nàng. Nàng nhớ chăng ? Một hôm, yếu đuối, đi không nổi nữa, nàng sắp chết đói và chết khát, nàng thề nguyện yêu ta trọn đời. Để giải khát cho nàng, ta dùng dao cắt mạch máu và miệng nàng đã uống máu ta. Đây, vết sẹo còn đây, nàng nhìn cho kỹ.

Ban Xuân cúi đầu khóc lóc, vừa sợ hãi, vừa hổ thẹn.

Vua bảo :

- Nàng hãy dắt người chồng sau của nàng đến ta xem, vì người ấy mà nàng nhẫn tâm sát hại ta.

Giây lâu, Ban Xuân vác anh chàng tàn tật trên vai, trở lại.

Đình thần bỗng quát tháo vang dậy :

- Chúng tôi biết rõ người này, chính nó đã phạm tội gian dân và giết vợ, bị Tòa án xử chặt cả tay chơn, rồi thả bè trôi sông đến tội.

Vua liền thuật đình thần nghe câu chuyện của ngài lúc vợ chồng lạc lối trong rừng, bị đói khát vầy vò, ngài xẻ bắp vẽ cho Ban Xuân giải khát. Thế mà nàng đành đoạn xô chồng xuống hồ để lấy người này. Theo luật pháp, triều đình phải xử phạt chung thân cấm cố đôi vợ chồng sát nhân này, song đức cả từ bi của nhà vua dung tha cho họ, lại cấp cho vài ô gạo.

Ban Xuân vai mang chồng, tay bung gạo, lên cầu trở về chòi. Quân chúng tiễn đưa họ bằng những lời nguyên rửa.

Đến giữa cầu, một tiếng “rắc” khô khan nổi lên, chiếc cầu ghê tởm tâm địa xấu xa của hai người, gãy tiện làm đôi, cả hai té nhào xuống hồ, dẫy dựa chết trong vũng bùn lầy.

Nhà vua dùng bốn đức : Từ Bi Hỷ Xả mà trị dân, làm cho toàn xứ hưởng thái bình suốt trăm năm. Khi ngài châu Phật, tất cả thần dân khóc ngài như con mất cha mẹ.

17/2) Tình Đời Bạc Bẽo !

Thuở đời quá khứ, tại thành Ba-la-nại, có một vị Thái tử tên là Ca-Lan, em ngài là Ca-Huệ, anh em rất thương mến thuận hòa nhau.

Mặc dầu sanh trưởng trong phú quý vinh hoa, Ca Lan sống một cuộc đời kiệm ước và chăm lo học đạo, mong thoát khỏi thống khổ ở đời.

Bởi vậy cho nên, khi vua cha thăng hà, Ca Lan nhứt định nhường ngôi báu cho em, dắt vợ vào chốn thâm sơn, an bần lạc đạo. Vợ chàng là nàng Chi Hoa, ban sơ cũng vui sống theo chồng, song lâu ngày chịu không kham khổ cực, thường ta thán một mình : “Than ôi, ông chồng yếm thế của tôi từ bỏ cuộc đời còn có thể hiểu được, nhưng sống khắc khổ như vậy thì thật là điên rồ không ai có !”

Ca Lan hàng ngày nhận thấy tâm lý nàng Chi Hoa, thần nhiên cho phép nàng về quê nhà mà an hưởng vinh hoa, song nàng dùng lời đường mật giả dối, thề trọn đời trung thành cùng chàng cho trọn đạo.

Ca Lan ngỡ vợ mình là người hiền đức, một dạ thờ chồng, không nghi ngờ điều chi nữa.

Một hôm, vợ chồng đang luận đàm cuộc đời là ảo mộng, con người bị chi phối bởi lục dục thất tình mà mãi mãi luân hồi trong sáu đường ba cõi, bỗng nghe tiếng người thăm thiết cầu cứu kêu la.

Ca Lan lật đật chạy xuống mé sông vớt lên một người cụt một bàn tay. Chàng đem người ấy về chòi, tận tâm săn sóc.

Người ấy tên là Bôn Đa, vì phạm tội trộm cắp nên nhà vua lân quốc dạy chặt tay mà thả xuống sông răn chúng.

Bôn Đa được bình phục rồi, anh khẩn thiết cầu xin Ca Lan cho mình được hầu hạ bên chàng, nhờ chàng chỉ dạy, ngõ hầu tâm trí được khai thông.

Ca Lan tưởng người thật lòng hối cải, bèn dung nạp cho ở lại thảo xá cùng mình.

Bốn năm trôi qua. Trong thời gian ấy, Chi Hoa cùng Bôn Đa trao đổi ái ân vụng trộm cùng nhau, thề đồng sanh tử.

Hai người lại toa rập sát hại Ca Lan cho dứt hậu hoạn, mới trọn phần thông thả an vui.

Chi Hoa bạo dạn lãnh lấy thi hành mưu toan ác độc.

Ngày kia, nàng giả đồ đau nặng, van xin chàng lên núi cùng nàng khẩn vái Thần linh gia hộ. Và, trong lúc Ca Lan cầu nguyện Sơn thần, Chi Hoa đứng sau lưng chàng thỉnh linh xô chàng xuống hố...

Tuy nhiên, chư Thần không để cho một người đạo hạnh như Ca Lan chết cách dữ dần vì người ác phụ, nên chàng nhờ những dây mây chẳng chịt hứng đỡ chàng.

Cực nhọc, quần áo tả tơi, chàng leo ra khỏi hố, lần hồi xuống được chơn non.

Nghĩ lại chừng nào, chàng càng gớm ghê lòng dạ đàn bà, tìm đường trở về bốn quốc.

Từ khi cầm quyền trị quốc, Ca Huệ chẳng ngớt nhớ tưởng tới anh, cho nên khi thấy anh về, nhà vua vô cùng mừng rỡ, bèn hội đình thần nhường ngôi lại cho anh.

Trước sự đồng ý của quần thần và dân chúng, Ca Lan không thể chối từ. Ngài truyền lệnh mở kho, bố thí gạo thóc bạc tiền cho người nghèo khó.

Tiếng nhân đức vua Ca Lan đồn khắp tứ phương, cho đến các lân quốc thấy đều mến phục, xú xú được hưởng thanh vượng thanh bình.

Về phần Chi Hoa, nàng đinh ninh rằng Ca Lan đã thọ tử, công khai ăn ở với Bôn Đa, song cả hai sống trong cảnh bần hàn cơ cực.

Nàng xuống kinh thành xin thọ chẩn, thưa cùng nhà vua rằng chồng nàng chẳng may chết vì tai nạn, nàng thủ tiết thờ chồng.

Mặc dầu xa cách khá lâu, Ca Lan vẫn nhìn biết ra nàng, thốt lời quở trách :

- Chi Hoa, ác phụ, mi tưởng ta đã chết vì hành vi ác độc của mi và chính em ta trị vì đây !

Chúng mi, mi và Bôn Đa, đã chà đạp cương thường luân lý, bây đã quên tội ác bấy sao ? Bây giờ mi còn mặt mũi nào mà vác thân đến đây nữa vậy !

Chi Hoa ngược mắt trông lên, quả thật là Ca Lan, chồng cũ của nàng; nàng hổ thẹn che mặt ra về một nước.

Vua Ca Lan tỏ bày tự sự cho quần thần nghe và truyền cho dân chúng lấy đó làm gương.

F – Nhóm Thứ VI

Hai truyện

18/1) Giá hạnh phúc
19/2) Nguyệt lão xe duyên

Ấn độ
Trung Hoa

Nơi đây, chúng ta gặp hai Ông Nguyệt lão, một Ông Ấn Độ và một Ông Trung Hoa.

Trớ trêu thay, Ông Ấn Độ tiên đoán rằng Vân Phi, chàng thanh niên đánh xe, sẽ kết hôn cùng Công Chúa Minh Nguyệt chính là nàng chủ của mình, làm cho nàng nổi trận lôi đình dùng roi ngựa quất tui bụi lên lưng anh, máu chảy đầm đề.

Đau đớn, tủi nhục, anh ra khỏi xứ, được nhà vua lân bang truyền ngôi cho và, ba năm sau, quả thật anh cưới nàng làm vợ !

Mấy làn roi trên lưng là “Giá Hạnh Phúc” của anh.

Chàng Vi Cổ đời Đường được Nguyệt Lão chỉ bảo cho vị hôn thê của chàng là “con của mẹ ăn mày ngoài chợ”

Tức giận, nhồm gớm, chàng thuê một tên vô lại giết con bé ấy ...

Mười mấy năm sau chàng thi đậu, cưới dưỡng nữ quan Thượng Thơ, chính lúc trước là ... con gái của mẹ ăn mày.

Hễ Ông Tơ đã buộc hai tên vào một bằng sợi xích thẳng thì không tài nào gỡ ra cho được.

18/1) Giá Hạnh Phúc

Truyện kỳ Án Độ

Bóng tà dương từ từ hạ xuống chon trời.

Trên bờ sông râm mát, trước ngôi nhà to rộng dùng làm tàu ngựa cho nhà vua, Công Chúa Minh Nguyệt đi tới đi lui, nóng nảy.

Nàng đẹp lắm, như Hằng Nga, như Tây Thi, như Vệ Nữ... đẹp hơn tất cả thiếu nữ khác trên thế gian.

Sau cùng, một con tuần mã trắng như tuyết mang cỗ xe trang hoàng lịch sự chạy đến. Xa phu là một thanh niên độ vài mươi tuổi, bước xuống kính cẩn chào nàng.

Nàng đáp lễ, hỏi :

- Sao người trẻ vậy, Vân Phi ?
- Xin Công Nương tha tội, vì dọc đường gặp một chiếc xe bò chở nặng ngã nghiêng dưới ruộng. Thần phải dừng ngựa, tiếp tay anh nông phu mà đỡ chiếc xe dựng dậy.
- Thôi không sao, người không có lỗi gì. Vả lại, hành động của người như thế đáng khen, mặc dầu ta chờ đợi người đã khá lâu.
- Thần xin đa tạ Công Nương. Bây giờ, lệnh bà muốn dạo chơi nơi nào ?
- Lúc này đã quá chiều, lên núi e bất tiện.
- Vậy thì thần xin đưa lệnh bà đến ven rừng trước kia. Khi mặt nhật đã xế non đoài thì phong cảnh ni đó tuyệt đẹp. Hoàng hôn xuống rồi, thần sẽ đưa Công nương hồi cung.
- Được, thôi ta lên xe.

Thanh niên là con viên quan cai quản các tàu ngựa nhà vua. Tuy thân cận cùng Công Chúa mà chàng thường đưa đi dạo xem danh lam thắng cảnh, chàng rất mực trung thành, luôn luôn tôn kính và không bao giờ ra ngoài phận sự.

Thế nên chàng được nhà Vua tin cậy...

Chàng điều khiển con tuần mã cố chạy cho êm trên đường mòn. Hai người không trao đổi cùng nhau một lời, đôi cảnh quạnh hiu, nàng cũng rùng mình.

Dưới những bụi cây, màu trời đã sẫm, chỉ trên đầu cành còn le lói ánh nắng chiều. Chiếc xe băng qua rừng thưa, trở ra một quang cảnh thanh kỳ : một cái bầu rộng mênh mông, ba phía bao quanh do một hàng cây xanh mịt.

- Thưa Công nương xem đây, thanh niên thưa.
- Người bảo ta xem gì ?
- Công nương xem cảnh sắc có đẹp không ?
- À, đẹp thật ! Nhưng ai ngồi dưới cội hoa Phượng kia, người hãy đến xem.

Dưới gốc hoa Phượng trơ trụi lá nhưng hoa đỏ đầy cành, một đạo sĩ ngồi bình tĩnh, dường như không cảm thấy Vân Phi đi lại, đôi bàn tay gân guốc của lão đang làm một việc gì.

Trên tấm da nai mà đạo sĩ đang ngồi, có đặt hai đồng que nhỏ, một dài một ngắn. Lão lấy một que dài cùng một que ngắn, dùng sợi chỉ tơ buộc lại với nhau rồi thả xuống mặt hồ. Đôi que ấy bị những làn sóng lẫn tẩn do bầy cá vàng dưới hồ lội giỡn đẩy đưa nhập với mấy đôi que kia, đồng thời bị gió nhẹ dập dềnh, pha lẫn những hoa sen trắng, lá sen xanh.

Vân Phi trở về tường thuật những gì chàng mục kích.

- Lão đạo sĩ làm như thế nghĩa là gì ? Lão ta mất trí rồi chăng ?
- Dễ thường hành động của Ông ta cũng có ý nghĩa chứ chẳng không, nhưng thần chẳng dám hỏi Ông đâu, vì chẳng khỏi bị Ông quở trách.

Song thiếu nữ van nài mãi, bảo Vân Phi sao sao cũng phải đi hỏi Đạo sĩ cho kỳ được mới nghe, rằng nếu nàng không được thỏa mãn hắc kỳ, nếu chàng chưa hiểu que dài que ngắn đó là gì, vì sao Đạo sĩ lại dùng dây tơ buộc hai que làm một mà thả xuống mặt hồ, thì chắc nàng mất ăn bỏ ngủ. Vả lại, từ chối lệnh nàng, tức là không thật tâm trung thành cùng nàng vậy.

Thế là Vân Phi vâng lời, đi đến nơi quì xuống sao cho bóng chàng che lên mình ông và ông trông thấy.

- Người muốn gì ? Ông đừng tay hỏi.
- Thưa lão đạo, xin ngài tha thứ cho. Tôi là xa phu của công chúa Minh Nguyệt, con vua Tịnh Vương. Công chúa truyền tôi đến thưa hỏi ngài buộc một que lớn vào một que nhỏ rồi thả xuống mặt hồ, hành động đó có ý nghĩa gì ?
- Chủ người thật là tọc mạch ! Tuy nhiên, người nên biết rằng que dài tượng trưng một nam nhân, que ngắn là một phụ nữ, sợi tơ là hôn nhân phối hợp hai người và ta buông thả cho cặp phu thê đó vào sống trong đời, chung lộn cùng những cặp khác. Người đã thỏa mãn chưa ?

Chàng chấp tay lên trán cảm tạ lão n hân rồi về thuật lại cùng Công chúa. Nàng suy nghĩ một giây lại bảo:

- Vân Phi, ta thường trọng đãi người như thân tộc. Người hãy cố gắng hộ ta phen nữa, hỏi đạo sĩ ai sẽ là bạn đời của ta.

- Thưa công nương, thần rất kính trọng công nương, song thật tình thần chẳng dám quấy rầy lão đạo sĩ lần thứ hai. Điện quang trong mắt ngài sẽ đốt thần cháy tan như nhãn lực của Xi Hoa đã thiêu thần Kê Ma khi xưa vậy.

Nhưng, mặc dầu Vân Phi van lạy thế nào, công chúa Minh Nguyệt cương quyết buộc chàng phải đi hỏi cho được mới nghe. Thanh niên run sợ vâng lời.

- Người còn muốn gì nữa ? Đạo sĩ nghiêm nghị hỏi.
- Thưa lão đạo, xin ngài dung tha tôi, đừng nguyên rửa hay giết thác tôi. Công chúa, chủ tôi, xin ngài dạy cho biết, hôn phu của lệnh Bà sẽ là ai ?
- Chính là người đó, hiểu chưa ?

Vừa nói, lão vừa lấy một que dài và một que ngắn, cột chung làm một rồi buông nhẹ xuống mặt hồ.

Vân Phi rụng rời, mặt tái xanh như gà cắt tiết : ăn làm sao, nói làm sao với công chúa Minh Nguyệt bây giờ ? Một xa phu hèn hạ mà kết duyên cùng một vị công nương ! Còn sự vô lý nào to hơn nữa ? Nhưng làm thế nào đôi thay định mạng ? Lão đạo sĩ đã dùng sợi dây tơ hồng mà buộc hai nam nữ vào nhau và đã thả xuống dòng đời !

Vừa thấy Vân Phi đằng xa đi lại với dáng bộ thiếu nã, công chúa Kim Nguyệt hỏi :

- Thế nào, Vân Phi, đạo sĩ trả lời sao ?
- Thưa công nương, lão đạo sĩ... xin công nương rộng dung cho... lão đạo sĩ bảo là ...
- Là ai ?
- Là thần đây !

Đầu tiên, công chúa ghen ngào, bỗng nàng nổi cơn giận dữ, quát tháo vang dậy :

- Khốn nạn, người, một phu xa, con của mã phu, người dám đèo bông đến ta à ! Khốn kiếp ! Người quên rằng ta là chủ người, là con vị Đại Vương, chúa tể xứ này, và ta sẽ là người nổi ngôi, trị vì thiên hạ !

Trong cơn cuồng nộ và then thuồng, nàng giựt cây roi ngựa và vút mảnh liệt lên vai, lên lưng thiếu niên. Sợi roi da quất vào lưng chàng lần dọc lần ngang, máu tuôn ướt áo.

Chàng cắn răng, chẳng than vãn một lời.

- Ta căm người, không bao giờ lột diện cho ta thấy nữa ! Vì lệnh, tánh mạng không còn !

Nàng nhảy lên xe, ra roi cho tuần mã chạy bay về cung điện.

Vân Phi buồn bực, hồ hân, không đau đớn xác thịt cho bằng nỗi đau lòng !

Từ trước, chàng tin rằng công chúa đối với chàng có chút cảm tình, lại cảm tình của chủ nhân đối với kẻ phục dịch trung thành, nhưng nay chàng không hiểu nổi sự kiêu căng và phần nộ của nàng.

Thật từ một bà hoang đến một xa phu, sự cách biệt quá xa vời, chàng chỉ nguyện rửa tã tã tò mò của nữ nhi !

Còn lão đạo sĩ kia, sao lão không nói tên một người nào khác, để phải khổ cho mình !

Mệt mỏi và buồn rầu, chàng dựa lưng vào một thân cây mà ngủ và, hôm sau, trời vừa bình minh, chàng rời bỏ nước vua Tinh Vương mà đi, đi mãi, cả mấy ngày, ăn trái cây, uống nước suối, băng rừng trèo núi, qua sông, cho đến một ngày kia, chàng đuổi sức nằm ngủ mê mang trước cổng thành trì.

Chàng tỉnh giấc, phục hồi sức khỏe được phần nào, chậm chậm đi vào thành nội.

Chàng ngạc nhiên mà thấy toàn dân, nhứt là đàn ông, đi rong chật cả đường.

Bụng đói như cào như cứa trước hàng kẹo bánh trái cây, chàng rất đói khó chịu, vì trong túi vắng hoe, chàng muốn tìm nơi thanh vắng ẩn mình.

Thấy chàng mệt lả, một anh hàng bánh trái thương tình tặng chàng vài trái cây tươi.

Chàng tức mạch hỏi nguyên do dân sự đầu ra cả ngoài đường, anh vui vẻ cho chàng tường lãm sự việc sau đây ... :

... Vua Đại Từ không con để nối ngôi, lo âu cho số phận thần dân mà ngài thương như con đỏ.

Một đêm, Đức vua mộng thấy một Thần nhân bảo rằng người kế vị ngài là một thanh niên tuần tú, đạo đức thông minh, ở phương đông đi đến. Hôm sau, nhà vua thuật cho quan Tể tướng nghe điềm mộng của ngài. Nhưng làm thế nào biết được thanh niên ấy, dĩ nhiên là chàng không tự mình mang thân đến ra mắt nhà vua ! Như vậy, hai ngài sẽ nhờ ơn Trời Phật chỉ cho biết người thọ mạng trời mà trị quốc : con bạch tượng được trang hoàng long lẫy, đi tìm vị vua tương lai mà đem về triều.

Vua quan khẩn cầu Trời Phật Thánh Thần rồi thả voi đi tự do trong thành, không có quân tượng. Và quốc dân được lệnh truyền ra đường tất cả, chứng kiến việc bạch tượng chọn vua.

Vân Phi cũng bị làn sóng quần chúng lôi cuốn xem chơi.

Bất ngờ, khi voi đến ngay chàng, nó dừng chơn ngó một vòng quanh rồi lấy trảng hoa giơ lên cao và, lạ lùng thay, nó trông gọn vào cổ chàng, đoạn quì xuống trước mặt.

Vân Phi sững sờ đứng trơ, không thốt một lời. Tiếng quân chúng hoan hô vang dậy một góc trời, những thanh niên đứng cạnh chàng đỡ chàng lên lưng voi và bạch tượng chậm rãi trở về đền nội.

Mộng của vua Đại Từ đã ứng hiện và bánh xe định mạng của Vân Phi bắt đầu quay ...

Nơi nước Tịnh Vương, mặc dầu xảy ra chuyện hoang đường, không ai nghi ngờ lời công chúa thuật lại và lão đạo sĩ lần Vân Phi không ai còn gặp thấy hai người ấy nữa.

Lần lần, câu chuyện phai mờ. Công chúa cũng được quốc dân thương mến như Vân Phi, họ chỉ phiên trách đạo sĩ phần nào.

Từ đây, chẳng còn ai thân tính, nàng Minh Nguyệt không xuất thành dạo chơi miền sơn dã nữa và, những buổi chiều tà, đứng trên lầu vọng nguyệt, nàng trông về chốn xa xăm thả hồn theo mơ mộng ... Có ai đoán được nàng nhớ tưởng một hình bóng nào chẳng và nàng có tự trách mình sao quá nóng ?

Riêng phần mình, cầm quyền cai trị một nước to, Vân Phi bây giờ xưng hiệu là Thiện Đức, tỏ ra là một vị vua thông minh mẫn cán, tận tâm lo việc nước việc dân, lại có tài an bang tế thế.

Một năm, rồi hai ba năm trôi qua trong cảnh nước thái bình, dân cư an lạc. Thiện vương không nói đến việc lập hoàng phi : những vết sẹo lần roi trên lưng chàng nhắc chàng nhớ mãi lời tiên tri của lão đạo. Chàng e sợ một định mạng, nhưng nếu nó xảy ra lại làm cho chàng mãn nguyện. Tuy nhiên, chống cự làm gì với định mạng, một khi trời đã khiến vậy thì mãnh lực nào cãi được số trời.

Đình thần cũng như bà mẹ già : con đã lớn khôn, ngày đêm mẹ già lo lập bề gia thất cho con. Mà trong các lân bang, có công chúa nào gồm đủ sắc tài đức hạnh cho bằng nàng Minh Nguyệt.

Thế là sứ giả vua Thiện Đức mang lễ vật đến ra mắt quan Tể tướng nước Tịnh Vương.

Công chúa ưng thuận, Đức vua và Hoàng hậu vui mừng.

Thiện Vương cảm thấy có bàn tay định mạng bên trong, không nói năng gì, truyền đình thần tổ chức cuộc lễ long trọng cho quốc dân cùng nhau hỉ lạc.

Và tiệc nghinh hôn trọng thể được cử hành trong đền vàng vua Tịnh Vương mà không ai có thể ngờ rằng vua Thiện Đức đẹp đẽ, hùng tráng, phú hữu tốt bụng lại là anh xa phu hiền hậu, nhút nhát, nghèo nàn khi xưa, anh Vân Phi !

Đôi vợ chồng vương giả thiếu niên yêu nhau tha thiết, trọng nhau vì Đức, thương nhau vì Tài, dường như không có sức lực nào làm phai nhạt nỗi tình nghĩa keo sơn.

Tuy nhiên, trước một hạnh phúc quá đầy đủ như vậy, lòng nhà vua Thiện Đức mãi lo âu, sợ e hạnh phúc ấy một sáng một chiều tiêu tan như ảo ảnh.

Dẫu Hoàng phi Minh Nguyệt có âu yếm van xin thế nào, chàng cũng không thổ lộ mình lo nghĩ điều chi.

Ấy mà, một hôm, chàng đi săn bắn, ngựa chàng vấp phải một rễ cây, chàng té nhào xuống đất. Kẻ tùy nhân đặt chàng lên cáng khiêng về hoàng cung. Trong phòng riêng của nhà vua, không một ai, dẫu là tôi tớ trung thành, được phép vào.

Thế nên Hoàng hậu tự tay mình côi y phục mà săn sóc nhà vua ; bà thấy những vết sẹo ngang dọc trên lưng chồng. Bà im lặng. Nhưng cách đây vài hôm, một buổi chiều trời mát mẻ, vua Thiện Đức nằm nghỉ ngoài vườn, bóng hoàng hôn từ từ rủ xuống, đàn chim từng cặp bay về, ríu rít trao đổi những tiếng ái ân, Hoàng hậu ngồi cạnh bên ngài, nói nhiều lời dịu dàng âu yếm, hỏi rằng :

- Chàng yêu thiếp chẳng ? Chàng tin tưởng nơi tắc dạ chân thành của thiếp chẳng ?
- Nàng còn nghi ngờ ta sao ?
- Thiếp thấy chàng thường buồn man mác. Thiếp dường đoán hiểu .. song thiếp không dám quyết.
- Vì sao nàng tìm hiểu cái điều có thể làm cho đôi ta cực lòng ? Dầu chi đi nữa, không một ai trốn tránh Định mạng đặng.
- Định mạng của thiếp làm cho thiếp hữu phước kết duyên cùng chàng, và để hưởng hạnh phúc đó dầu cảnh ngộ éo le thế nào thiếp cũng chịu. Nhưng chúng ta hãy trở lại điều thiếp muốn biết. Tại sao trên lưng chàng có mấy vết sẹo ro như vậy ?

Thiện Vương Vân Phi trả lời giản dị :

- Đó là “*Giá Hạnh Phước*” của đôi ta ...

19/2) Nguyệt Lão Xe Duyên

Truyện kỳ Trung Hoa

Đời Nhà Đường, nước Trung Hoa, có một thanh niên tên là Vi Cố, con nhà phiệt duyệt trâm anh, tuổi vừa mười sáu.

Một đêm, trong cảnh trăng thanh gió mát, chàng nhàn nhã dạo chơi. Vui bước đến một nơi kia, chàng gặp một lão nhân ngồi trên tảng đá, đang xem sách dưới trăng, bên cạnh để một chiếc túi to.

Thấy người nghiêm nghị có vẻ thanh kỳ, Vi Cố bước lại cung kính chào Ông, lần la hỏi sang danh tánh, lão Ông xem sách gì và túi ấy chứa đựng những chi.

Ông lão đáp rằng :

- Già là Nguyệt Hiệp lão nhân, chủ việc hôn nhân của nam nữ trên thế gian này. Sách này là “Sách hôn nhân” biết tên những người nam phối hiệp cùng người nữ, và đây là túi đựng “xích thẳng” (dây tơ đỏ). Hễ dây này buộc hai tên cùng với nhau thì không có thần lực nào rút ra cho được.

Vi Cố xin Nguyệt lão cho chàng biết sẽ kết duyên cùng ai.

Ông đáp rằng :

- Vợ tương lai của cậu bây giờ còn bé lắm.
- Thừa lão trượng, cô ấy là ai ?
- Là con mụ ăn mày ngoài chợ đó !

Vi Cố bất mãn lủi thủi ra về, tự trách vì tánh tình háo kỳ, mà phải đeo phiền não vào thân : mình là con quan, nếu không kết duyên được cùng một tiểu thơ phong lưu đài các thì cũng một ái nữ nhà giàu, kỹ nghệ thương gia, địa chủ, có đâu tệ đến nỗi phải lấy con mụ ăn mày !

Chàng thanh niên trần trọc suốt đêm, không ngủ ...

Trời mới bình minh, chàng thay đổi y phục, mau chơn ra chợ.

Kia, mụ ăn mày đang ngửa nón xin ăn, mụ bồng một đứa bé chừng ba tuổi. Trời ! Con bé mới ghê tởm làm sao, vừa rách rưới, vừa bẩn thỉu, mũi dài lòng thông, đầu bù tóc rối !

Vi Cố tức giận về nhà, thuê một tên vô lại giết con bé cho kỳ được...

Hơn mười năm qua. Việc “con bé ăn mày” đã phai nhòa trong trí chàng thanh niên cương quyết cải định mạng.

Vi Cố thi đậu tấn sĩ. Quan Thượng thư mời chàng về dinh đãi tiệc. Rượu ngà ngày say, quan ngài dạy tiểu thơ ra chào khách. Ôi chà, nàng đẹp làm sao, một vẻ đẹp thùy mị đoan trang phúc hậu. “Đôi bên cùng liếc, đôi lòng cùng ưa”.

Lễ nghinh hôn cử hành trọng thể, tài tử giai nhân đẹp duyên Châu Trần.

Nhưng Vi Cố để ý trên chơn mảy cô vợ trẻ một cái thẹo dài. Không dùng được, tánh tò mò, - cũng tánh tò mò của thiếu niên - giục chàng hỏi hiên thế bị tai nạn chi, hồi nào, mà mang thẹo suốt đời như thế. Nàng mới tỉ tê kể lể :

- Mẹ nàng khi xưa nghèo khổ, sanh nàng ra được vài năm thì cha nàng bỏ mẹ nàng; hai mẹ con sống cơ cực, nhờ sự bố thí của hễ hảo tâm.

Một hôm, chẳng hiểu vì lý do nào mà một tên vô lại thành linh đâm vào đầu nàng, lưỡi dao trượt trúng chon mảy, máu tươi xối xả. Mẹ nàng hoảng kinh bỗng nàng chạy trời chết, vào xóm xin thuộc bó rịt cho nàng.

Cách ít năm sau, mẹ nàng từ trần, nàng bơ vơ đầu đình xó chợ; quan Thượng thư hiềm hoi, thương tình đem nàng về nuôi làm nghĩa nữ, cho nàng theo đòi bút nghiên, đủ điều cầm kỳ thi họa ...

Vì Cố nghe nàng thuật xong, vừa ngạc nhiên vừa cảm động mà nghĩ cũng thẹn thường, vì chính mình đã quyết giết con bé kia để phá hồng tiên định của ông lão xe tơ.

G – Nhóm thứ VII

Bốn truyện

20/1) Tích con muối
21/2) Tích con muối
22/3) Ông Cống Quỳnh
23/4) Hiều khách

Việt Nam
Cao Miên
Việt Nam
Marốc

Sự tích con muối có hai thuyết khác nhau, theo truyền kỳ Việt Nam hay truyền kỳ Cao Miên.

- Do thuyết Việt Nam thì chàng Ngọc Tâm nhỏ ba giọt máu trên thi hài vợ, nàng sống lại song sau phản bội chồng và, muốn được tự do sang thuyền khác, chẳng ngần ngại “trả” ba giọt máu cho chồng.

Phen này nàng chết thật, thi hài tan rã, biến thành con muối mãi mãi vo ve bên tai người, dùng vôi mà hút máu với hy vọng là sẽ tìm lại được thân người, hưởng dục lạc phù hoa.

- Trái lại, trong truyền thuyết Cao Miên, cô tiểu thư con quan Tỉnh trưởng dùng trí mà cứu dân làng khỏi nạn muỗi ăn thịt và làm cho chúng nó, từ thể xác to lớn như con gài mái (?) biến thành nhỏ nhít như con muỗi ngày nay.

- Để kết thúc *Phần I* gồm những truyền kỳ đối chiếu, chúng tôi xin công hiến độc giả hai truyện vui cười, một của Trạng Quỳnh mà ta quen gọi là Cống Quỳnh, một nhà hài hước nhứt Việt Nam

- Truyện thứ nhì, của anh Di Ha, anh hề chọc cười nổi tiếng ở Ma Rốc (Phi châu).

20/1) Tích Con Muỗi

Truyền kỳ Việt Nam

Ngày xưa, có một người nông dân hiền lành tên là Ngọc Tâm, kết duyên cùng một thiếu phụ xinh đẹp tên là Nhan Diệp.

Khác hẳn với tính tình đơn giản của chồng, quanh năm suốt tháng cúi lút làm ăn, người vợ lười biếng xa hoa chỉ thích thỏa thuê sung sướng.

Trong lúc hai vợ chồng tưởng chung sống cùng nhau đến răng long đầu bạc thì Nhan Diệp bỗng mang bệnh từ trần.

Ngọc Tâm vô cùng đau đớn, không muốn rời xác vợ, bèn bán hết tài sản, mua một chiếc thuyền chở quan tài vợ thả bênh bồng trên mặt nước.

Một buổi sớm mai, thuyền đi đến dưới chân một ngọn núi cỏ cây ngào ngát. Ngọc Tâm lên bờ thấy đủ thứ dị thảo kỳ hoa, cây cối mang trái nặng cành, lấy làm lạ bèn phăng lần lên cao.

Đến lưng chừng núi gặp một Lão trượng tượng mạo phương phi, râu tóc bạc phơ, tay chống gậy trúc thoăn thoắt bước.

Thấy người có vẻ tiên phong đạo cốt, đoán chừng là thần tiên ở núi Thiên Thai xuất hiện, Ngọc Tâm bèn sụp lạy, thiết tha xin Ông cứu tử hoàn sinh cho người vợ mến yêu.

Tiên Ông thương hại nhìn Ngọc Tâm hồi lâu rồi nói :

- Người còn nặng lòng vương vấn trần ai, chưa thoát khỏi vòng tục lụy ... Ta có thể giúp ngươi thỏa mãn nguyện cầu song về sau người đừng có lấy làm ân hận.

Ngọc Tâm tuân lời, dỡ nắp quan tài vợ ra, chích đầu ngón tay mình nhỏ ba giọt máu trên thi hài Nhan Diệp. Tức thì người đàn bà từ từ mở mắt rồi ngồi lên như sau một giấc ngủ dài.

Trước khi từ giả, Tiên Ông bảo người đàn bà vừa mới hồi sinh : “Ngươi đừng quên bổn phận làm vợ của người đàn bà; hãy luôn luôn nghĩ đến lòng thương yêu chung thủy của chồng. Lão chúc cho hai vợ chồng được lâu dài hạnh phúc”.

Trên đường về quê, người chồng mừng rỡ, phơi phới cõi lòng, hối hả giục thuyền đi mau.

Một hôm, thuyền ghé bến, Ngọc Tâm lên bờ mua sắm thức ăn. Trong lúc đó, có một chiếc thuyền buôn lớn đến đậu bên cạnh thuyền chàng, chủ nhân là một tay lái buôn giàu có, đặc biệt chú ý đến nhan sắc kiều diễm của Nhan Diệp.

Hắn lân la gọi chuyện, rồi mời Nhan Diệp qua thuyền mình dùng chén nước trà. Người đàn bà nhẹ tính ưng thuận.

Chủ nhân thừa cơ ra lệnh cho bạn thuyền mở hết buồm tách bến, thuyền chạy như bay.

Ngọc Tâm trở về thuyền, thấy mất vợ, hỏi thăm mới rõ gã thương gia kia đã đoạt vợ chàng. Chàng buồn rầu bỏ ăn quên ngủ, ngày ngày chèo thuyền tầm kiếm, một tháng sau mới gặp lại nàng.

Nhưng người đàn bà đã quen sống x ahoa bên cạnh tên lái buôn cự phú, quên cả tình cũ ngãi xưa.

Thấy rõ bộ mặt thật của vợ là tuồng bạc bẽo, Ngọc Tâm nhớ lời Tiên dạy như tỉnh giấc mơ, bảo nàng vợ lang tâm trắc nết :

- Mình không còn thương tôi nữa thì mình được tự do bỏ tôi đi lấy chồng khác, song tôi không muốn mình lưu giữ kỷ niệm gì của tôi, vậy thì mình trả lại tôi ba giọt máu tôi đã nhờ ra để cứu mình sống lại.

Ba giọt máu !

Chỉ có trả ba giọt máu ít oi, mà mình được từ đây sống đời tự do sung sướng !

Nhan Diệp thấy được ra đi dứt khoát dễ dàng như thế, nên chẳng ngần ngại lấy dao chích đầu ngón tay. Nhưng than ôi, máu vừa bắt đầu nhỏ giọt thì nàng bỗng ngã lảo ra tắt thở.

Nhan Diệp, người đàn bà nông nổi, phụ bạc, hồn xuống âm ti vẫn còn luyến tiếc cõi đời nên hóa kiếp thành con vật nhỏ có cánh, ngày đêm theo đuổi ông chồng cũ, Ngọc Tâm, tìm cách ăn cắp cho được ba giọt máu của chồng, ngõ hầu trở lại làm người, hưởng thú vui vật chất.

Con vật này luôn luôn than vãn với Ngọc Tâm, như van lơn, như oán hận tiếc thương, ngày đêm kêu bên tai chàng không ngớt.

Về sau, giống vật này sinh nở rất nhiều, tức là con muỗi ngày nay, tìm người mà hút máu.

Có lẽ vì ghét kẻ bội bạc, phần khác chịu không được muỗi chích ngứa ngáy, tiếng kêu ve vãn bên tai, nên mỗi khi muỗi đậu lên mình là người ta đang tay đập cho nát bét.

21/2) Tích Con Muỗi

Truyền kỳ Cao Miên

Thuở khai thiên tịch địa, Thần Xi Hoa (Civa), tức Chúa tể vũ trụ, tạo ra các loài điều thú côn trùng trên mặt địa cầu và sanh loài muỗi trước nhất.

Thuở ấy, loài muỗi rất to, to bằng con ó, cánh dài mỗ sặc. Chúng bay từng đoàn tìm người mà ăn thịt. Rủi cho ai sa vào chon chúng, chúng hút hết máu, ăn hết thịt, chỉ còn tro có bộ xương.

Nhân dân sống rất khổ sở, nơm nớp lo sợ bọn muỗi tấn công, nhứt là những kẻ sống nơi đồng ruộng núi rừng, chẳng biết phương chi tránh khỏi nạn ác trùng !

Họ mới phái đại diện đi tìm chúng muỗi mà thương lượng.
Vì thuở xa xưa đó, Trời, Thần, người và thú vật đều hiểu được nhau.

Thế là nhân loại nói với muỗi rằng :

- Các ông đừng tìm kiếm giết hại chúng tôi nữa. Hễ mỗi tối là trong dân sự chúng tôi có một người đến nơi mấy ông trú ngụ để nạp mình cho mấy ông ăn.

Muỗi chịu. Và từ ngày ấy, thôn dân, người này kể người kia, tối nào cũng đi làm mồi cho bầy muỗi đói.

Người nào tới phiên mình nạp thịt thì từ giã quyền thuộc thân bằng, khóc than thảm thiết.

Thuở ấy, có một tiểu thư con quan Tỉnh trưởng, vừa đẹp, vừa sắc sảo thông minh. Nàng xót thương tình cảnh khốn nạn của thôn dân mỗi đêm một người vào rừng cho muỗi ăn ngon.

Nàng nghĩ rằng nếu mình không giúp chúng dân tìm phương thoát nạn thì sớm muộn đây họ sẽ bị muỗi ăn thịt đến người cuối cùng, tội nghiệp cho họ lắm.

Thầm tính như vậy rồi, nàng xin cha mẹ cho phép nàng cùng đi với thôn dân vào rừng nạp mình cho muỗi.

Ngạc nhiên và tức giận, ông bà Tỉnh trưởng quát mắng vang dậy : “Con sao dại dột, dân vùng này sợ chết, họ còn cố tránh phiên của họ mà xô đẩy lẫn nhau thay, sao con lại đi tìm cái chết vô lý như vậy ?”

Thiếu nữ van nài mãi, song thân nàng giận quá bảo rằng :

- Nếu con muốn hủy mình, không kể công ơn cùc dục sanh thành thì cha mẹ để cho con chết !

Nàng liền tìm những thôn dân đến phiên phải hi sinh cho muỗi ăn mà nói :

- Các ông muốn sống thì nên nghe lời tôi chỉ bảo, các ông sẽ thoát nạn.

Hãy đi tìm lá khô, cành khô thật nhiều đem đây, chất thành một vòng tròn, chúng ta vào đứng trong vòng đó.

Khi muỗi bay đến, chúng ta đốt cành cây lá khô lên thành một vòng khói lửa, đoàn muỗi sẽ không dám bay qua mà vào trong vòng cắn chúng ta, con nào liều lĩnh ất cánh sẽ bị cháy, té vào đống lửa chết thiêu.

Dân làng mừng rỡ, thi hành diệu kế của nàng.

Nửa đêm, bầy muỗi bay tới đặng ăn thịt sống uống huyết tươi, chạm phải vòng khói lửa bao quanh, chẳng dám bay ngang, thối lui trở vào rừng.

Chúng nhóm hội đồng thương nghị cùng nhau rằng :

- Nhân loại đã biết ta sợ lửa thì từ đây, khi ta tấn công, họ sẽ dùng lửa mà chống cự ta. Và nếu ta giữ cái thân mình đồ sộ như thế này thì người họ sẽ thấy ta dễ dàng mà phòng bị. Ấy vậy, ta sẽ xin với Thần Xi Hoa biến đổi chúng ta thành hình nhỏ bé, ta sẽ bay đến gần người thành linh họ không đề phòng kịp. Vậy mới là tiện lợi cho.

Đoàn muỗi bay vù lên Thiên đình, yết kiến Thần Chúa tể, bày tỏ sự tình và xin Ngài ban cho chúng một thân hình nhỏ xíu. Thần chuẩn tấu và biến chúng thành hình nhỏ như con muỗi ngày nay. Muỗi về dương trần, bay khắp nơi tìm người mà chích, song người ta dùng bàn tay đập chúng nát bét, con bị gãy cánh, con thì giập xương.

Nhân dân thoát khỏi nạn muỗi ăn thịt, sống yên ổn sung sướng hơn xưa.

Lần nữa, muỗi lại nhóm họp, bàn cùng nhau : “Bây giờ tới phiên loài người làm tình làm tội đập giết chúng ta, ta không còn ăn thịt họ được nữa. Vậy thì ta sẽ xin trời ban cho ta cái vòi thật bén nhọn để ta chích họ bất ngờ hút máu mà họ không hay biết”.

Như một đám mây, muỗi bay tạt lên trời, lại xin vào yết kiến Thần Xi Hoa. Thần nghe chúng trình bày, liền phê phán :

- Cái vòi ta ban cho chúng bay cũng đã bén nhọn lắm rồi., vậy bản muốn chích mau và mạnh hơn nữa thì phải tìm thêm một cái vỏ mà đập vào người. Nhưng bây phải biết loài người cũng có những chiếc vỏ vậy! Thôi bây về dương thế đi !

Bầy muỗi bay trở về mặt đất.

Rồi, đêm cũng như ngày, trong những hang cùng ngõ hẻm, chúng tìm người mà hút máu, dùng mấy chon như những chiếc vỏ đập vào người như lời Thần đã dặn ...

22/) Ông Cống Quỳnh ¹

“... Ngày kia, Cống Quỳnh vui muốn khuấy chơi các quan triều một bữa. Chừng mới viết thiệp cho mời các quan tới tựu tại nhà uống rượu chơi.

Mặt trời chen lặn, vồng đá các quan lái rải tới; Cống Quỳnh mua rượu nhiều, ve chén bày ra bộn bâng; còn biểu quân ở đằng sau nhà bếp cứ bầm thốt hoài. Nghe bầm lộp cộp lạc cạc hoài... Các quan tưởng có khi Cống Quỳnh dọn trọng thể lắm, chẳng ngờ cũng không thấy dọn chi.

Cống Quỳnh ngồi cầm khách, cứ rót rượu mời các quan; một chặp lại hỏi : “Trẻ coi lo dọn thoáng đi bây ! Nó dạ rân. Cứ thỉnh thoảng rót rượu mời uống khan hoài; các quan đã xoàng xoàng đi hết; thì càng vui càng nói chuyện inh sinh. Cống Quỳnh lại càng rót rượu đưa cho ông này ông kia, dập thêm hoài.

Ngồi uống khan làm vậy cho đến hết nửa canh hai. Ông nào ông nấy thôi say mềm, nằm thài lai ra đó hết.

Quân hầu đi theo, thì đã cho về hồi chiều hết rồi.

Vậy ông Cống Quỳnh biểu quân trong nhà ra đưa các quan về, lại dạy nó tráo dinh hết.

Đến sáng ngày ra, ai nấy thức dậy ngó sao mừng mên khác lạ không phải nhà mình, xén lên ra ai về dinh nấy, biết bị Cống Quỳnh khuấy chơi rồi, nên căm trong bụng giận ông Cống Quỳnh.

Mà ông Cống Quỳnh ngoan lắm, chạy đón các quan đang đi vô châu, nói :

- Cơ khổ ! Tệ quá ! Hôm qua cầu vui uống rượu cầm chừng chờ trẻ nó dọn ăn, mà mắc bụng đói say sớm làm không ai ăn hết; thấy các ông say, tôi hồi quân vồng các ông về kéo để khuya nhiễm mù sương có khi khốn.

Té ra các ông báo tôi, thôi hôm nay thịt cá ê hề ăn không hết !”

¹ Trích « Chuyện đời xưa » của Trương Vĩnh Ký (Nhà sách Khai Trí, 62 Lê Lợi Sài Gòn, tr. 50 – 51)

23/4) Hiếu Khách

Bắc Phi châu, xứ Ma Rốc, nhân dân rất là hiếu khách, tiếp đãi người lạ mặt một cách thân mật, nồng nàn.

Do sự hiếu khách ấy mà xảy ra những chuyện buồn cười của anh chàng Di Ha, anh hề chọc cười nổi danh từ đầu này đến cuối kia Ma Rốc, khả dĩ so sánh với Trạng Quỳnh xứ Việt Nam ta.

Song chủ nhân ở Ma Rốc không phải là tay vừa, là hạng người luôn luôn bị Di Ha gạt găm để cười.

Một hôm, Di Ha xách một con thỏ đến nhà người bạn, nói :

“Này bạn, hãy xào nấu con vật này, anh em chúng ta cùng đánh chén”.

Chủ khách uống ăn hào hứng, chén chú chén anh, đến đổi con thỏ chỉ còn trơ có mấy khúc xương què !
Di Ha nói :

- Với bộ xương này, bạn còn có thể nấu một nồi xúp ngon.

Hôm sau, Di Ha từ giã chủ nhân, ngoạn du nơi khác, gặp một người đang đói lả, anh bảo rằng :

- Bạn hãy tìm đến bằng hữu tôi tên X, ở làng A, nói với anh ấy : “Tôi à bạn của Di Ha, ông anh có thể cho tôi thưởng thức món thịt thỏ của ông ta được chăng ?”

Thế là chủ với khách dùng món xúp thỏ.

Ngày thứ ba, chủ nhân lại tiếp một ông khách thứ ba đến nói :

- Tôi là bạn của bạn anh Di Ha, ông anh có thể cho tôi biết qua mùi vị thịt thỏ của Di Ha được chăng ?
- Được chứ ! Chủ nhân bình tĩnh đáp.

Anh bung ra một nồi nước sôi, mặt nước nổi màng màng; anh nói :

- Đó, anh cứ tự tiện dùng đi, đó là xúp của nồi xúp con thỏ của Di Ha...

Phần II

Cổ Tích

- 1) Tảng đá Thần
- 2) Con Két cứu chủ
- 3) Đại hùng, đại lực
- 4) Con Gấu với cây sung
- 5) Anh chẵn lạc đà với Ông Giáo sĩ
- 6) Truyện Thần Nacken
- 7) Cây chết trở hoa

Ai Lao
Ấn Độ
Cao Miên
Á Rập
Thụy Điển
Nhật

24/1) Tảng Đá Thần

Tảng đá nằm chơ vơ trên đồng cỏ, như một chiếc sọ khổng lồ, ai trông thấy cũng là kinh sợ.

Đá dường như không hề lay chuyển, tuy nhiên, khi một con sơn dương cắc có nhảy đứng lên trên đá liền lắc lư, con dã thú tức thì sợ hãi, nhảy xuống và tẩu thoát.

Bạo dạn hơn nhiều trẻ mực đồng đến gần, xô nhẹ cho tảng đá nghiêng qua, song muốn cho đá thấy xê dịch thì cả ngàn con ngựa bắt chung với nhau và buộc vào tảng đá cũng không thể kéo nó đi được một bước nào.

Mấy Ông bô lão trong vùng thuật rằng dưới tảng đá có một cái cuốc, một ống thẳng bằng của thợ hồ và một cây gươm, vị hương hào được Thần ban cho ba báu ấy tất làm những việc phi thường.

Đôi khi người ta thấy ba món đồ chiếu hào quang dưới tảng đá, song khi ai phát một cử chỉ toan chiếm đoạt, tảng đá tức thì sập xuống, sẵn sàng nghiền nát bàn tay của kẻ tham lam.

Thuở ấy nhà vua Lữ Anh vừa lên ngôi trị vì, nghe đồn đãi những sự huyền bí của tảng Đá Thần, nhứt quyết lấy cho bằng được ba món báu ẩn tàng dưới đá.

Người là một vị vương trẻ tuổi, hùng tráng thông minh, nhiều tham vọng. Người cỡi một con tuấn mã xuất thành không kẻ hộ vệ, không cho ai biết mục đích mình đi đâu.

Đến gần tảng đá Thần, người xô nhẹ và trông thấy ba báu vật. Và từ lúc ấy, mọi việc xảy ra dường như có một ý chí nào khác lạ bảo người làm sao là làm vậy.

Để ngăn tảng đá không lồ xê dịch trở về, người dùng cái mũ của mình mà kê, mặc dầu nó bằng nhung lụa, đặng người có thể thò tay vào lấy một báu vật chỉ một món thôi, ấy là cái cuốc.

Rồi người rút cái mũ ra, Tảng đá úp cả hai vật kia lại, cái ống thẳng bằng và lưỡi kiếm.

Được cái cuốc Thần, Lữ Vương trở thành một nông gia đại tài, người lấp hào lấp vũng đào kinh, phá rừng, khai hoang những cánh đồng đầy bụi rậm và mỗi buổi chiều, ngọn lương phong rao rao thổi, ruộng lúa vàng dợn sóng từ nơi này qua nơi khác khắp nước người.

Và mỗi lúc mặt trời hé mọc, nông dân vác cuốc ra đồng, hát lên những bài vui vẻ, ca tụng ân đức nhà vua.

Đã trở thành vị nường phú hữu, trong tâm Lữ Vương nảy sinh những tham vọng quan trọng hơn.

Sau đó mười năm, người lại đến Tảng Đá Thần như lần trước, người đẩy nhẹ Tảng Đá qua một bên và để cho Đá khỏi nhích về, người kê nó không phải bằng cái mũ nhưng, nhưng lại bằng cái mào vàng nạm ngọc.

Người lấy cái ống thẳng bằng rồi Tảng Đá lại trở về vị trí cũ đẩy lưỡi gươm.

Được cái ống thẳng bằng kỳ diệu, Lữ Vương thành một nhà kiến trúc đại tài, người phóng đường, kiến thiết những thành phố nguy nga, thịnh vượng, làm cho ngoại quốc đều khâm phục và mỗi đêm dưới ánh trăng, dân chúng trong thành ca ngợi ân đức nhà vua.

Đã bốn mươi tuổi đầu, Lữ Vương buồn bực tự bảo rằng mình chưa làm nên công nghiệp gì cho xứng đáng với sự vinh quang của tổ tiên người là những vị vương quốc hùng cường.

Người tướng nhớ luôn đến lưỡi kiếm Thần và nhứt định phải chiếm lấy.

Người đội cái nón sắt, lên con tuấn mã và trở lại cánh đồng. Đến gần Tầng Đá người xô nhẹ và thấy thanh gươm còn nằm nơi đó.

Người dùng chiếc nón sắt mà kê Tầng Đá, chiếc nón cứng rắn tạo bằng một loại kim không thể bẻ được.

Nhưng khi người đưa tay vớ lấy thanh gươm thì, lạ lùng thay Đá Thần nghiền chiếc mũ sắt như tro, bàn tay người bị đè cứng và một giọng oai nghiêm trong Tầng Đá vọng lên :

- Lữ Vương, vì có nào nhà ngươi ham muốn lưỡi gươm này ? Ngươi đã là một vị đại vương hòa bình, bây giờ ngươi muốn cho Thần Chiến Tranh gieo tang tóc trên ruộng lúa phì nhiêu, trên thành phố huy hoàng của ngươi phải chăng ?

Như con chồn mắc bẫy, Lữ Vương kinh sợ nói rằng :

- Không đâu, Thạch Thần, nếu ngài tặng tôi cây Kiếm này, Ngài sẽ thấy tôi dùng nó vào việc hữu ích thế nào.

- Ta chỉ buông tha ngươi ra là khi nào ngươi dùng móng tay khắc hai chữ “Hòa Bình” (和 平) trên tảng đá của ta. Và ngươi hãy cẩn thận đấy, nếu ngươi sai lời, cả nước ngươi và chính bản thân ngươi sẽ nát tan ra tro bụi như cái mũ sắt này.

Lữ Vương phải cam kết như thế và suốt đêm, nằm sấp một bên Tầng Đá, nhà vua dùng móng tay, bàn tay trái mà khắc từ nét một trên Tầng Đá xanh, hai chữ “Hòa Bình” (和 平).

Cực nhọc, đói khát mỗi đầu ngón tay rướm máu, song nhà vua chẳng dám than van.

Và sáng ra, Đá Thần tặng nhà Vua thanh Kiếm để từ ấy, người sắt mấy bắp cải trong vườn rau âu yếm tặng bà Hoàng Hậu đạo đức nấu một nồi xúp thơm ngon cùng nhau thưởng thức.

25/2) Con Két Cứu Chủ

Truyện kỳ Ai Lao

Địch quân sắp tràn qua biên giới mừng Cổ La Ba.

Vua Bạch Sĩ truyền lệnh đô đốc Bửu Châu đem năm vạn tinh binh ra biên cương bảo vệ sơn hà.

Trước khi lên yên ra chiến địa, đô đốc dặn bảo con Két mến yêu của người rằng :

- Trong lúc ta đi vắng, Két phải giữ gìn nhà cửa cho cẩn thận đừng để ai xâm phạm nhà mình.

Ngài cũng dặn bảo con chó mẹ với con chó con mấy lời như vậy.

Rồi ngài lên lưng tuấn mã ra roi.

Thừa một đêm thanh vắng, nhà vua ra khỏi đền vàng không ai trông thấy và đến nhà quan đô đốc.

Khi ngài vào đến sân, con chó mẹ thấy ngài, chó con sủa lên mấy tiếng nho nhỏ. Chó mẹ cúi đầu ngoắc đuôi, chào nhà vua, rồi bảo chó con phải nín im, nói rằng :

- Sủa nhà vua tức là rước họa vào mình !

Trước khi vào nhà quan đô đốc, nhà vua cúi đôi hài thêu ra. Con Két thấy và hiểu ý ngài. Nó tự hỏi phải làm thế nào để ngăn ngừa đức Vua xâm phạm tiết trinh đô đốc phu nhân, nhan sắc kiều diễm của bà làm cho Vua mơ ước được thưởng thức cảnh hoa...

Sau cùng, Két nghĩ ra một kế mà chim ta tưởng có thể dùng hiệu nghiệm.

Két bảo con chó mẹ rằng :

- Chị ơi, đêm nay nóng bức, chúng ta không ngủ được; để cho thời gian qua mau mà chúng ta không chán, tôi đề nghị chuyện này chị nghe, câu chuyện có một giải đáp bí hiểm, và tôi quả quyết ngoại trừ nhà Vua là đáng chí tôn trên hết mọi người, không một ai tìm nổi giải đáp đó đâu. Câu chuyện như thế này :

“Khi kia, có một vị vua thống trị xứ Bảo liên gia.

Mùa mưa đến, vua cho đòi một nông phu tới, nói :

- Người hãy cày cấy đám ruộng của ta.

Nông phu vâng lời. Gieo mạ xong, anh tạo một cái hàng rào bao quanh miếng ruộng, nhưng không làm sao cấm cản bầy chim vào phá phách đám mạ đang lên. Vậy phải tàn sát tất cả đàn chim mới được. Anh nông phu vác ná vào rừng nhưng trong khi vắng mặt, một con quạ đến tàn phá trọt đám mạ của anh.

“Các bạn ơi, các bạn có biết câu chuyện này không ?

Con chó mẹ đáp rằng :

- Dẫu tôi có biết chẳng đi nữa, tôi cũng không dám nói với anh. Chúng ta là đàn thú rất trung thành đối với chủ ta.

Vua Bạch Sĩ, thay vì vào phòng phu nhân đô đốc, ẩn mình ngoài cửa và nghe bầy thú nói chuyện. Ngài nghĩ rằng :

- Con kết này đã thấu rõ ý của ta. Nếu tối nay ta vào phòng vợ Bửu Châu, sáng mai con kết sẽ đồn đãi khắp vùng... Chi bằng, ta chờ đô đốc về, ta sẽ giết hấn và cướp êm vợ hấn.

Vua liền phản hồi hoàng cung, song, trong lúc vội vã, ngài quên đôi hài thêu chi vàng mà ngài đã cỡi đi nơi thêm.

Sáng hôm sau, phu nhân bắt gặp đôi hài và kinh sợ. Con kết tường thuật cùng bà chuyện đã xảy ra trong đêm. Bà liền sai kết bay ra quan ải cho quan đô đốc hay biết sự tình.

Đô đốc vừa đại thắng quân nghịch, giết chết rất nhiều, bắt một số tù binh, thu chiến lợi phẩm đầy đầy, nào voi ngựa, binh khí, lương thực ...

Trên đường về, người dừng chôn đóng binh trong một thôn ấp trước khi nhập thành. Người nghĩ thầm :
- Ta không nên vội vào bệ kiến nhà vua, vì ngài muốn đoạt phu nhân ta. Tánh ngài nóng như dầu sôi lửa đốt, ngài có thể giết ta. Tốt hơn là ta nên tỏ một cách kín đáo cho ngài hiểu rằng ta đã rõ sự tình xảy ra trong khi ta chinh chiến.

Đô đốc sai người cụ sớ về trào báo tiếp với dâng lên nhà vua bức thư sau đây :

“Tâu Ngài, thần đã toàn thắng địch quân, bắt được nhiều tù binh và chiến lợi phẩm. Thần những mong sớm được chầu dưới bệ rồng.

Trên đường hồi kinh, trong một hôm dừng binh nơi nghỉ, thần thấy một mộng lạ lùng, làm cho thần giật mình kinh sợ.

Thần thấy một cái hồ nước trong như pha lê đáng là hồ tắm của một nhà Vương giả. Nhưng hồ ấy lại là vật sở hữu của một con lang.

Trong một cái động gần đấy, cư trú một con sư tử. Một hôm, sư tử rời khỏi đền vàng xây cất trong động tía và muốn đến tắm trong hồ, song sư tử lại gặp con lang nơi ấy.

Nghĩ mình là chúa sơn lâm, không xứng đáng cùng tắm chung với lang sói trong một cái hồ, sư tử liền trở lại đền vàng.

Thần chưa từng nằm mộng như thế bao giờ, thần lo sợ bàng hoàng, thần sợ thấy có bốn phận tâu lên Ngài rõ”.

Ý nghĩa thâm kín của bức thư ấy, vua hiểu rõ ràng. Ngài tin rằng đô đốc đã tường tri sự việc xảy ra và hiện thời viên võ tướng e sợ bệ kiến nhà vua. Ngài phê đội hàng trong sớ, ban thưởng người đem thư rồi cho trở về :

“Tướng quân cứ đem binh về. Điềm mộng ấy không phải là triệu bất tường cho tướng quân đâu”.

Vững lòng tin cậy, đô đốc Bửu Châu nhập thành, về dinh.

Phu nhân trình chồng đôi hài thêu của nhà vua. Bửu Châu nghĩ cách hoàn đôi hài cho vị vương mà không ai nghi ngờ chi cả.

Người truyền lệnh trang hoàng cờ biển con đường từ dinh người đến hoàng cung; bữa đại triều, người đặt đôi hài nhà vua trong cái bành bắt trên lưng con bạch tượng và do con đường huy hoàng ấy mà vào triều.

Quần chúng đông như kiến cỏ hoan hô nhiệt liệt, bảo nhau :

- Chỉ sự hiện diện đôi hài vua ta mà địch quân đại bại, nếu Ngài ngự giá thân chinh thì giặc sẽ kinh khủng thế nào !

Nhà vua ban khen sự anh dũng của quan đô đốc và thâm phục trí thông minh của người, hậu thưởng vị tướng quân trẻ tuổi và quân binh, ban tước hầu cho Bửu Châu, hưởng lộc mười ngàn nóc gia.

26/3) Đại Hùng, Đại Lực

Truyện kỳ Ấn Độ

Thuở xưa kia, ở xứ Ấn Độ bao la, có một thành phố tên là Ba Hoa Ti, do một vị đại vương tên là Sử Đà Na thống trị.

Nhà vua hùng cường, minh chánh, nước hưởng thái bình, muôn dân âu ca lạc nghiệp.

Một hôm, một người Bà la môn đến yết kiến nhà vua xin phục vụ ngài. Người tên gọi là Đại Lực, gia đình gồm có ba người : nàng vợ yêu kiều tên là Đạt Xa La, một bé trai thông minh đĩnh ngộ, tên là Tiểu Hùng và một bé gái, Tiểu Thư.

Bình khí của người cũng chỉ có ba : bên hông, người mang thanh đoản kiếm, tay phải cắp kiếm trường và tay tả mang chiếc khiên bằng da dày đẹp, chắc.

Người xin nhà vua cho hưởng số lương hằng ngày là năm trăm đồng vàng. Vua thấy người mạnh bạo, mặt mày cương quyết thông minh liền chấp thuận.

Tuy nhiên, ngài không khỏi lấy làm lạ : chỉ có một vệ binh mà lương bổng tới năm trăm đồng vàng !

Thế là ngài mật phái người theo dõi chàng Đại Lực, kín đáo xem cách ăn ở của anh thế nào.

Ban mai, Đại Lực đến gác trước đền vua, gươm trường rút vỏ.

Giữa trưa, chàng về nhà trao cho vợ, nàng Đạt Xa La, một trăm đồng để mua vật thực trong ngày.

Chàng dùng một trăm đồng nữa sắm y phục, mua thuốc men, cau trầu. Tắm gội xong, chàng đem một trăm đồng đặt dưới chơn tượng thần Civa và Thái dương thần (Vishnou).

Số tiền còn lại, tức hai trăm đồng, chàng cúng tất cả cho tu sĩ nghèo nàn.

Ngày nào chàng cũng phân chia số lương làm mấy phần như vậy. Chập tối, sau khi cúng Hỏa thần cùng chư vị thần khác, dùng cơm xong, chàng chăm hăm vào hoàng cung, rút gươm đứng gác suốt đêm trước cửa đền.

Được rõ hành động chàng vệ sĩ thanh niên như thế, nhà vua hài lòng, chấm dứt cuộc do thám và thăm nghi Đại Lực có thể vượt lên những vệ sĩ tầm thường mà chiếm địa vị quan trọng hơn.

Thời gian trôi qua, mùa khô tuy nóng nực nhưng ban đêm trời mát mẻ dễ chịu. Mùa mưa đến với cuồng phong dữ dội, với sấm sét hãi hùng, như tạo hóa lên cơn phẫn nộ.

Dưới trận mưa như trút nước, đêm như ngày, Đại Lực vẫn mang khiên cầm kiếm canh gác trước đền vua.

Ban ngày, đứng trên sân thượng hoàng cung, vua Sử Đà Na trông xuống, muốn biết vệ sĩ có gác không, vua lên sân thượng hỏi to : “Ai đứng trước cửa đền ta đó ?”

Nghe tiếng nhà vua, Đại Lực đáp rằng :

- Chính tôi đây, vệ sĩ Đại Lực.

Nhà vua nói thăm :

- Đại Lực thật là can đảm và trung thành, ta sẽ thăng chức cho va.

Nhà vua từ sân thượng đi xuống, vào phòng mà nghỉ.

Đêm sau, canh đã khuya, trời bỗng đổ mưa to, hoàng thành chìm trong màn nước và bóng tối đen. Nhà vua phen nữa muốn thí nghiệm sự tận tâm của chàng vệ sĩ, một mình lên sân thượng, cất tiếng đồng dục hỏi :

- Ai đứng trước đèn ta đó ?

Lần nữa, Đại Lực đáp :

- Chính tôi đây, thưa Ngài.

Và trong khi đức vua lấy làm lạ trước một can đảm dường ấy, bỗng ngài nghe xa xa tiếng phụ nữ khóc than rất là thảm thiết. Đứng mình quân sững sốt nghĩ thầm : “Trong nước ta, mọi người đều sung sướng, không ai bị khổ sở, áp bức, buồn rầu, vậy thì người đàn bà nào khóc lóc bi ai, giữa đêm trường như vậy ?

Ngài liền gọi Đại Lực bảo:

- Này, Đại Lực, phụ nữ nào khóc nơi xa kia ? Người ấy là ai ? Vì sao mà bi lụy thế ấy ? Người hãy đi xem.

Tuân lệnh truyền, Đại Lực buộc dây đoản kiếm vào lưng, tay xách kiếm trường, xăm xăm đi, bất kể đêm tối tăm dày mịt và giọt mưa tầm tã, gió hất vào mặt chàng như muôn ngàn mũi tên.

Vua Sở Đà Na thấy chàng vệ sĩ một mình mạo dạn đi trong đêm tối, ngài động lòng thương tâm và tánh hiếu kỳ. Ngài xuống lầu, mang áo toi, cặp gươm theo sau cách xa Đại Lực trong bóng tối.

Vệ sĩ chăm chú đi về hướng tiếng khóc than, xuất thành, đến một cái hồ và nơi đó, lạ thay, chàng gặp một thiếu phụ ngồi giữa hồ trên mặt nước, khóc kể ai oán rằng :

- Hỡi chàng ôi, chàng độ lượng hải hà, nhân từ tốt bụng, không chàng thiếp sống làm sao ?

Cùng một lúc, nhà vua cũng vừa tới ẩn núp sau một lùm cây.

Đại Lực ngạc nhiên hỏi :

- Thưa Bà là ai ? Sao Bà lại khóc ?

- Ôi, Đại Lực con, thiếu phụ đáp, con nên biết ta là Nữ thần Hậu Thổ, phu quân ta chính là đại vương nhân đức Sở Đà Na, chủ nhân của con đó vậy. Nhưng trong ba ngày nữa người sẽ mạng chung, và ta làm sao có một vị phu quân vừa anh hùng vừa đạo đức như vậy được ? Nên ta khóc người và buồn tủi cho số phận ta.

Nghe dứt lời, Đại Lực kinh ngạc hỏi :

- Thưa Nữ thần, Bà đã tiên tri rằng Đức vua sẽ thắng hà, vậy Bà có phép chi cứu ngài không ?

Nữ thần đáp :

- Có một phương pháp duy nhất và chỉ có một mình con thực hành được mà thôi.

Lo sợ, Đại Lực hỏi :

- Thưa Nữ thần, nếu được vậy xin Bà nói mau cho kẻ hèn này thi hành cấp tốc, bằng chẳng thì mạng sống của tớ có ích gì !

Hậu Thổ nói :

- Ta nhận thấy không ai can đảm và trung thành cùng nhà vua bằng con. Vì thế ta mới bảo cho con rõ hy vọng độc nhất cứu tánh mạng chủ con.

Hãy nghe đây : cạnh hoàng cung, nhà vua có lập Đền thờ Bà Chúa Tiên. Nếu con hy sinh Tiểu Hùng đưa con trai yêu quý của con để làm phẩm vật tế Bà, nhà vua sẽ chưa chết và sống được trăm năm. Nếu đêm hôm nay con thi hành ngay, vua được cứu thoát ; trái lại, trong ba ngày, người sẽ thắng hà !

Nghe xong lời chỉ dẫn của Nữ thần Hậu Thổ, vị anh hùng Đại Lực vái chào Bà, nói :

- Thừa nữ Thần, tở xin tuân lời Bà, tở sẽ hành động tức khắc.

Nữ Thần kêu lên :

- Hay thay, tư cách con thật đáng khen !

Nói xong, bà biến mất.

Sau lùm cây kín đáo, nhà vua nghe không sót một lời.

Trong đêm tối dầm, Đại Lực bươn bả về nhà; tò mò, nhà vua theo sau, không ai trông thấy.

Sau khi đánh thức nàng vợ dậy, Đại Lực giải thích ch onàng nghe vì lý do nào chàng định hy sinh Tiểu Hùng, đưa con trai, ngõ hầu đức vuaặng sanh tồn.

Nàng Đạt Xa La chăm chỉ nghe chồng nói, đáp rằng :

- Nếu phải hy sinh con chúng ta, mà đưa vua được sống, cho nước nhà cường thịnh, nhân dân hạnh phúc, thì công đức nào bằng ! Chàng hãy thức con dậy và nói cho nó biết !

Đại Lực kêu con tỉnh ngủ, thuật chuyện xảy ra, kết luận rằng : “Con ơi, nếu cha mẹ hy sinh con để tế Bà Chúa Tiên thì đức vua được sống lâu dài, nhược bằng ta ích kỷ thì trong ba ngày nhà vua sẽ chết”.

Mặc dầu còn ấu thơ, Tiểu Hùng can đảm nhận lời hy sinh tánh mạng cho nhà vua, đền đáp ơn cơm áo, và giục già cha em đem em tới đền thờ.

Đại Lực mừng rỡ, vỗ tay tán thán tâm hồn cao thượng của con. Đức vua nép mình ngoài vách, nghe rõ tự sự, bảo thăm : “Quý hóa thay một gia đình can đảm như nhau !”

Thế là Đại Lực vác em bé Tiểu Hùng lên vai và vợ chàng, nàng Đạt Xa La, cũng bế con Tiểu Thư, cùng nhau hướng về Đền Bà Chúa Tiên thẳng đến.

Và đức vua cũng cấp gươm lều đeo theo sau.

Đại Lực đốt hương trầm nghi ngút, Tiểu Hùng cúi mình trước tượng Chúa Tiên cất tiếng nguyền rằng : “Con là Tiểu Hùng, cầu nguyện cùng Chúa Tiên Thánh Mẫu cho sự hy sinh chiếc đầu của con cứu được mạng sống đưa vua, ngài sống lâu trăm tuổi và trị nước thanh bình, không gặp điều trở ngại”.

Tiểu Hùng cầu nguyện xong, Đại Lực khen con vài lời, cắt lấy đầu con đặt trên chiếc mâm vàng trước tượng, vái rằng :

- Kính lạy Thánh mẫu, kẻ phạm ngày nguyền sự hy sinh của con trẻ lợi ích cho đức vua được thọ mạng kéo dài đến trăm năm.

Tức thì trên không trung có tiếng nói rằng :

- Hay thay, Đại Lực, không ai trung thành với nhà vua hơn người, người đã hiến dâng mạng sống của con đền đáp ơn vua, nợ nước.

Và vua Sử Đà na núp trong góc đền thấy nghe tất cả.

Trong lúc ấy, con bé Tiểu Thư bước lại ôm lấy đầu anh mà hôn, nước mắt em tuôn tợ suối trào, em đau đớn quá, ngã lăn tắt thở dưới chơn pho tượng Chúa Tiên.

Đạt Xa La, hiền thê của Đại Lực, liền nói rằng :

- Bây giờ Thánh Mẫu đã ban phúc cho đức vua được thọ mạng kéo dài, thiếp tôi xin thừa lại cùng chàng: con gái chúng ta mặc dầu thơ ấu thương anh đến nỗi chết vì anh, bây giờ hai con đã mất, đời sống thiếp còn nghĩa lý chi ? Thiếp tôi đã lỗi lầm không sớm dâng tánh mạng để bảo đảm hạnh phúc đức vua, giờ thì xin được hân hạnh lên giàn hỏa với hai con của thiếp.

Nàng khẩn khoản mãi, chàng mới nói rằng :

- Hiền thê đã muốn như thế thì hãy được toại nguyện. Vì từ đây nàng sẽ sống khổ trong tình thương nhớ hai con. Gặp lại hai con, nàng sẽ sung sướng. Nhưng còn ta, ta cũng tự trách sao ta đã không hiến mạng sống của ta, nếu sanh mạng người khác khả dĩ cứu sanh mạng nhà vua !

Nàng hãy chờ ta giây lát, ta tìm một mớ cây chắt làm giàn hỏa.

Đóng củi chắt xong, chàng đặt thi hài hai con lên đậy và châm ngọn lửa hồng.

Nàng Đa Xa La liền quì xuống chơn tượng Thánh Mẫu Chúa Tiên, nguyện vái rằng :

- Kính lạy Thánh Mẫu nương nương, thiếp tôi nguyện cầu kiếp sau lang quân thiếp hiện nay cũng sẽ là chồng thiếp và sự hy sinh thiếp tôi đây được ích lợi cho nhà vua, người chúa tôn kính của chàng.

Nguyện xong mấy lời, thiếu phụ đạo đức nhảy vô đám lửa hồng đang cất ngọn tựa hồ mái tóc đỏ phát phơ của một Nữ thần.

Khi đó, vị anh hùng Đại Lực nghĩ rằng :

- Thánh Mẫu đã chấp thuận tặng thọ cho nhà vua, ta đã đền song nghĩa vụ đối với ngài. Bây giờ, ta chỉ có một hình một bóng, đã hy sinh tất cả gia đình yêu mến là nguồn vui, là lẽ sống của ta, ta còn sống với ai, sống làm chi nữa ? Ấy vậy, ta nên dâng luôn sanh mạng ta cho Thánh Mẫu Chúa Tiên.

Đứng trước tượng thần, chàng đọc một bài ca tụng oai danh ân đức của Bà rồi cắt đầu mình bằng một nhát gươm.

Ấn nơi góc kính trong đền, vua Sử Đà Na mục kích tấn bi kịch diễn ra không đầy một khắc mà một gia đình đã chịu hy sinh vì thọ mạng mình, nhà vua vừa mừng rỡ vừa xúc động, khổ tâm, nghĩ rằng :

- Vệ sĩ này với gia đình chàng có một cử chỉ cao đẹp phi thường, ta chưa bao giờ đọc thấy trong sách nào hay nghe ai thuật lại một cử chỉ tương tự xảy ra bao giờ. Trên thế gian này có ai dám hy sinh tánh mạng mình một cách kín đáo cho chủ không ?

Còn ta, ta chỉ có tưởng thưởng sự hy sinh cao cả vị tăng hữu ấy bằng cách sống để cai trị muôn dân, tác oai tác phúc thượng, chẳng khác thú cầm ?

Nghĩ xong như thế, vị minh quân hùng dũng Sử Đà Na rút gươm khỏi vỏ, trước tượng Thánh Mẫu quì xuống khẩn rằng :

- Hỡi Thánh Mẫu nhân từ, đã mấy ngàn năm hộ quốc tì dân, bây giờ kẻ thiếu đức thành kính dâng chiếc đầu này cúng dường gia đình vệ sĩ Đại Lực được hồi sinh !

Khẩn xong, nhà vua đứng dậy, toan cắt lấy đầu mình, bỗng một giọng huyền bí oai nghiêm nổi lên :

- Hãy khoan, người can đảm đáng khen, vệ sĩ Bà la môn Đại Lực với vợ con sẽ hồi sinh lập tức.

Tiếng nói Thánh Mẫu im bật và vợ chồng với hai con của Đại Lực sống lại, đoàn tụ ngồi trên mặt đất.

Nhà vua vùng sa nước mắt, lại ẩn tránh trong góc đền.

Chàng vệ sĩ vừa tỉnh giấc mê thấy mình và cả vợ con đều “sống lại”, sửng sốt kêu tên mỗi người và hỏi rằng :

- Làm thế nào mà nàng và hai con đều được hồi sinh, sau khi đã lên giàn hỏa, thi thể cháy thành tro bụi. Chính ta cũng đã tự cắt đầu, sao ta sống được ? Ảo mộng hay là ân huệ của Thánh Mẫu đây ?

Chàng hỏi và vợ con đồng đáp :

- Mặc dầu chúng tôi không ý thức được sự chết đi sống lại này, song chúng tôi tin chắc rằng đây là nhờ đức cả từ bi và quyền phép thiêng liêng của Thánh Mẫu mà thôi.

Vợ chồng và hai con cúi lạy Thánh Mẫu tỏ lòng tri ân rồi ra về, Đại Lực vào hoàng cung canh gác như thường lệ.

Về phần nhà vua, ngài đã mục kiến mọi việc mà chẳng ai trông thấy ngài; ngài về đền, lên sân thượng, kêu hỏi rằng :

- Ai đứng trước đền ta đó ?
- Chính tôi, vệ sĩ Đại Lực. Tôi tuân lệnh ngài tìm người đàn bà khóc than ban nãy, nhưng khi tôi vừa đến gặp bà thì bà biến mất trong mưa gió, chẳng rõ về đâu.

Nhà vua nghe mấy lời càng ngạc nhiên, tự bảo :

- Thật mấy người cao thượng khiêm nhường kín đáo làm sao, và tâm hồn họ được tự chủ, chẳng kém gì biển rộng mênh mông ! Vì, sau khi hành động phi thường, họ không hề một mảy khoe khoang.

Trầm ngâm, nhà vua xuống lầu, vào cung thất nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, Đại Lực đến gác trước đền như mọi bữa.

Nhà vua sung sướng thuật cho đình thần nghe những điều ngài nghe thấy đêm hôm qua, mọi người đều lấy làm lạ, không ngớt ngợi khen.

Vua ban tước vương cho Đại Lực, yêu cầu chàng thống trị một nửa giang san Ngài.

Từ ấy, cả hai vua kính mến nhau và hộ trợ nhau trong mọi việc.

Nhắc lại, sau khi bãi triều, các quan lớn nhỏ nhóm lại hỏi nhau :

- Trong các vai tuồng của tấn thảm kịch kết thúc một cách khả quan, ai là người can đảm nhất ?
- Phải chăng là em bé Tiểu Hùng, mới tí tuổi đầu đã bộc lộ một tâm hồn cao thượng, mà các bậc lão thành chưa chắc được nhiều người sánh kịp ! Em tuân lời cha, chẳng chút do dự hy sinh mạng sống mình để bảo đảm sanh mạng nhà vua.
- Có phải nàng Đạt Xa La đã không bị nhi nữ thường tình chi phối, can đảm ưng thuận hy sinh đứa con trai yêu quý, chứng kiến cảnh chết của con, rồi nhảy vào đám lửa hồng tìm hai con bên kia thế giới ? Một trẻ thơ, một thiếu phụ, quen sống với tình cảm gia đình, nhất đán gặp phải hoàn cảnh đặc biệt mà hành động một cách đặc biệt, thử hỏi thiếu phụ ấy, trẻ thơ ấy có đáng cho ta nghiêng mình kính phục chẳng ?
- Còn chàng vệ sĩ Đại Lực ?
- Còn đức vua Sử Đà Na ?

Hai ngài cũng can đảm phi thường, xem mạng sống tợ mảy lông và đảng hoang tự hy sinh đúng lúc. Thế thì trong bốn nhân vật ấy, ai là người can đảm nhất ?

27/4) Con Gấu Với Cây Sung

Truyện kỳ Cao Miên

Một buổi trưa hè, chú gấu ngủ dưới bóng cây sung.

Chú nằm khoanh tròn, hai chơn trước ôm lấy mỡ; gió thổi hiu hiu, vành tai chú rung động, chú ngáy pho pho, thích thú vô cùng, thỉnh thoảng chú hứ hé nhỏ nhỏ.

Tình linh, một nhánh cây sung khô gãy rơi xuống nhằm đầu chú gấu. Minh đang ngủ say mà bị ai quấy rầy, mình có nổi tam bành lên không ? Chú gấu cũng thế.

Gấu hằm hè, gầm gừ, đứng dậy ngó lên cây, giơ chơn nhả nanh hăm dọa. Gặp cơ hội, nó sẽ trả thù ngay...

Kìa, trên con đường gồ ghề, dưới trời nắng như thiêu, một chiếc xe bò cà rịch, cà tang, nặng nề đi tới. Nó nghiêng qua lắc lại, nhiều phen muốn đổ xuống ruộng. Và, khi đi đến ngang cây sung là, rắc, cái trục xe vụt gãy ngang !

Thật là phiền phức !

Anh xa phu nhảy xuống xe, vác búa đi tìm một khúc cây và anh đối diện chú gấu :

- Ê, chào chú gấu. Cái trục xe tôi gãy bất ngờ, tôi bức quá. Chú làm ơn chỉ giùm tôi một khúc cây kha khá để tôi lắp cái trục xe khác, cảm ơn.

Thoáng một cái, gấu có một ý nghĩ tinh ranh, chú sẽ trả thù lão sung, lão đã dám chơi xấu với chú.

Gấu nói :

- Tìm đâu chi cho xa xác ! Gỗ cây sung này tốt nhất hạng, anh xa phu, anh chỉ đến nó mà lắp, anh không có trục xe nào tốt hơn nữa !

Xa phu hớn hờ vác búa xấp lại cây sung ; nhưng sung nhà ta chẳng phải tay vừa, chú gấu to nhỏ với xa phu những gì, nó nghe rõ hết. Nó liền thì thầm như tiếng gió rì rào trong cành cây.

- Anh xa phu, trục xe anh sẽ gãy nữa nếu anh không vào mỡ cho nó... Này, này, anh nghe tôi, không có mỡ nào hảo hạng cho bằng mỡ gấu.

- Anh hãy đốn cây sung lấy mỡ đi, gấu bảo.

- Anh hãy giết gấu lấy mỡ, cây sung thì thảo.

Gấu giận dữ, xúng bộ lông. Sung bắt bình, rung cành lá.

Anh xa phu thích chí cười vang. Anh càng cười, gấu càng gầm gừ, sung càng rung động.

Nhưng anh xa phu là một người thực tế; anh cười hả hê rồi anh mới bắt tay vào việc; anh đến phát cây sung để lắp trục xe, thuận tay anh xáng cho gấu một búa, lột da lấy mỡ.

Rồi, trên con đường làng gồ ghề, chiếc xe bò tiếp tục hành trình, cà rịch cà tang, nhưng lại có một cây trục chắc chắn mới toanh, thoa mỡ gấu láng lẩy.

Các bạn đừng tưởng anh xa phu hung ác, không, anh biết ứng dụng những điều chỉ bảo hữu lý, anh là một người thực tế, thế thôi !

28/5) Anh Chăn Lạc Đà Với Ông Giáo Sĩ

Truyện một ngàn lẻ một đêm

Một buổi chiều, nhà vua Á Rập cùng quan Tể tướng vi hành quan sát dân tình trong thành phố Bác Đa, gặp nơi đầu cầu một người hành khất mù lòa ngửa tay xin bố thí.

Nhà vua đặt vào tay anh một đồng vàng, song anh xin lãnh một cái tát tai trước khi thọ thí.

Ban đầu, nhà vua không thuận, nhưng anh hành khất mãi van nài, vì anh có thể nguyện cùng Thượng Đế, anh không dám bội thề... Hôm sau, nhà vua dạy tìm người hành khất dốt vô đèn, hỏi anh nguyện do lời thề lạ lùng kia.

Anh thưa rằng :

- Tâu ngài, lúc trước, tôi có tám mươi con lạc đà, tôi thường cho khách thương thuê tải hàng hóa.

Ngày kia, tôi ở thành Bát Sô Ra về, đất bầy lạc đà đi không; tôi cho chúng dừng chon ăn cỏ trong một cánh đồng sum mậu. Một ông giáo sĩ bộ hành hướng về Bát Sô Ra đến ngồi nghỉ gần tôi, lân la chuyện vãn, rồi chúng tôi bày vật thực ăn uống cùng nhau.

Ông tỏ rằng ông biết cách chỗ chúng tôi đang ngồi đây không bao xa, trong núi có một kho tàng vàng ngọc nhiều đến đổi, sau khi cho bầy lạc đà tôi chờ đi một lần, kho tàng dường như chưa hao sứt chút nào.

Tôi sung sướng quá nói với ông :

- Thưa giáo sĩ đại đức, ông là người tu hành chân chánh, không màng của cải thế gian, ông biết kho tàng quý báu ấy để mà làm gì ! Ông một thân một mình, ông có lấy được bao nhiêu đâu, tốt hơn là ông chỉ chờ cho tôi, tôi cho bầy lạc đà chờ vàng ngọc đó, tôi sẽ biếu ông một con để tỏ lòng tri ân.

Mặc dầu đề nghị của tôi rất là phi lý, tham lam biểu lộ rõ ràng, ông vẫn bình tĩnh đáp :

- Tôi lại đề nghị cùng anh như vậy, đứng đắn, công bình hơn, còn chấp thuận hay không là tùy nơi anh. Anh có tám mươi con lạc đà, tôi sẵn sàng đền kho vàng với anh, hai ta sẽ chất vàng ngọc lên lưng lạc đà, mỗi con vừa sức nó thôi, anh chia cho tôi một nửa, tức bốn mươi con, với vàng ngọc chúng ta chờ đó. Anh thấy chẳng, chia đôi như vậy có thiệt gì cho anh, anh tặng tôi bốn mươi con, vì nhờ tôi mà anh giàu vô kể, anh mua lại mấy ngàn con tiền vẫn còn thừa.

Tôi thở dài, song ưng chịu điều kiện đó.

Tức thì tôi gom bầy lạc đà rồi chúng tôi cùng đi.

Giây phút, chúng tôi đến một thung lũng nhỏ, hơi rộng, giữa hai hòn núi giốc cheo leo. Ông giáo sĩ bảo dừng chon, cho bầy lạc đà nằm sấp xuống đặng lát nữa đây để bề chất lên lưng chúng nó.

Ông nhặt một mớ nhánh cây khô, chất làm một đống, nổi lửa lên ông ném vào lửa một ít phân thom và đọc mấy câu thần chú; một luồng khói trắng bay thẳng lên trời. Lúc ấy, lạ thay, tảng đá khoảng giữa hai hòn núi, dựng đứng như một tấm vách thẳng băng, không có một kẽ hở nào, tảng đá đó bỗng dung nứt ra, chừa một lỗ hổng lớn bằng một cái cửa hai cánh.

Chúng tôi nhìn vào, thấy trong một cái hang to trở trong đá núi, một tòa lâu đài huy hoàng lộng lẫy, do thần nhơn kiến trúc chớ người thường không tài nào xây dựng.

Không cần suy nghĩ một hai, tôi nhảy bổ đến đống vàng, hốt thồn vào bao. Mấy cái bao tôi cái nào cũng to tướng, nhưng phải lượng sức lạc đà.

Ông giáo sĩ lựa toàn châu ngọc, kim cương, tôi noi gương ông, lấy châu báu nhiều hơn vàng ròng.

Công việc hoàn tất, bây giờ đến lúc bế sơn môn. Nhưng trước khi rời nơi này, ông giáo sĩ còn vào trong hang, giở nắp một cái bình vàng chạm trổ tinh vi, lấy một hộp nhỏ bằng cây gì tôi không rõ, cho tôi xem trong đấy chỉ có một ít thuốc mỡ, rồi cất cẩn thận vào túi trong.

Ông đốt lửa làm phép, vách đá lại triển liền như xưa.

Quân phân xong số lạc đà chở vàng ngọc, chúng tôi siết tay chúc lành cho nhau, ông dắt thú đi Bát Sô Ra, còn tôi về Bắc Đa.

Trong tâm tôi, tách tham bỗng bật nổi lên, tôi tiếc bốn mươi con lạc đà với cái gia tài vĩ đại trên lưng chúng, tôi nhứt định đòi lại cho kỳ được.

Tôi chạy theo ông giáo sĩ, xin ông dừng bước, tôi bảo ông rằng :

- Thừa đại đức, ngài là bậc chân tu không ham của thế, dốc một lòng thờ Chúa mà thôi, ngài chưa rõ rằng điều khiển cả một đoàn lạc đà bốn mươi con, cực nhọc khó khăn là thế nào, tôi đã kinh nghiệm sự đó; ngài nên tin tôi, chia bớt cho tôi mười con đi. Với ba mươi con, ngài cũng đã khổ sở lắm rồi !

Ông giáo sĩ đáp :

- Anh nói đúng đấy, trước khi anh chỉ dạy, tôi đã thấy phiền với chúng, anh cứ chọn lấy mười con dắt đi, và cầu Chúa gia hộ cho anh.

Tôi đuổi riêng ra mười con, cho theo nhập bầy với đoàn lạc đà của tôi.

Nhưng, thay vì cảm tạ ông tặng thêm tôi một số của cải quá to, tôi tham không đầy xui dục tôi dung tất cả lời khôn lẽ khéo xén bớt của ông mười con nữa.

Được toại nguyện quá dễ dàng, tôi lại dờ dẫm xảo mà vói thêm mười con, sau cùng là đoạt luôn mười con chót.

Ông giáo sĩ cũng bằng long ngay, không đòi co gì hết. Ông nói :

- Anh hãy dung vàng ngọc này vào việc thiện, và chớ quên rằng trời đã ban tài sản cho ta, trời lấy lại dễ dàng, nếu ta không cứu giúp những kẻ cùng khổ tật nguyền.

Lúc bấy giờ, tôi tự hỏi chẳng rõ cái hộp mà ông giáo sĩ giữ gìn kỹ lưỡng kia, quý báu thế nào.

Tôi cung kín, than mật, hỏi ông định dùng cái hộp đó làm gì; nếu chẳng ích chi cho ông thì ông nên tặng tôi phút !

Ông không từ chối, móc túi lấy ra trao tận tay tôi, bảo rằng :

- Đây này, nếu anh muốn thì lấy mà dùng. Tùy khả năng tôi, tôi sẵn lòng thỏa mãn anh mọi việc.

Tôi giở hộp ra xem, hỏi ông giáo sĩ chất thuốc mỡ trong đó hiệu lực thế nào.

Ông đáp :

- Thứ thuốc này lạ lắm, nếu ta bôi một ít quanh con mắt bên tả và trên mí mắt, ta sẽ thấy tất cả kho tàng báu vật trong lòng đất, nhưng nếu thoa lên mắt bên phải thì ta bị mù ngay.

Tôi xin ông thí nghiệm.

Ông bảo tôi nhắm mắt bên tả rồi ông thoa lên một chút thuốc. Tôi mở mắt ra thì thấy, ôi thôi, vàng ngọc châu báu không kể xiết.

Song, vì tôi lấy tay bịt mắt bên phải lâu nên mỏi, tôi thỉnh cầu ông bôi luôn cho một ít thuốc lên mắt hữu tôi.

Ông từ chối kịch liệt, rằng ông không dám làm tội ác vì, như ông đã tỏ bày, nếu bôi thuốc lên mắt phải thì tôi bị đui suốt đời.

Dục vọng mù quáng khiến tôi không tin lời ông là thật. Ông càng không thuận, tôi càng nài nỉ.

Sau cùng, không thể dừng được, ông bôi thuốc lên mắt bên hữu của tôi mà tôi đang nhắm khít.

Than ôi, khi tôi mở mắt ra thì vàng ngọc đâu biến mất, chỉ thấy đêm tối mịt mù !

Hối hận, than van, khóc lóc, đều đã muộn !

Tôi tha thiết khẩn cầu ông, mà bây giờ tôi tin có quyền phép nhiệm màu, khẩn thiết xin ông cứu tôi khỏi tàn tật góm ghê.

Ông than dài :

- Tội nghiệp thay cho anh, chỉ tại anh mới ra nông nổi ! Tôi có chút đỉnh thuật pháp do Thượng Đế ban cho, nhưng tôi không tài gì làm cho đôi mắt anh sáng lại.

Vậy anh nên cầu nguyện Chúa, nếu anh tin là có Chúa, chỉ có Người mới có quyền năng trả nhãn thức cho anh được mà thôi. Người đã ban cho anh của cải ỨC TRIỆU, anh không xứng đáng thọ hưởng, Người đã lấy lại và giao phó cho tôi bố thí cho những kẻ ít bạc bẽ hơn anh.

Thốt xong mấy lời, ông gom bày lạp đà, dắt đi Bát Sô Ra. Còn tôi, hồ then và đau đớn vô ngàn, hôm sau, tôi được một đoàn thương gia hảo tâm đem về thành Bắc Đa.

29/6) Truyện Thần Nacken

Thụy Điền

Truyền kỳ thuật rằng thần là một thanh niên, nhiều nông dân bảo đó là một ông lão tóc bạc, râu dài.

Thần chơi vĩ cầm, chơ đứng trong dòng suối chảy reo, lưng dựa vào vách đá, giữa đám rừng già. Ngày lễ Thánh Gioan, bắt đầu những đêm trong sáng nơi Thụy Điền, anh nhạc sĩ vĩ cầm trong thôn xã tìm thần và thỉnh cầu chỉ dạy cho vài bài đặc sắc.

Thần chấp thuận song đổi lại, thần cướp mất linh hồn của anh ta.

Nhạc sĩ trở về làng, đồn như khùng như điên, đồn không ngơi nghỉ, và tất cả thôn dân đều nhảy múa, dường như ngọn lửa hăng say của vị Hung thần đã truyền vào cơ thể họ ...

Đôi khi, những người tắm suối tắm sông bắt gặp thần cười hai làn sóng, dưới hình thể một con quái vật, mình ngựa đầu người. Và nếu một thiếu nữ nào chẳng may bị thần “bắt cóc” mang đi, vị hôn phu của nàng muốn gặp lại người yêu, tất phải đòn dương cầm (harpe) nhiều ngày liên tiếp và đòn hăng say, mặt day ra cảnh ba đào ...

30/7) Cây Chết Trổ Hoa

Truyền kỳ Nhựt Bồn

Thuở xưa kia, trên đất Phù Tang, có vợ chồng ông lão, nghèo xác nghèo xơ, nhưng cả đời chuyên tâm làm phước, nên đồng bào gọi ông bà bằng tên riêng là *Thiện*.

Gia tài ông bà chỉ vốn vẹn có một khoảnh đất con với một con chó vàng, cả hai được ông bà đặc biệt chăm nom. Hằng ngày, bà cuốc xới vô phân miến đất, một cây cỏ cũng không mọc được. Còn chú chó vàng, ông tắm rửa sạch sẽ và ông bà có miếng thịt bát com, chú cũng được chia sớt một phần.

Chú thương mến ông bà quá sức và trung thành không loại cẩu nào hơn.

Một đôi vợ chồng già khác cũng ở gần bên, nhưng ông Thiện đạo đức bao nhiêu, thì ông già này – Ông Ác – độc dữ bấy nhiêu ! Mỗi khó có dịp là ông đánh đập con chó vàng của ông bạn láng giềng không nương tay.

Một buổi mai kia, con chó vàng tru lên om sòm làm cho ông Thiện để ý; ông vừa ra khỏi nhà là con Vàng chạy đến cắn áo ông kéo đến một cây tùng mọc ở góc sân, rồi hai chơn trước nó cào đất kịch liệt.

Động đánh háo kỳ, ông tự hỏi không biết hôm nay con Vàng nó sinh chứng gì đây. Ông liền hỏi nó :

- Có chuyện gì đó con, Vàng ?
- Uầu, uầy, con chó vừa sủa vừa nhìn chủ còn chơn thì cào đất lia lịa.

Ông Thiện nghi có điều quan trọng xảy ra đây, ông bươn bảo vào nhà vác ra một cái xuồng rồi đào ngay xuống. Vừa xắn lên được năm ba cục đất, bỗng ông cảm thấy cái xuồng đụng nhằm vật cứng. Ông cúi mình xem thì vật ấy óng ánh như là kim thuộc. Ông nói thầm : “Vật gì đây !” và thò tay xuống lỗ bốc lên ... một nắm vàng.

Ông vui mừng cười reo mỗi khi đem lên một nắm vàng, chẳng bao lâu ông chắt một đồng vàng ngần ngùn bên cạnh gốc tùng.

Hốt vàng lên hết, ông kêu bà vợ đem mấy cái bao ra, vợ chồng tải vàng vào cất.

Nghiễm nhiên, ông bà phát giàu to.

Trong lúc ông Thiện đào gặp kho vàng, ông Ác núp sau hàng rào cây rậm mục kiến tất cả.

Hôm sau, lão qua nhà ông Thiện với vẻ tươi cười cung kính, năn nỉ ông bạn già cho lão mượn con chó vàng, dầu là trong chốc lát. Ông Thiện do dự vì ông biết từ lâu, lão Ác vẫn có ác cảm với con chó ông, song ông không hề nghĩ quấy cho bạn, vì chính ông quá hảo tâm; vậy nên ông liền cho ông Ác mượn con chó vàng.

Về đến nhà, lão Ác khoe rân với vợ :

- Bà coi mưu tôi có cao không ? Ông bạn già đã cho tôi mượn con chó đây này, chúng ta sắp giàu to. Bà hãy trao cho tôi cái cuốc và chuẩn bị bao bồ, thúng rổ đi... mau đi !

Bên vườn lão cũng có một cây thông ở góc vườn, chẳng khác bên nhà ông Thiện. Lão Ác dắt con Vàng đến gốc thông, bảo :

- Mày đã tìm được một hầm vàng bên kia, thì bên này, chắc làm sao tao cũng có một, mày chỉ cho tao mau đi. Đây phải không ? Hay là đó ? Chỗ nào ? Mau, chỉ đi !

Nhưng con chó vàng vẫn đứng trơ; lão giận quá, nắm cổ con chó ấn mạnh xuống đất. Bị đau và nghẹt thở, con Vàng hai chơn cào đất. Lão Ác liền đào với tất cả mãnh liệt của tánh tham; vàng đâu chẳng thấy, lão chỉ gặp toàn những đá sỏi và miếng sành.

Giận quá hóa điên, lão trở sống cuốc đập con chó vỡ đầu và chôn ngó ngay xuống lỗ !

Đến chiều tối, không thấy con chó trở về, ông Thiện lo lắng; sau một thời gian lưỡng lự, ông qua nhà bạn xin trả con chó cho mình.

Thần nhiên, lão Ác đáp rằng :

- Con chó của ông bạn thật là quá quắc, tôi lấy cháo thết nó để rồi dắt nó đi chơi mà nó nhảy lên toan cắn tôi, tôi lấy cây gậy dọa nó, bất ngờ nó ngã ra chết tươi. Tuy là ông bạn mến nó, song sự dĩ lỡ rồi, tôi không biết làm sao !

Ông Thiện thương tiếc con Vàng khóc như mưa, xin thi hài nó đem về an táng.

Lão ác trả lời :

- Tôi đã chôn sâu nó dưới gốc cây thông, và giờ này chắc nó đã thối tha, làm sao mà lấy xác nó về cho đặt.

Ông Thiện van nài :

- Vậy thì ông bạn chho tôi cây thông đó.

Lão Ác cười, chế giễu :

- Ông xin cây thông để làm gì ?

- Bây giờ tôi đã biết đưa tứ trung thành của tôi an nghỉ dưới cội thông thì tôi thương cây thông đó cũng như nó vậy.

- Vậy thì ông cứ tự tiện.

Ông Thiện cảm ơn lão kia nồng nhiệt, cẩn thận bết cây thông ra về.

Ông cưa cây thông ra, đóng một cái cối, tiện một cái chày, ông bà để nếp vào mà giã. Ông kêu con vàng mà nói lời âu yếm như là con thú trung thành còn sống :

- Vàng, con ơi, con chờ ông chút nhé; ông bà giã xong cối nếp sẽ xôi một nồi mà cúng vong linh con ăn.

Lạ lùng thay, thỉnh linh mấy hột nếp giã thay vì trắng tinh lại nhuộm màu hoàng kim và dính liền với nhau mà thành vàng cục, vàng đầy cối tràn ra ngoài, rớt xuống đất kêu ròn rảng thanh tao.

Ngạc nhiên, ông bà Thiện quì xuống đất, chấp tay cảm ơn con chó vàng bên kia thế giới còn báo ân cho chủ.

Chẳng bao lâu, lão Ác lại hay tin ông Thiện được may mắn lần thứ nhì : nếp giã hóa thành vàng !

Ba chơn bốn cẳng, lão chạy bay qua nhà ông bạn, hỏi mượn cối với chày đặt giã nếp nấu xôi.

Ông Thiện chỉ có cái cối với cái chày tạo bằng cây thông của lão kia, bèn mang ra cho lão mượn.

Và phen nữa, lão Ác không buồn trả những vật lão đã mượn đem về, thành thử ông bạn vong niên kia lại mất công đến hỏi :

- Nếu bạn không cần dùng chiếc cối với cái chày tôi nữa, xin bạn giao lại cho tôi.

Lão Ác chỉ vào lò :

- Chính tôi vừa đốt hai vật ấy rồi.
- Sao bạn lại đốt hai vật không phải của mình ?

Trợn mắt cau mày, lão Ác trả lời cộc lốc :

- Ông tưởng tôi vô cớ mà đốt chúng sao ? Tôi đổ nẹp vô giữa một hồi, nẹp biến thành sạn sỏi và miếng sành, có tức không ?

Ông Thiện nói :

- Thật tôi không dè chuyện xui rủi tới cho ông bạn, ông đã đốt lỡ rồi thì thôi, vậy tôi xin ông cho tôi một mớ tro do hai vật ấy ông đã đốt thiêu.
- Được, ông mang thúng lại đây.

Ông Thiện chất phác đem tro về, rải ít nắm trong vườn. Lại làm sao, lúc ấy là giữa mùa đông, cây cối ông chỉ còn những chà đen điêu không một cái lá, bỗng dung lá xanh hoa trắng mọc trở đầy cành.

Trước sự kỳ lạ như vậy, ông Thiện sững sờ rồi mừng rỡ, ông không rải tro nữa, bụng thúng tro chạy ra đường rao lên :

- Bà con cô bác hãy xem đây, lão có thể làm cho cây khô đơm hoa mọc lá.

Chính lúc ấy, ông đi ngang qua nhà quan Trấn thủ, một anh vệ binh nghe rao, ra mời ông Thiện :

- Lão trượng ơi, cây anh đào yêu quý của quan tôi chết khô, không thuốc gì cứu được. Nếu lão trượng có phép cải tử hườn sanh cây ấy thì xin hãy theo tôi.

Ông Thiện theo vệ binh vào vườn, quan Trấn thủ đang nóng nảy chờ nơi đó, bảo rằng :

- Ông có phép làm cho cây khô trở hoa sao ? Ông làm ta xem tức thì, mới rõ lời ông nói có đúng không.

Ông Thiện trèo lên cành cây anh đào ngồi vững vàng, hốt tro bắt từ trên rải xuống.

Cây anh đào lúc trước đã chết khô, bỗng trong nháy mắt đâm lá xanh dòn và hoa nở trắng cây, thật là ngoạn mục.

Quan Trấn thủ mừng vui chi xiết, khen ngợi hồi lâu rồi thưởng ông Thiện vàng bạc rất nhiều.

Thiên hạ đồn vang về tài hay của ông Thiện thấu đến tia lão Ác, lão nghĩ rằng :

- Nếu tro ấy có phép nhiệm màu như thế thì ta cần gì đến xin lão làm chi, ta chỉ hốt mớ tro còn dư trong lò mà dùng cũng được.

Nói là làm.

Lão mang thúng tro trao om khắp các nẻo đường :

- Bà con cô bác hãy xem đây, lão có phép làm cho cây khô đơm hoa mọc lá.

Quan Trấn phủ nghe rao, dạy lính ra kêu lão, ngõ hầu cứu vài ba cây đã chết trong vườn.

Thấy mặt lão, quan biết là không phải ông già hôm trước, song người cũng bảo cứ thi thử phép nhiệm của ông.

Lão Ác trèo lên cây ngồi chễm chệ rồi hốt tro rải trên thân cây, nhưng cây vẫn chết khô, không một chiếc lá. Ông tức giận càng tung nhiều tro, gió hất tro bay vào mắt quan Trấn thủ.

Người giận dữ hét lên :

- Lão già khốn nạn, lão lừa dối ta, lão không phải ông già hiền hậu có phép làm cho cây chết trở hoa hôm nọ !

Tức thì quan truyền lính đánh lão mười roi rồi giam vào ngục.

Thế là luật trời công minh, thưởng phạt lành dự, không sai chạy bao giờ, lão Ác chết mòn trong ngục, còn vợ chồng ông Thiện tích đức tu nhân hưởng phúc lâu dài.

Phần III

Giai Thoại Địa Phương

- 1) Phú Ông mất vàng
- 2) Bà già bị ếm ... giàu !
- 3) Tướng tâm
- 4) Quả báo nhãn tiền

31/1) Phú Ông Mất Vàng

Hồi xưa, dân tộc Á Đông, người Việt Nam chẳng hạn, có tục chôn vàng giấu bạc, cốt ý để dành cho con cháu sau này, nhưng đôi khi chủ nhân từ trần, hoặc không kịp, hoặc quên trời trần cho con cháu biết, thành thử số bạc vàng ấy lưu lạc chẳng biết về tai ai.

Có một phú Ông ở Tân An, vàng bạc quá nhiều chẳng biết làm chi cho hết. Ông đồ vô bốn cái ché xưa, đập nắp rang dây chì cẩn thận, rồi chôn trong bốn góc cái ao trước nhà, trên ché Ông trồng bốn bụi sen tươi tốt.

Trên ao, Ông cất một nhà thủy tạ, chiều chiều ra đây hóng mát thưởng thức hương sắc hoa sen và vuốt ve trong tư tưởng bốn cái chét vàng.

Bỗng một hôm, Ông không thấy bốn bụi sen ở góc hồ đâu nữa. Ông ngạc nhiên, bảo gia nhân xuống mò đúng chỗ Ông chôn mấy ché vàng : vàng không cánh mà bay !

Ông nhờ thầy bói trứ danh trong vùng chiêm dùm Ông một quẻ. Quẻ ứng điềm « thất vật », thầy bàn : của này tự nó bỏ Ông mà đi, chớ không ai trộm cắp. Ông muốn tìm thầy chỉ hướng cho, song gặp rồi cũng không đem về được.

Thế là phú Ông theo hướng thầy chỉ, đi mấy ngày đường, qua làng này xóm nọ, đến một ấp kia, Ông để ý trong một cái nương trước gian nhà lá, bốn bụi sen to tướng « của Ông »...

Ông vừa mừng vừa lo sợ.

Chủ nhân nhà ấy là một anh nông phu nghèo đã nhiều đời, nhưng gia đình anh, từ Ông Nội đến anh, đều hiền lành hay làm phước thiện.

Phú Ông vào nhà làm quen, hỏi chuyện làm ăn, mưa nắng, sau cùng tỏ thật bốn bụi sen với bốn cái ché vàng đó là « của mình ».

Thật thà, vợ chồng anh nông phu nói :

- Nếu sen và vàng phải của bác thì bác cứ đem về.

Phú Ông sững sờ, nhưng « quân tử » không kém anh kia, Ông nói :

- Vì tiền tài đã rời bỏ nhà tôi mà đến với chú em, tức thần tài thấy chú em hiền lành, thím đức hạnh, nên ban cho chú thím đó, tôi còn giành giật làm chi !

Vợ chồng anh nông phu làm gà nấu com thết đãi phú Ông tử tế, cảm ông ở chơi mấy ngày, và vợ chồng cặm cùi gói mấy đòn bánh tét ...

Lúc Ông từ già mà về thì nông phu ta biếu Ông bốn đòn bánh tét, kỳ thật nhum (nhân) bánh bằng vàng.

Ông vốn người khỏe mạnh, không cảm thấy bốn đòn bánh nặng lạ thường.

Ông đi đến trưa, khát nước ghé vào nhà kia xin nước uống ; ba bốn đứa nhỏ ăn mặc lam lũ, cung kính rửa tô múc cho Ông một tô nước mưa trong vắt và lăm lét nhìn mấy đòn bánh tét bộ thèm thuồng.

Ông già tinh ý, khi Ông ra về, bắt đồ Ông kêu mấy trẻ lại cho phứt mấy đòn « bánh tét » !

32/2) Bà Già Bị ... Ếm Giàu !

Không biết Ông Lỗ Ban, Tổ thợ mộc, Ông truyền phép ếm cho hậu thế làm chi mà bây giờ thợ mộc Việt Nam, nhứt là mấy bác thợ vườn mỗi lần cất nhà cho ai, tuân lệnh Ông Tổ hay ếm người ta, nặng thì trong gia đình sẽ có người chết, chủ nhân tán gia bại sản, bị liên bị thừa, nhẹ thì bất hòa, ốm đau lặt vặt, không nghe ai nói « ếm cho làm giàu, được may mắn » bao giờ.

Hỏi sao làm điều thất đức như vậy, họ bảo : « không ếm làm ăn không khá » (?)

Năm 1927, chúng tôi sửa nhà, ở Tân An.

Trong đám thợ có bác thợ Tư hay rượu, vui tính, thích nói chuyện.

Một giờ rưỡi trưa, sau khi thợ dùng miếng kẹo, uống tô trà Huế và trước khi họ tiếp tục làm việc, chúng tôi phá bác :

- Nói chuyện ếm nghe chơi, bác Tư. Bác biết ếm hôn ? Nói bác ếm giỏi lắm mà, bác đừng ếm tui tui nghe bác Tư !

- Ếm cái con khi họ ! Bác biết chút đỉnh song bác không ếm ai bao giờ, cái việc làm tổn đức ấy bác không thích.

- Cho nên bác nghèo hoài, phải hôn ? Chúng tôi reo cười.

Bác cũng cười tích toát :

- À này, bác thuật câu chuyện ếm này mấy cháu nghe, câu chuyện động trời mà kết quả lại tức cười, không ai ngờ được.

Bác tăng hăng lấy giọng :

- Cách đây mười mấy năm, bác làm phụ cho anh thợ Hai. Anh ếm đối giỏi lắm mà vẫn nghèo hoài. Có lẽ vì vậy mà anh không khá. Chúng bác cất nhà cho bà Mười.

Gia sư nghĩ cũng thường thường bực trung (bác rung đùi ngâm)

Trưa, bà đãi thợ mộc một bữa cơm ; chiều, ai về nhà nấy. Mấy tháng trường làm nhà cho bà, bữa cơm nào cũng canh chua, cá chiên, cá kho... nhưng mười bữa như một, chưa bao giờ thợ được thưởng thức cái đầu cá lóc.

Anh thợ Hai lắm bầm : « Bà già keo kiệt, để dành cái đầu cá cho bà con bà ăn. Tao sẽ ếm cho bà biết tay tao ! »

Anh nói là làm. Nhưng mấy ai học được chữ ngờ ! Cất nhà xong, tiền nong tính sòng phẳng, thầy thợ thu xếp đồ đạc mà về ; bà Mười tiền thợ mỗi người bằng một gói mắm đầu cá lóc, thợ chánh thợ phó thì gói lớn, thợ phụ, tiểu công, gói nhỏ hơn.

Đám thợ chung hứng : thế là bấy lâu, bà chủ không phải để dành đầu cá mà ăn, bà chỉ làm mắm, để hôm nay biếu cho thợ đem về vợ con.

Khổ tâm nhứt là anh thợ Hai, thợ chánh, làm sao bây giờ lấy phép ếm lại được, để gì đương nhiên lên trính dờ lấy phép ra ! Rồi bà không nghe, bà làm lớn chuyện, mới ra thế nào ? Thôi đành phú cho định mạng.

Ấy thế mà, vài năm sau, bà Mười phát giàu ngang, làm ruộng trúng mùa, nuôi heo mau lớn như thổi, buôn bán đắc lợi đắc tài. Anh thợ Hai lại càng không hiểu : sao mình ếm cho bà tán gia bại sản cho hả lòng căm tức của mình mà hậu quả lại trái ngược, bà giàu quá như vậy ? Hay là phép ếm mình hết linh ?

Sau cùng, không thể dùng được, ảnh đến nhà bà Mười viện lý lẽ chánh đáng là anh muốn lên trính coi cây có còn chắc tốt hay bị mối mọt chi chằng.

Bà Mười vui lòng chịu.

Anh thợ Hai bắc thang leo lên mái nhà, dỡ ngói trên trính mà xem thì... Trời Đất Quỷ Thần ơi, anh để ếm hai con hình nhon cầm cái gàu dai (thứ gàu có hai quai, dùng để tát nước vô ruộng) thay vì tát ra ngoài, chúng nó xây mặt vô, tát *trở vô nhà* mới lạ !

Là vì, lúc rọp cái trính, trong khi hấp tấp, anh thợ Hai vô tình đặt hai hình nhon tát vô như thế !

33/3) Tướng tâm

Cách nay độ bốn mươi năm, ở Sa Đéc (nay là Kiến Phong) có một Phú ông, chúng tôi xin tạm gọi là ông Phước ngoài thì ruộng cò bay thẳng cánh, chó chạy ngay đuôi, còn trong lại :

*Đầy nhà vàng ngọc cùng gạo thóc,
Dầy tủ giẻ hàng với bạc tiền.*

Một hôm, có thầy tướng số kiêm địa lý người Trung hoa đi vân du tới tỉnh Sa Đéc, cơm rượu bĩ bàng, câu chuyện hàng huyền rất là hấp ý.

Để đền đáp thanh tình, thầy xem giùm tướng chủ nhân, tướng mặt tướng lưng, thầy bảo ông đi ít bước, rồi lại coi chỉ tay ông. Thấy ông Phước chẳng có gì xuất sắc, thầy hỏi đến ngày sanh, bấm số tử vi, thấy càng ngạc nhiên : thì ra tướng mạo, chỉ tay và số tử vi của ông Phước đồng chứng tỏ ông là một người tầm thường, đủ ăn đủ mặc là may, và số ông thọ không quá năm mươi tuổi.

Mà năm ấy, ông đã trên sáu mươi rồi !

Thầy tính đi tính lại mãi, đâm ra nghi ngờ tài học của mình.
Sực thầy nhớ lại : hay là mờ mả tổ phụ gia chủ nằm vào huyệt tốt đây ?

Thầy mới xin ông Phước dắt thầy ra đồng, ngõ hầu thầy xem ngôi mộ của thân phụ ông cho biết.

Từ nhà đến mộ không quá ngàn thước theo đường chim bay, thế mà hai người đi quanh co bờ lớn bờ nhỏ cả giờ mới đến.

Song thân ông Phước được chôn trên một gò cao ráo, hộc mả xây đá ong, cỏ cây nhỏ sạch. Thầy mở bao lấy địa bàn giống hướng, trở thuật địa lý xem tới xem lui, tự bảo : « Lạ này, huyệt mả cũng tầm thường có gì quý đâu, có sao ông này phát phước giàu lớn như vậy ? »

Thầy nghĩ mãi không ra : hay là ông có làm điều âm chất ? Chỉ còn yếu tố đó là cùng !

Bận về, ông Phước dắt thầy đi tắt, một khắc là tới nhà, mà đi trên bờ ruộng cũng khô ráo sạch sẽ.

Thầy lấy làm lạ hỏi :

- Hà, cái lầy ông chủ, ông chủ biết con làng tắt li mau lẹ như vậy, sao hồi sớm ông chủ với ngộ không li, để quanh co xa quá, nặng chít cha, muốn pè cái lầy !

Ông Phước cười :

- Ông thầy trách tôi cũng phải, tôi xin chịu lỗi.

Nhưng hồi nãy, đến một đám ruộng, khuất đám trâm bầu, chắc ông thầy không để ý một người đang cắt lúa, bộ tịch vội vàng, mặt mày dớn dáo.

Thằng đó tôi biết, trong làng nó thật thà lắm, sao bữa nay nó cắt trộm lúa tôi, chắc cũng có duyên cớ chi đó chứ chẳng không. Nếu ông thầy với tôi đi ngang qua đó, ắt nó hoảng chạy và biết chừng đâu nó sẽ bị bắt, bị ở tù, tội nghiệp !

Thế nên tôi làm lơ, dắt ông thầy đi tẻ ngã khác cho xa, nó đừng ngó thấy.

Trên đường về, từ xa tôi thấy nó đã đi mất, tôi với ông thầy mới đi tắt về gần hơn !

Ông thầy Tàu gật đầu cười hà hà, tấm tắc khen :

- Cái lầy ông chủ ở tử tế quá, cho nên ông Chòi ông Phật mới thương ông chủ mà cho ông chủ giàu lớn lắm. Hà hà, « *tướng diện bất như tướng tâm* » là phải mà !

34/4) Quả Báo Nhân Tiên

Chuyện xảy ra tại tỉnh Tân An (Long An) cách nay lối nửa thế kỷ, những bậc lão thành không mấy ai là không biết.

Chúng tôi xin đặt tên nhân vật trong chuyện là ông Hai, bà Hai, bà Tư, bà Tám cho khỏi trùng tên ai.

Bà Hai và bà Tư là hạng người khá giả, chơi thân với nhau.

Một hôm, bà Tư đến thăm bạn ; sua năm ba câu chuyện nắng mưa, bà Tư mới nói :

- Mốt đây là đám cưới con Mười, con chị Tám. Chỉ nài nỉ tôi đi họ cho được mới nghe, không đi chỉ giận. Vàng của tôi con Ba tôi nó mượn đi Sài Gòn rồi, vậy chị làm ơn cho tôi mượn ít đôi đeo nhổng nhảnh với người ta, không lẽ mình là người danh giá thế này mà đi đám cưới tay trơn coi sao được.

Không do dự, bà Hai vô trong mở tủ bùng ô vàng năm đôi vàng chạm cho bà Tư mượn, dặn rằng hễ đi đám cưới xong là trả liền, đừng để lâu ông Hai biết đặng ổng rầy.

Bà Tư lấy khăn cột trùm cái ô xách về.

Đám cưới xong. Một ngày, hai ngày qua. Lại một tuần qua. Không thấy bà Tư đến, bà Hai nóng lòng đến nhà bạn.

Chị em gặp nhau mừng rỡ.

Trầu nước xong, bà Hai hỏi :

- Hôm rày không thấy chị lại chơi ?

Thản nhiên, bà Tư đáp :

- Dạ hôm rày, bận quá chị à, mấy đứa nhỏ đau ốm liên miên.

Ngồi nói chuyện cà kê dê ngỗng cả giờ mà không thấy bà Tư đá động gì đến mấy đôi vàng, bà Hai không nínặng bèn hỏi :

- Còn việc đó, chị Tư ?

Ngạc nhiên, bà Tư hỏi lại :

- Việc đó là việc nào vậy, chị Hai ?

Tưởng bà kia quên, bà Hai nhắc :

- Mấy đôi vàng tôi cho chị mượn đó ?

Càng ngạc nhiên, bà Tư bảo :

- Chị Hai nói mấy đôi vàng nào ?

- Thời năm đôi vàng chạm tôi cho chị mượn hôm mồng sáu, đặng chị đi đám cưới đó.

- Tôi có mượn vàng của chị làm chi ? Đi đám cưới ai ? Có ai mời tôi đi đám cưới bao giờ !

Bà Hai nghẹn ngào :

- Chị nhớ lại coi, chớ chị quên như vậy chết tôi ! Hôm mồng sáu chị lại thăm tôi, nói chị Tám mời chị đi đám cưới con Mười. Vàng chị bị con ba của chị mượn về Sài Gòn. Chị không có vàng đi đám cưới, chị mượn tôi ít đôi. Tôi đưa trọn cái ô vàng của tôi cho chị, năm đôi vàng chạm rõ ràng.

Tôi lại dặn chị đám cưới rồi mau mau đem trả lại tôi kẻo ông tôi ổng hay đặng ổng rầy. Chị quên hay sao?

Bà Tư kéo bà Hai vô buồng mở tủ đem ra một hộp vàng, hỏi :

- Vàng này phải của chị hay không ?

Bà Hai cầm coi từ chiếc :

- Không phải.

- Đó, chị thấy không ? Gia tư tôi có kém gì chị, tôi cũng có vàng vậy chứ, tôi có mượn của chị làm gì ở đâu ?

Bà Hai đứng dậy :

- Chị nói thiệt hay sao chị Tư ? Chị không có mượn năm đôi vàng chạm của tôi hả ? Chị giết tôi không gươm không dao !

Bà Tư nói nhỏ nhẹ với bạn :

- Tôi không nói chơi với chị đâu, chị Hai. Chị em mình quen nhau đã hơn ba mươi năm, chị biết tôi bao giờ cũng thành thật với chị chứ !

Chị nhớ lại coi chị cho ai mượn, chị đòi họ, chứ tôi không có mượn của chị đâu.

Bà Hai thở dài, không từ giã một tiếng, xách khăn ra về.

Từ nhà bà Tư đến nhà bà Hai, chừng năm trăm thước, thế mà bà Hai đi hơn nửa giờ và khi về tới nhà, tóc bà lúc trước mới hoa râu, bây giờ đã bạc trắng !

Mười bảy năm sau, bà mới chết.

Song từ bữa ấy, bà như là một cái xác không hồn : ăn hay ăn, ngủ hay ngủ, ăn mặc rất sạch sẽ, nhưng tuyệt nhiên không còn nói chuyện với ai bao giờ.

Và mỗi khi bà lượm được một cái lông gà, bà tướt đi cho sạch rồi bà váy tai...

Đường như bà nghe lầm lời bà Tư nói nên bà váy tai để nghe cho rõ vậy.

Ông Hai thấy mất ô vàng, năn nỉ bà, hăm dọa bà, buộc bà phải nói bà làm sao mà mất đi, hoặc bà cho ai mượn thì nói để ông đi đòi.

Khi thì bà nín thinh, cặp mắt lơ lảo ngó ra ngoài đường, khi thì bà nói vắn tắt :

- Còn đó, mất đâu !

Có khi, bà nói lầm xầm :

- Đồ ăn cướp, trả vàng cho tao !

Tội nghiệp ông Hai khuyên dỗ bà, nói rằng : “Thôi có mất thì bỏ đi, đừng tiếc của”.

Ông dắt bà đi đổi gió, hết sức chiều chuộng, thuốc men, sắm nữ trang khác cho bà.

Bà mất trí luôn, làm thế gì cũng không tỉnh ngộ.

Song các bạn khoan tưởng chuyện đời đến đây là chấm dứt.

Thuở ấy, vào năm 1919, 1920... vàng tại tỉnh Tân An lồi chừng 35, 40 đồng bạc một lượng, năm đôi vàng chạm của bà Hai giá đáng hai trăm đồng.

Thế là bà Tư giật của bà Hai hai trăm đồng !

Cả tháng không thấy bà Hai thưa gởi, bà Tư mừng.

Nhưng mà mấy ngày sau, bà Tư cảm thấy trong miệng đau đau, rờ dưới lưỡi đụng một mọt.

Mọt ấy càng ngày càng lớn, càng hành đau, có lẽ là bệnh ung thư.

Bà Tư mua thuốc Nam xức, uống thuốc Bắc, vô hiệu ! Đến bác sĩ Pháp, chẳng ăn thua gì !

Mặt bẻ, máu chảy ra, hành bà Tư rên siết cả ngày lẫn đêm. Bà chạy sáng nhà sáng cửa, tốn hao bạc ngàn, bằng năm bằng bảy số tiền giựt của bà Hai, song bệnh không thuyên giảm chút nào.

Bà làm chay, bà cúng chùa, Phật chưa xá tội cho bà !

Mỗi lần bà ăn bánh hời thịt quay, ối trời ôi, bà ăn những máu lẫn mỡ, ai chứng kiến cảnh ấy cũng rùng mình !

Không biết con ngựa quỉ là ma đòi nó ra sao, bà Tư ăn ngủ không đặng lại đau nhức cả ngày, bà ốm còn da bọc xương chắc giống như con ngựa quỉ.

Phải chăng bà đã gieo *nhân* ác cho nên bà phải gặt *quả* dữ như vậy, là thọ cái bịnh nan y hành bà đau đớn khổ sở, đau trăm đau trệ trót năm năm rồi mới từ trần.

Để kết thúc câu chuyện thưởng lành phạt ác và tập *Luân lý nhi đồng*, chúng tôi xin mời bạn đọc cùng chúng tôi suy gẫm mấy vần thi sau đây, trích trong *Minh Tâm Bửu Giám* :

*Hành tàng hư thực tự gia trị,
Họa phúc nhân do cánh vắn thùy;
Thiện ác đáo đầu chung hữu báo,
Chỉ tranh lui tảo dữ lai trì ...*

Từ quang tạp chí số 31 tháng 7 năm 1954, Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền dịch như sau :

*Việc làm hư thực tự mình hay,
Họa phúc do ta chớ hỏi thầy;
Thiện ác chung qui đều báo ứng,
Nếu không sớm đến ắt là chầy...*